

15 THÁNG 5 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

TỪ MINH hồ sơ Nga du của Tổng - thống Richard
Nixon * PHẠM CHI LĂNG nhân vụ Cộng quân lấn
chiếm Bình Định * TRẦN NGỌC NINH căn bản kinh-
tế-học của giáo dục * PHAN DU sinh dục và tiến hóa
* TRẦN VĂN TÍCH cây huê - xà (trong truyện của
Sơn-Nam và trong thực-vật-học) * LÊ PHƯƠNG CHI
doạn chót của một cuộc phỏng vấn về Giải Thơ 71 * MINH
QUÂN chuyển di Huế - Quảng Trị * MINH QUÂN
bao la * TRẦN DZA LỮ một cảnh chạy loạn ở
Trị-Thiên * NGUYỄN MỘNG GIÁC vào đời * TRẦN
HUIỀN ÂN 20 năm thôi học * HẰNG VŨ quâ
thơ * **SINH HOẠT** cái chết của Kawabata
* thời sự văn nghệ
thời sự khoa học *
thời sự thế giới *

369

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:

Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Đã soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	70đ.
SÁU THÁNG	770đ.
MỘT NĂM	1500đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 200 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 400 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan Đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trưng mục Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trưng mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 369 ngày 15-5-1972

TỪ MINH <i>Hồ sơ Nga-du của Tổng-thống Richard Nixon</i>	05
PHẠM CHI LĂNG <i>Nhân vụ Cộng quân lấn chiếm Bình - Định</i>	15
TRAN NGOC NINH <i>Giáo dục là một sự đầu tư cần được quản-trị và kế-hoạch-hóa (căn-bản kinh-tế-học của giáo-dục).</i>	23
PHAN DU <i>sinh dục và tiến hóa</i>	33
TRẦN VĂN TÍCH <i>cây huê-xà trong truyện của Sơn-Nam và trong thực-vật-học</i>	39
LÊ PHƯƠNG CHI <i>đoạn chốt của một cuộc phỏng vấn : Mộng Tuyết, Trần Dạ Từ, Trần Tuấn Kiệt trả lời về Giải Thơ 1971</i>	43
MINH QUÂN <i>một chuyến đi Huế-Quảng Trị (Bút ký).</i>	59
MINH QUÂN <i>bao la (thơ)</i>	64
TRẦN DZA LŨ <i>một cảnh chạy loạn ở Trị-Thiên (thơ)</i>	64
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	65
TRẦN HUIỀN ÂN <i>20 năm thôi học (thơ)</i>	72
HĂNG VŨ <i>quà thơ (thơ)</i>	74

SINH HOẠT

THẾ NHÂN <i>cái chết của Kawabata</i>	75
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	77
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	79
TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon

GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 6đ. mỗi số

Sách mới

— Văn đề quốc học của Kim Định do Nguồn Sáng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm những chương : chung quanh vấn đề quốc học ; Triết học chỉ là đề tranh luận ; Triết lý với quốc học ; Sự hình thành của quốc học v.v. Giá nhất định 160đ.

— Quần chúng cô đơn nguyên tác « The Lonely Crowd » của David Riesman, bản dịch của Hoàng Minh Tuynh, do Tủ sách Xã hội xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 460 trang gồm 3 phần phân tích tỉ mỉ Mỹ quốc về mặt kinh tế xã-hội học, có kèm theo : Lời bình nghị của dịch giả. Giá 600đ.

— Nhật ký của Ché Guevara, nguyên tác The Complete Bolivian Diaries of Ché Guevara, Daniel James giới thiệu, bản dịch của Nguyễn Minh Chính do Kinh Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 424 trang, trình bày đẹp.

— Sa đọa nguyên tác La Chute của A. Camus, Trần Thiện Đạo phiên dịch chú giải. Giao Điểm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 230 trang, phiên dịch và chú giải công phu. Giá 300đ.

— Nhóm lửa truyền thiếu nhi của Nguyễn Thái Hải. do Tuổi Hoa xuất bản trong loại Hoa Tím và gửi tặng. Sách dày 126 trang. Bìa của Vi Vi, trình bày rất đẹp. Giá 100đ.

— Mái tóc huyền truyền thiếu nhi phóng tác của Thùy Hương, do Tuổi Hoa xuất bản trong loại Hoa đỏ và gửi tặng. Sách dày 154 trang, Bìa của Vi Vi. Bản đặc biệt. Giá 90đ.

— Thơ Nguyễn thị Vinh do nhà xuất bản Anh Em ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 70 trang gồm trên 30 bài thơ từ 1939 đến nay, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt. Giá 280đ.

— Nếu ngày mai giải ngũ, tập thơ của Hồ chí Bửu do tập san Động Đất ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 44 trang gồm 20 thơ. Bản quý.

— Câu hỏi giáo khoa Triết (Luận lý học, Đạo đức học) lớp 12 ABCD của Nguyễn xuân Hoàng do Trí Đản xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang, gồm 2 phần, mỗi phần 7 chương. mỗi chương ngoài những câu hỏi và trả lời còn có phần trích dẫn. Giá 200đ.

Cùng quý vị độc giả và đại diện Bách Khoa tại Kontum, Pleiku, Huế, Quảng Trị...

Vì tình hình chiến sự và lưu thông gián đoạn nên bắt đầu từ số này, chúng tôi phải tạm ngưng gửi báo đến quý bạn, chắc hẳn cũng đã di tản đi nơi khác.

Vậy sau khi quý bạn có địa-chỉ mới chắc chắn, xin quý bạn liên lạc với Tòa soạn ở 160 Phan - đình - Phùng Saigon, để chúng tôi gửi lại các số thiếu và tiếp tục gửi báo.

Tòa soạn Tạp-chí BÁCH-KHOA.

Hồ sơ Nga-du của Tổng-thống Hoa-kỳ Richard-Nixon

Mùa xuân năm 1960 trong khi Tổng-thống Dwight David Eisenhower, thuộc đảng Cộng-hòa, chuẩn bị công du Mạc-tư-khoa, thì bang-giao Nga-Mỹ đột nhiên lướt vào một giai-đoạn khủng hoảng trầm trọng khiến cuộc Nga du này phải bị hủy bỏ. Và sau đó đảng Cộng-hòa thất cử trong cuộc bầu cử Tổng - thống vào cuối năm. 12 năm trôi qua người ta có cảm tưởng rằng lịch - sử đang tái diễn. Thật vậy, vào mùa xuân 1972, Tổng-thống Richard M. Nixon cũng đang chuẩn bị Nga du, thì bang giao Nga-Mỹ, sau bao năm dăm thắm, bỗng càng thẳng trở lại khiến người ta tỏ ra hết sức e ngại trước tương lai không những của chuyến Nga-du của ông Nixon mà còn của đảng Cộng-hòa trong cuộc bầu cử Tổng - thống vào tháng 11 tới nữa.

Tuy nhiên các biến chuyển năm 1972 chỉ giống các biến chuyển năm 1960 ở một vài điểm mà thôi. Tình hình chính-trị thế-giới đã thay đổi nhiều trong 12 năm qua, nên dù vào năm 1972 này Nga tái diễn trò dỏ mặt như vào năm 1960, thì phản-ứng của Mỹ dưới thời đại Nixon cũng khác hẳn với phản-ứng của Mỹ dưới thời đại Eisenhower. Vì vậy mà cho đến tận giờ phút này, chuyến đi Mạc-tư-khoa của Tổng-thống Hoa-kỳ chưa bị đe dọa hủy bỏ và ông Nixon vẫn tiếp

tục nghiên cứu tập hồ sơ Nga-du đầy đặc dữ-kiện.

Sự trở mặt ngoại - giao của Nga - xô.

Sự trở mặt (volte-face) ngoại giao của Nga không phải là một điều mới lạ trong lịch sử bang giao thế-giới. Vì trở mặt đã là một phương-tiện mà các nhà ngoại - giao Cộng - sản Nga luôn luôn sử-dụng như một phương-tiện để thủ lợi. Nếu đi ngược dòng lịch-sử người ta đã thấy các lãnh-tụ Điện Cẩm-linh luôn luôn tráo trở trong các hoạt-động ngoại-giao. Năm 1939, chính Staline đã thương thuyết cùng một lúc với cả phe Anh-Pháp lẫn phe Đức Quốc-xã của Hitler. Và vào lúc mà một minh-ước Anh-Pháp-Nga có nhiều hy-vọng được ký kết nhất, thì Ngoại-trưởng của Hitler là Von Ribbentrop đã đột ngột sang Mạc-tư-Khoa để ký hiệp-ước hợp tác và bất-tương-xâm với Molotov.

Trong giai-đoạn hậu chiến cũng vậy. Krouchtchev đã đơn phương hủy-bỏ hiệp-ước cộng-tác với một nước "Trung Cộng anh em" để được Tổng thống Eisenhower mời sang viếng Hoa-kỳ vào năm 1958. Nhưng khi ông Eisenhower chuẩn bị sang Nga đáp lễ, thề theo lời mời của Chính phủ Mạc-tư-khoa, thì Krouchtchev đã lấy cớ là các máy bay U-2 của Mỹ tuần thám trên lãnh-thổ Nga

đề yêu cầu ông Eisenhower hủy bỏ chuyển đi này.

Vào cuối năm 1960 trong cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ, ông Nixon ứng-cử-viên của đảng Cộng-hòa và là gà nòi của ông Eisenhower, đã bị ông Kennedy, ứng-cử-viên đảng Dân-chủ, đánh bại. Việc thất cử của ông Nixon vào năm 1960 được các lãnh-tụ Nga coi là công trình của họ. Đã có lần Krouchtchev khoe với Tổng-thống Kennedy rằng chính ông ta đã giúp cho ông Kennedy đắc cử Tổng-thống. Dù sự-kiện này đúng hay sai thì các lãnh-tụ Điện Cẩm-linh cũng muốn tái diễn các đòn năm 1960 để đóng vai trò trọng-tài trong cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ năm nay.

Vì vậy mà người ta thấy chính phủ Nga đã dùng đủ mọi phương-tiện để đặt ông Nixon vào một thế yếu tại cuộc hội-đàm thượng đỉnh vào ngày 22-5 tới. Ngày 30-3 vừa qua quân đội Bắc-Việt lần đầu tiên ra mặt tấn công Nam-Việt, dùng trọng-pháo chiến-xa và đôi khi cả phi cơ. Để mở những cuộc tấn công rộng lớn kiểu cồ-diễn và ở xa lãnh-thò Bắc-Việt, chính phủ Hà-nội bắt buộc phải nhận viện-trợ quân-sự của Nga. Nga lại càng sẵn sàng viện trợ cho Bắc-Việt khi Bắc-Việt ở trong một thế quân-bình bấp-bênh giữa Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa. Viện trợ cho Bắc-Việt càng nhiều tức là càng lôi cuốn nước này khỏi ảnh hưởng Trung-hoa và càng củng cố được địa-vị của phe thân Nga do Phạm-Văn-Đồng và Võ-Nguyên-Giáp lãnh đạo.

Vì vậy mà trong khi các phần-tử chủ-bại của đảng Dân-chủ Mỹ chủ-trương chấm dứt viện trợ quân sự cho Nam-Việt thì không bao giờ các giới-chức Nga, dù là ôn hòa tới đâu đi nữa hay dù có chủ trương sống chung hòa bình đến thế nào, cũng không hề tính chuyện ngưng viện trợ cho Bắc-Việt. Sau cuộc Hoa-du của Tổng-thống Nixon, khối lượng viện-trợ của Nga cho Bắc-Việt đã gia tăng gấp đôi. Khoảng 60 dàn hỏa-tiễn Địa không SA—2 đã được gửi tới Bắc-Việt để tăng cường hệ-thống phòng không.

Một tuần trước khi quân Bắc-Việt khởi sự tấn công Nam-Việt, một phái đoàn quân sự Nga do Thống-chế Batitsky cầm đầu đã tới Bắc-Việt để nghiên cứu tại chỗ các vấn đề quân sự. Thống chế Batitsky đã từng sang Ấn-độ vào tháng 12 năm ngoái để xúi dục bà Gandhi tấn công Hồi-Quốc. Ngoài ra Batitsky lại còn là một chuyên viên phòng không của Nga-sô.

Nếu các cuộc tấn công của phe Cộng sản thành công hay chỉ có vẻ thành công, thì không những Tổng-Thống Nixon sẽ tới Mạc-tư-khoa với một thế yếu mà địa-vị của Hoa-kỳ trên thế-giới còn bị lung lay đến nỗi các nước Âu-châu trong Minh ước Bắc Đại-tây-dương và các nước Á-châu từ trước đến nay chống Cộng, cũng phải tìm cách nhích lại Nga-sô để tránh hậu họa.

Nếu phe Cộng-sản thắng lợi ở Việt-Nam thì không những Nga lôi kéo được Bắc-Việt khỏi nanh vuốt

Trung Cộng mà Nga sẽ nhay được vào Á-châu đóng vai trò thống trị. Thật vậy, nhờ thái độ thân hữu của hai vị nữ Thủ-tướng Ấn-độ và Tích lan, Nga đã mở được một cánh cửa đề vào Á-châu. Nếu Bắc Việt rơi vào vòng ảnh hưởng của Nga thì Nga lại mở thêm được một cánh cửa nữa. Vì vậy mà các hoạt động của Nga đề súi bầy và yểm-trợ Bắc-Việt trong cuộc tấn công hiện tại không những hướng về phía Mỹ mà còn hướng cả về phía Trung-Cộng. Vụ Bắc-Việt tổng tấn công Nam Việt với vũ khí hùng hậu của Nga là một hành động của Mạc-tư-khoa cảnh cáo Hoa-thịnh-đốn và Bắc-kinh.

Người ta tự hỏi rằng khi phá Mỹ như vậy nếu Mỹ phản ứng lại bằng cách hủy bỏ chuyển Nga-du của Tổng - thống Nixon hay là ngưng thương thuyết hạn chế vũ-khí chiến-thuật thì sao? Các giới chức Nga trả lời rằng sáng kiến Nga du là của Mỹ chứ không phải của Nga. Nếu cộng tác với Mỹ để có thể được Mỹ cho vay tiền thì càng tốt, nếu không thì cũng chẳng sao vì từ trên nửa thế-kỷ qua Nga đã xây dựng xã-hội chủ-nghĩa mà đâu có cần đến tiền của thế-giới tư-bản. Còn việc tiết giảm vũ-khí nguyên-tử thì tiết-giảm chỉ có lợi cho Mỹ mà thôi, vì Mỹ, dù chưa có thỏa hiệp nào với Nga, cũng đã ngưng chế-tạo những hỏa-tiễn mới và các tàu ngầm nguyên tử từ năm 1967 tới nay rồi. Trong khi đó Nga lại sản xuất mạnh mẽ các vũ - khí đủ loại. Cuộc hội đàm tại Helsinki nếu

đi tới kết quả thì chỉ là cầm chân Nga mà thôi.

Trong trường hợp Bắc - Việt thất bại trong các cuộc tấn công hiện tại thì Nga cũng chỉ trả một giá rất nhẹ vì nếu Mỹ phản công kịch liệt thì chỉ có Bắc Việt lãnh đủ mà thôi. Như vậy theo quan điểm của Nga súi Bắc Việt tấn công Nam Việt chỉ có lợi mà thôi.

Sự trở mặt này đã làm ông Nixon hết sức lúng túng. Gần hai tháng trước khi ông sang Nga và 7 tháng trước khi ông ra tái ứng cử Tổng-thống, tình hình Việt-Nam bỗng dưng sôi động trở lại khiến ông Nixon đã phải xét lại toàn diện bài toán chính-trị của ông.

Bài toán chính-trị của Hoa-kỳ.

Từ nhiều năm qua Nga-sô đã đóng vai một người anh hiền lành cố hết sức ngăn cản đũa em Bắc - Việt ngỗ ngược hay gây gổ trong khi Trung-Cộng thì lại luôn luôn đâm bị thóc chọc bị gạo, khích bác các phe lâm chiến để đổ dầu vào lửa. Thái độ ôn hòa của Nga, những hành động của Nga nhằm giải quyết chiến tranh ở Việt - Nam đã bị Bắc - kinh đả kích thậm tệ trong quá khứ. Chính phủ Bắc-kinh luôn luôn tố cáo là "bọn xét lại Nga-sô" đã nổi giáo cho giặc là Đế-quốc Mỹ để giết hại nước anh em.

Nhưng từ khi Tổng-thống Nixon được Mao - Trạch - Đông và Chu-ân-Lai đón tiếp long trọng tại Bắc-kinh vào tháng 2 vừa qua thì người ta lại thấy vị-trí của Trung-Cộng và Nga-sô đảo ngược lại. Lần này Nga đóng vai

« anh hùng ra tay bênh kẻ yếu Bắc Việt » trong khi Trung-Cộng lại tìm đủ mọi cách để tiếp tay với Mỹ trong việc ngăn chặn sự hung hăng của Bắc-Việt.

Một sự khôi-hài của chính-trị thế-giới là từ trước tới nay chính-phủ Hoa-kỳ luôn luôn mong mỏi là phe thân Nga ở Hà-nội, dưới sự hướng dẫn của Lê-Duẩn và Võ-Nguyên-Giáp sẽ thắng phe thân Trung-Cộng của Trường-Chinh để Bắc-Việt sớm chấm dứt cuộc xâm lăng miền Nam. Nhưng ngày nay tại Hà-nội, cán cân lực-lượng đã ngả hẳn về phe thân Nga thì cuộc chiến-tranh hiện-tại không những không chấm-dứt mà lại còn bùng lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Rõ là từ trước tới nay Võ-Nguyên-Giáp đã im-lìm chờ-đợi kết-quả cuộc tranh-chấp quyền hành ở Hà-nội. Việc chính-quyền Hà-nội tuân theo chỉ-thị của Nga để tấn-công vào Nam với vũ-khí của Nga cung-cấp cho người ta thấy phe thân Nga đã thắng. Ngoài ra Hoa-kỳ, sau bài học này, còn hiểu thêm rằng dù phe nào thân Nga hay thân Trung Cộng cầm-quyền ở Hà-nội, thì các lãnh-tụ miền Bắc vẫn không từ bỏ mộng xích-hóa miền Nam. Do đó vấn-đề Việt-nam chỉ có thể giải-quyết được trên chiến-trường Việt-nam. Các cuộc hòa-đàm dù công khai hay bí-mật, chỉ có thể đưa tới kết-quả nếu Bắc-Việt bị ngăn-chặn trên chiến-trường mà thôi. Nhờ sự can-thiệp của Nga hay của Trung-Cộng cũng chỉ là một ảo-tưởng vì cả hai nước này sẽ không bao giờ bỏ mộng dùng Bắc-Việt làm công-cụ

bành-trướng thế-lực của riêng mình. Nếu Nga-sô hay Trung-Cộng, trong một lúc nào đó, tỏ ra ôn-hòa thì đó cũng chỉ là một chiến-thuật trong một chiến-lược dài hạn.

Nhưng đó là vấn-đề dài hạn. Trong ngắn hạn, ông Nixon phải làm gì để cho cuộc chiến-tranh Việt-nam sẽ không còn là một đề tài tranh-cử vào mùa thu năm nay. Như thế có nghĩa là ông phải có phản-ứng quân-sự mạnh-mẽ tại Việt-nam mà vẫn không bắt buộc phải gửi quân-đội Mỹ trở lại Việt-nam. Vì gửi quân trở lại Việt-nam sẽ là một hành-động nguy hại tới tương-lai chính-trị của chính ông Nixon.

Ông Nixon đang ở vào một tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Nếu để phe Cộng-sản thắng ở Việt-nam, ông sẽ là vị Tổng-thống đầu tiên của Hoa-kỳ bị bại trận và chắc chắn sẽ thất-cử. Nhưng nếu ông gửi quân trở lại Việt-nam thì dân chúng Hoa-kỳ sẽ công phẫn và ông cũng thất cử.

Biết như vậy nên Tổng-thống Nixon đã quyết định áp dụng một biện-pháp dung hòa là ra lệnh cho không quân yểm trợ quân đội Nam-Việt và tiếp tục rút thêm 20,000 quân Mỹ khỏi Việt-nam. Làm như vậy ông đã theo đúng lời khuyên của Tướng Mac Arthur khi ông này còn chỉ-huy trận chiến Cao-ly : « Tại Á-châu không bao giờ nên dùng bộ-binh mà chỉ nên dùng không quân. » Tiếp tục rút quân đã cho phép ông Nixon xác nhận rằng chương-trình Việt-hóa thành công. Nhưng ra lệnh

cho không-quân oanh-tạc các địa điểm quan trọng trên lãnh thổ Bắc-Việt, mức can thiệp của Hoa-kỳ trong chiến cuộc Việt-Nam lại lên cao hơn bao giờ hết.

Khi ra lệnh tái oanh tạc Bắc-Việt, chính phủ Hoa-thịnh-đốn đã tỏ rất mạnh mẽ nên ông Nixon e ngại chờ đợi phản-ứng của Nga cũng như phản-ứng của dân chúng Hoa-kỳ. Và ông đã thấy nhẹ nhõm khi cả hai phản ứng này đều hết sức hời hợt không đáng kể. Nga chỉ cảnh cáo là «Mỹ không nên chơi với lửa» mà thôi chứ không hề dả động đến ảnh-hưởng của việc tái oanh tạc Bắc-Việt đối với cuộc Nga-du của Tổng-thống Mỹ. Ngoài ra phát-ngôn-viên Nga còn cố gắng xoa dịu tình trạng căng thẳng Nga-Mỹ bằng cách nói rằng: «Tôi chắc rằng Tổng-thống Mỹ cũng hiểu là chúng tôi có bổn phận đối với một Bắc-Việt theo xã-hội chủ-nghĩa»

Biết rằng Mạc-tư-khoa không có phản-ứng nào ngoài các lời đe dọa tương đối nhẹ nhàng, ông Nixon đã làm tới và vẫn xúc tiến cuộc Nga du. Ông Nixon cho rằng Nga cần ông sang Nga hơn là Hoa-kỳ cần. Thật vậy nếu người ta nhìn lại sự hoảng hốt của Nga vào tháng 7 năm ngoái, sau khi ông Kissinger từ Bắc Kinh trở về, thì mặc dù Nga có nói thế nào đi nữa người ta vẫn thấy Nga trông đợi rất nhiều ở cuộc hội-đàm thượng đỉnh Nixon-Brejnev.

Trong cuộc hội-đàm này, khá

nhiều vấn-đề sẽ được đề cập tới. Đầu tiên là vấn-đề giảm vũ-khí chiến-thuật. Cuộc hội-đàm về tiết-giảm vũ-khí chiến-huật tại Helsinki đã bị ngưng lại 2 tuần-lễ sau khi Mỹ tái oanh tạc Bắc-Việt. Tuy Nga nói không cần, nhưng nếu một thỏa-hiệp được ký-kết thì Nga sẽ có thể giảm bớt chi-phí quân-sự để đầu tư trong ngành phát triển kinh-tế.

Vấn đề thứ hai quan trọng không kém là vấn đề trao đổi kinh-tế giữa hai bên. Nga muốn mua nông phẩm của Mỹ trong khi Mỹ muốn được sử dụng hơi (gaz) của Nga. Ngoài ra hai bên đều mong muốn trao đổi kiến-thức kỹ-thuật nhất là trong lãnh-vực khoa-học không gian.

Tinh-thần hợp-tác Nga - Mỹ hiện-tại là kết-quả của trên 10 năm hoạt động ngoại-giao. Nga không thể vì Bắc-Việt mà hy-sinh những thành quả đã lượm được trong công cuộc cải-thiện bang-giao với khối Tây-phương. Dù cho Bắc-Việt có thắng chưa chắc Nga đã làm chủ được Á-châu vì Trung Cộng lúc đó sẽ nhảy vào vòng chiến, quyết ăn thua đủ với Nga. Mỹ là kẻ thù của Trung-Cộng nhưng là kẻ thù ở xa xôi. Trong khi Nga là kẻ thù ở ngay sát nách nên nguy hiểm hơn nhiều. Vì vậy nếu Mỹ bị loại ở Á-châu, Trung-Cộng sẽ bị Nga trực-tiếp đe dọa. Hơn nữa một trong những điểm tựa của Nga ở Á-châu là bà Gandhi. Tuy Nga giúp Ấn-độ chiến thắng Hồi-quốc, nhưng chưa chắc gì bà Gandhi đã theo hẳn Nga. Nền ngoại-giao Ấn-độ cũng tráo-trở không

kém gì nền ngoại-giao Nga.

Hủy bỏ cuộc Nga-du của ông Nixon, tình hình Á-châu sẽ căng thẳng trở lại và ông Willy Brandt sẽ có thể vì đó mà từ chối không chịu xin Quốc-hội Tây-Đức duyệt-y các hiệp-ước hợp-tác giữa Tây-Đức, Nga và Ba-lan. Tại Âu-châu, Nga sợ Đức nhất. Chỉ có hiệp-ước này mới ngăn-chặn sức bành-trướng của Đức trong tương lai mà thôi.

Sau hết ông Brejnev, từ khi loại Krouchtchev khỏi chính quyền vào năm 1964 tới nay, củng cố được địa vị nhờ chính sách hòa-hoãn của ông. Nếu ông phá cuộc Nga-du của Tổng-thống Nixon thì chính ông Brejnev sẽ bị mất danh-hiệu là « con người của hòa-bình ». Vì vậy mà ông hết sức tránh không hành động như Krouchtchev đối với cuộc Nga-du của Tổng-thống Eisenhower năm 1960.

Sau khi tính kỹ ưu-điểm và nhược điểm của đối phương cũng như của chính mình, ông Nixon đã ra lệnh cho Tiến-sĩ Kissinger bí mật sang Nga để thăm dò phản-ứng của giới lãnh-đạo Mạc-tư-khoa. Ông Kissinger, giờ đây trở thành chuyên viên mật nghị, đã được dịp trở lại ăn nói đề thuyết-phục ông Brejnev là một tình-trạng hòa-diu quốc-tế có lợi cho cả hai bên. Không hiểu hai ông Brejnev và Kissinger đã tâm sự với nhau những gì mà cuộc hội đàm đã kéo dài tới 14 giờ đồng hồ, và sau đó ông Kissinger còn cố ở lại Mạc-tư-khoa thêm 24 giờ nữa. Trong 4 ngày ở Mạc-tư-khoa,

ông Kissinger đã được Nga tiếp đãi như một thượng khách.

Sau khi ông Kissinger trở về Hoa-thịnh-đôn, ông Nixon đã vững tâm đề không những giữ nguyên ý định Nga du mà còn bằng lòng tái nhóm hòa-hội Paris. Trong khi đó, Nga cũng phái hai nhân viên cao cấp sang Hà-nội. Hai nhân vật này sang Hà-nội làm gì người ta chưa được rõ. Nhưng ngay sau đó cả Lê-đức-Thọ và Nguyễn-thị-Bình đều tuyên-bố ở Paris rằng họ sẵn sàng giúp các đại-cường để tìm kiếm một giải-pháp.

Như vậy tuy tình hình chiến sự không tiến-triển như ông Nixon mong muốn nhưng ông đã tạm dàn xếp với phe bên kia để khi ông sang Mạc-tư-khoa ông sẽ không ở vào địa vị một kẻ thất thế.

Về phía quốc nội, ông Nixon cũng cố gắng tìm cách xoa dịu sự phẫn-nộ của phe bồ câu phản chiến khi ông tuyên bố tiếp tục rút quân. Thật ra thì phe phản chiến không có những hành động phản đối sôi động như hai năm về trước, khi Mỹ can-thiệp ở Campuchia. Các vụ biểu tình dưới hình thức « nằm chết » (die-in) của sinh viên rải rác tại các trường Đại-học huy động số người tham dự ít hơn là các vụ biểu tình dưới hình-thức « ngồi lì » (sit-in) trong quá khứ.

Hơn nữa Nguyễn-thị-Bình, khi trở lại Paris, đã làm một điều sai lầm thiếu tâm-lý là kêu gọi dân chúng Mỹ nổi loạn đòi chấm dứt chiến tranh.

(xem tiếp trang 86)

Nhân vụ Cộng quân lấn chiếm Bình-Định

Từ chiếm đất đến chiếm dân.

Cuộc Tổng-công-kích vẫn sôi động tại các mặt trận Trị - Thiên, Tây-Nguyên, Bình-Long đã làm cho nhiều người ít chú ý đến mối nguy - cơ quan-trọng hơn : Vụ lấn chiếm mà Cộng-sản gọi là *nhân dân nổi dậy* ở Bình-Định.

Bình-định hiện là trường-hợp điển hình của Tổng-nổi-dậy. Như BK số 368 ngày 1-5 vừa qua, đã trình bày *nổi dậy* là hành - động nặng về chính-trị : trong ba mũi giáp công, mũi chính-trị là chủ-yếu, quân sự và binh vận được coi là mũi hỗ-trợ. Mũi quân-sự ở đây thường trụ vào bộ đội địa-phương, du-kích, sự tham dự của chủ-lực nếu có cũng chỉ được coi là phụ thuộc.

Tấn-công quân-sự thuần túy được đẩy mạnh ở các vùng trong diêm vừa đề chiếm đất, vừa đề tạo điều - kiện cho nỗ lực *nổi dậy* ở các khu vực đông dân kể cận. Công-kích mạnh của Cộng quân đối với dân không khác gì việc đánh cá bằng cốt mìn ; kết quả là một số cá chết, một số cá bị thương, còn phần lớn cá không bị ảnh-hưởng trực tiếp sức ép của vụ nổi thì bỏ chạy tán loạn hết. *Nổi dậy* tại một khu vực là một hành động đánh cá bằng lưới chụp. Bất thần lưới tung lên chụp xuống, cá vừa thấy động thì đã muợn, chung quanh đã kín lưới không còn đường nào mà thoát thân. Nói chung, chủ-trương

của Cộng-sản Việt là vừa *công kích* đề chiếm đất, vừa *nổi dậy* đề chiếm dân.

Sau sáu tuần lễ Tổng-công-kích, Cộng quân đã chiếm được trọn tỉnh Quảng-trị, phân nửa tỉnh Kontum, phân nửa tỉnh Bình - Long. Đất tuy rộng nhưng dân chẳng còn bao nhiêu, vì cái lối đánh cá bằng cốt mìn ấy đã xua dân chạy — chưa hẳn muốn theo ai, chống ai, song chủ yếu là miễn sao cho khỏi chết. Do đó, chỉ có những người không chạy thoát mới đành ở lại. Tổng số kẹt lại tại cả ba khu vực trên chỉ chừng trên dưới 6, 7 chục ngàn.

Nay, nhìn sang *nổi dậy* ở Bình-Định, mới chừng hai, ba tuần lễ, phân nửa phía Bắc tỉnh này đã bị lọt vào tay Cộng-quân. Trong phân nửa còn lại thì nhiều nơi đã bị ung thối vì hoạt - động của các tổ chức nằm vùng. Tổng-số dân chúng mà chính quyền Bình-Định không còn kiểm soát được nữa đã lên đến gần bốn trăm ngàn. Số này hiện vẫn còn đang tăng.

Nếu không có biện pháp chặn đứng hành-động lấn chiếm của Cộng - sản địa phương thì.

— từng xã sẽ mất, viên chức xã ấp sẽ cuốn gói chạy về quận lỵ.

— từng quận sẽ mất, viên chức quận sẽ cuốn gói chạy về tỉnh (trừ những người có tinh thần tử thủ như quận trưởng Hoài - Nhơn, đã chiến đấu và chết tại quận đường).

— đề rồi cuối cùng Quy - Nhơn sẽ bị bao vây khắp mặt đất liền và chỉ còn một lối mở duy nhất : lối chạy ra biển !

Có lẽ cũng vì ám ảnh cô lập, không lối thoát thân, nên hiện dân chúng Quy-Nhơn đang ùn ùn kéo chạy về Nha-Trang và Saigon. Không có lời trấn an nào, dù cương quyết, của giới cầm quyền địa phương có thể cầm chân nổi dân chúng. Điều này chứng tỏ chính-quyền Bình - Định đã mất tín nhiệm trước nhân dân, nhưng đa số nhân dân cũng không hề dám đặt tín nhiệm vào Cộng-sản.

Khu-vực yêu-cầu và phương thức tiến hành

Hành-động chiếm dân của Cộng-sản Việt, nếu thành công phần nào ở Bình-Định, thì lại tỏ ra thất bại ở nhiều nơi.

Trong kế-hoạch chung của Cộng-sản, Tổng-công-kích đi trước, nhưng phải được Tổng-nổi-dậy tiếp ứng liền sau thì mới đưa đến Tổng-khởi-nghĩa được. Khi công-kích ở Quảng-Trị, Cộng-sản cũng chuẩn bị phát-động nổi dậy ở Thừa-thiên, Quảng-đà ; công-kích ở Tây-nguyên, phải có nổi dậy tiếp theo ở Tín, Ngãi, Bình, Phú... ; công-kích ở Bình-Long phải có nổi dậy ở Tây-Ninh, Bình-Dương... Ngoài ra, tại Quân-khu 4, khi vì nhu cầu chiến trường, Sài-gòn rút toàn bộ SĐ21BB và một phần SĐ7BB ra khỏi khu vực trách nhiệm cũ, thì Cộng-sản sẽ dùng lực lượng căn-cứ-địa U-minh tạo áp

lực cho nổi-dậy ở khắp mồm cực Nam gồm các tỉnh An-Xuyên, Bạc-Liêu, Chương-Thiện, cùng một phần Kiên-giang... và sẽ lấy lực lượng địa-phương tạo nổi dậy ở Kiến-Hòa. Kiến-Hòa nổi dậy, Kiến-tương sẽ là mối ngon cho tấn-công quân-sự từ Kam-pu-chia sang, toàn thể khu vực Tiền-giang sẽ chìm lún trong ảnh hưởng Cộng-sản.

Cộng-sản Việt hiện không thực hiện nổi toàn bộ kế-hoạch dự trù, nhưng nỗ lực nổi dậy cũng chẳng phải vì thế mà không được tiếp tục đẩy mạnh, nhất là *bước chuẩn bị* Cộng-sản đã đẩy công tiến hành từ lâu ở hàng ngàn thôn ấp. *Bước chuẩn bị* thì kéo dài hàng tháng, hàng năm, nhưng *bước phát động* thì bùng lên một cách ồn ào trong vòng dăm ba ngày. Khi chuẩn bị, Cộng-sản đã điều nghiên chi tiết khu vực phát động : điều nghiên địa thế, điều nghiên dân chúng, điều nghiên đối tượng diệt trừ. Đối tượng diệt trừ của Cộng-sản được liệt kê theo thứ tự :

— Đảng phái (quốc gia chống Cộng)

— Tề điệp (viên chức chính quyền, gián điệp)

— Bán quân sự (địa phương quân, nghĩa quân).

Khi phát động lên được, công việc đầu tiên là phải tóm bắt một số phần-tử trên đề đưa ra "tòa án nhân-dân" Một vài phần tử mà Cộng-sản cho là nguy hiểm nhất trong xã ấp sẽ bị xử-tử đề tạo khí thế cách-mạng. Một số khác sẽ bị lên án tù đầy và

phải đứng ra nhận tội trước dân chúng. Ngòi kẻ khờ đã được sửa soạn sẵn, lúc ấy sẽ "tự nguyện" kêu oan, kẻ khờ đề tiện bề khếp tội.

Cuối giai đoạn chuẩn bị, Cộng-sản đã lập sẵn Ủy-ban khởi-nghĩa và Ủy-ban nhân-dân cách-mạng. Lúc phát-động, Ủy-ban khởi-nghĩa đảm trách mọi công tác và sẽ bày ra việc bầu bán để lập Hội-đồng Nhân-dân Cách-mạng. Hội-đồng này cùng Ủy-ban Nhân-dân Cách-mạng hợp thành cơ-cấu chính-quyền địa-phương dưới hệ-thống chính-quyền trung-ương miền Nam của Cộng-sản (Chính-phủ Cách-mạng Lâm-thời Cộng-hòa miền Nam).

Khi bước phát động đã hoàn tất, Cộng-sản sẽ chuyển sang *bước cùng cổ*, tức là giai đoạn đấu tranh giữ vững những thành quả đã đạt được, trong đó có việc lập xã ấp chiến-đấu, tổ chức đảng, đoàn, tạo lực lượng chính trị, tập hợp thân nhân binh-sĩ để huấn luyện và đàn áp tinh thần hầu sử dụng cho công tác binh-vận, tạo nhân các vùng lân cận để chuẩn bị bành trướng "vùng giải-phóng".

Tiến thoái trên các mặt trận chỉ là chuyện nhất thời

Cho tới nay, chúng tôi vẫn nghĩ rằng hoạt-động nổi dậy ở nông thôn nguy hiểm hơn hoạt động tấn công ở ạt trên các mặt trận quy mô.

Tại các mặt trận, cuộc chiến đã diễn ra tương tự như chiến tranh giữa Sơn-tinh và Thủy-tinh trong huyền-thoại Cồ-Việt. Nước dâng thì

núi cũng dâng; nước dâng cao bao nhiêu, núi sẽ dâng cao bấy nhiêu. Nói một cách cụ thể là Nga thò ngón này, Mỹ sẽ đưa ngón khác đề khắc chế, và dĩ nhiên chỉ đưa những ngón vừa đủ đề khắc chế mà thôi. Cộng-quân có tung ra chiến trường T.54 thì Mỹ mới vội vã chở M.48 đến Nam Việt (trước đây chỉ có một số rất nhỏ ở Quân-khu 1), một loại chiến-xa có khả năng gần tương-đương T.54. Trước kia cũng vậy, chỉ khi AK của Cộng-quân nổ dòn vang trên khắp các đường phố (trong cuộc Tổng-công-kích Tết Mậu-Thân) thì quân đội Miền Nam mới được trang bị M.16.

Sao Mỹ không tiên liệu trang bị M.16 cho Miền Nam trước khi Cộng-quân có AK? Sao Mỹ không giao M48 cho Miền Nam khi Bắc Việt mới chỉ có P.T. 76 và T. 34? Ngay bây giờ cũng vậy, trong khi không-lực Bắc Việt có Mig 21, sao Mỹ không trang bị F4 cho Nam-Việt như đã trang bị cho Israél (vì ít ra phải là F4 mới đương cự nổi các loại Mig)? Cái khoảng cách tầm mức vũ khí ấy phải chăng là khoen xích an toàn giữ cho kẻ nhận viện trợ khỏi vượt ra ngoài vòng tay bảo-hộ.

Suy ngẫm từ đó sẽ thấy chiến tranh tuy mạnh mẽ khốc liệt nhưng rồi sẽ nhùng nhằng, thắng bại không dứt khoát. Bọn Đế-quốc không mưu tìm chiến thắng hoàn toàn cho gà mình trên chiến trường. Nút cường-độ cũng như nút mức độ chiến tranh chỉ được các bàn tay Đế-quốc nhấn

cầm chừng để giữ thế giằng co mà thôi. Thế giằng co ấy sẽ vừa đủ cho cuộc mặc cả đang diễn ra trong bóng tối giữa các nước lớn, và sẽ được hợp thức hóa trong một hội nghị quốc tế có các nước nhỏ tham dự.

Khả năng phát động nổi dậy

Vấn đề còn lại trong cuộc tranh chấp sẽ chỉ là đấu tranh chính-trị giữa Cộng-sản và Không-cộng-sản tại Việt-Nam, mà khởi đầu cuộc đấu tranh cam go này là hoạt động *Tổng-nổi-dậy* của Cộng-sản. Cuộc đấu tranh này âm thầm hơn, ít bị các bàn tay bên ngoài chi phối hơn, đang diễn ra song hành với tổng-công-kích và sẽ còn diễn ra cả sau khi đã có thương nghị hòa bình. Nhìn vào khả năng Cộng-sản, có thể thấy :

— Nếu Cộng-sản tạo được nổi dậy đều khắp trên toàn Miền Nam, Cộng-sản sẽ toàn thắng và không còn gì để bàn bạc nữa.

— Nếu nổi dậy chỉ thực hiện được một phần, Cộng sản sẽ phải tiếp tục đấu tranh để chuyển dần các hình thức chính phủ từ cực hữu sang trung lập đến cực tả.

— Khi nổi dậy chỉ lác đác một vài nơi, hai trường hợp sau sẽ xảy ra : Nếu củng cố nổi dậy đã phát động, Cộng sản sẽ gây ngòi pháo mìn làm lan dần nổi dậy ra nơi khác và sẽ tạo thêm được chuyển biến thuận lợi trong tranh chấp lâu dài, nhưng nếu các cuộc phát động bị dập tắt ngay, Cộng sản kể như thất bại trên

toàn bộ. Việc chiếm một số vùng rừng núi làm căn-cứ-địa không thể coi là thành quả lớn lao. Trong thời kỳ 54-59, Cộng sản đã từng bỏ Mật-khu Đồ Xá, Chiến-khu D, Chiến-khu C, căn cứ-địa U-minh Thượng, Hạ. Căn-cứ-địa sau này, nếu có tiến bộ hơn, thì chỉ là ở chỗ CS sẽ cố gắng vận động để hợp-thức-hóa hầu duy trì một cách an toàn tiềm-năng cho các vận động mai hậu.

Xét về khả năng hiện tại, Cộng-sản không thể tạo ra nổi dậy đều khắp. Khả năng thực của cơ-sở hạ tầng CS là chỉ phát động được nổi dậy lác đác; Nhưng Cộng sản có thể mở rộng hơn khu vực phát động nổi dậy sau khi đã củng cố được những điểm khởi đầu nhờ áp lực công kích trên các mặt trận làm hoang mang dân chúng, làm mất tinh-thần cán bộ quân chính địa-phương của Miền Nam, cộng vào đó là những sai lầm về chỉ đạo của Trung ương, những sai lầm chiến thuật của hệ thống chính quyền và vúi từ tỉnh đến xã ấp hiện tại, nhất là sự bất mãn của quần chúng đối với nạn tham nhũng, bè phái, đòi trụy...

Vấn đề tự cứu

Muốn chặn đứng việc phát động nổi dậy của Cộng sản, công tác trước mắt là chặt gãy mũi quân sự yểm trợ, tiếp theo là phá vỡ tổ chức tạo phát động, sau cùng là việc kế-hoạch-hóa nỗ lực đấu tranh chính trị chặn đứng ảnh hưởng Cộng sản đã và đang lan tràn trong quần chúng.

Công tác số một đòi hỏi hành động tích cực của quân đội và các lực

lượng bán quân sự địa phương ; công tác thứ hai đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhân dân và giới cầm quyền ; công tác thứ ba phải trông vào quyết tâm giành quyền chủ động của quần chúng không — Cộng-sản, cụ thể là các đoàn thể, tôn giáo, đảng phái.

Ở đây không còn vấn đề tiếp tay hay không tiếp tay chính quyền mà chỉ có vấn đề tự cứu. Các đế-quốc có khả-năng kèm giữ nhau trên các mặt trận quân-sự, nhưng không có khả năng cứu ứng cho gà nhà trên các mặt trận chính trị. Ngay trong và sau đấu tranh võ trang, gà Hà-nội và Sài-gòn sẽ vẫn còn phải vươn cõ, xù lông đấu tranh chính-trị, nhưng cựa chính-trị của gà nào lợi hại thì ai cũng đã rõ. Song le nếu lỡ thảm bại thì chỉ một thiểu số mới sẵn phương tiện mà bay đi lánh nạn nơi xứ người. Khi ấy sẽ còn lại những gì? Phải chăng là cái tròng cộng-sản trên đầu chính nhân dân không-cộng-sản chúng ta—khối quảng-đại quần-chúng không muốn sống dưới sự chi phối của bất cứ cường lực nào, tư-bản cũng như cộng-sản. Vì vậy, vấn đề ở đây chỉ là vấn-đề tự cứu. Có tạo nổi phong trào nhân dân tự cứu chúng ta mới mong sống còn trước cơn bão táp kinh hồn đang tàn phá đất nước. Nếu tự cứu được trước nanh vuốt của Cộng-sản trong giai đoạn này thì mai kia mạng lưới vây bọc của tư bản sẽ chỉ còn là lưới nhện trước sức mạnh vũ bão của nhân dân ta mà thôi.

Trở lại với thực-trạng Bình-Định

Trở lại chuyện Bình-Định, tình hình bi-đát hiện-tại thực ra cũng không phải là điều khó hiểu. Địa thế Bình-Định chia rõ rệt thành hai phần : Miền núi phía Tây với hệ-thống sông Ba tạo thành mạng huyết mạch nuôi dưỡng các làng mạc, phần nhiều là Bản Thượng ; Miền ruộng phía Đông có quốc-lộ 1 chạy qua song song với bờ biển là nơi quy tụ hầu hết cư dân của tỉnh với các điểm thị tứ sầm uất, đặc-biệt là thành phố Qui-Nhon ở phía Nam. Ngay khi chiến-dịch Xuân-Hè chưa được khai-diễn, Cộng-sản Việt đã kiểm-soát phần lớn miền núi và một phần bờ biển phía Bắc. Dân chúng bị Cộng-sản chi phối có thể tới 15%, trong đó 4% là đồng-bào Thượng.

Bình-Định từ lâu vốn là tỉnh cung cấp nhân-lực cho Quân-khu 5 Cộng-sản Việt (1). Trường Quân-chính Bình-định chuyên đào tạo cán bộ quân sự và chính trị là một trường có hạng của Cộng-sản ở miền Nam. Nguyệt san Tiền-Phong, cơ-quan ngôn luận của Khu-ủy Quân khu 5, nổi tiếng trong giới cán bộ Cộng-sản, cũng đã được ấn-hành ở Bình-Định. Bộ Tư-lệnh Tiền phương QK 5 thường trú tại đây, dưới trướng lúc nào cũng có sẵn hai trung-đoàn trang

(1) QK 5 là QK lớn nhất theo sự phân chia lãnh thổ của Cộng-sản ở miền Nam. Quân Khu này gồm Quảng-Nam, Quảng-Tín, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-hòa, Phú-Bồn, Kontum, Pleiku, Darlac.

bị khá đầy đủ, cộng thêm với số dân quân du-kích từ 3 đến 4 ngàn và số cán-bộ chính-trị chừng 2 ngàn.

Trở qua phía chính-quyền, ngoài Địa-phương-quân, Nghĩa-quân, Bình Định còn có SĐ 22 BB và Lực-lượng Đại-hàn. Từ khi Sài-gòn giải-tán Bộ Tư-lệnh Biệt-Khu 24 (đóng ở Kontum), SĐ 22 phải trách-nhiệm luôn cả Kontum, nên mỗi khi tỉnh này bị uy hiếp là SĐ 22 được bốc lên tức khắc để cứu nguy. Cộng-quân biết rõ như vậy nên đã điều lỏng dơi SĐ 22 kéo lên Kontum mới khởi sự tung ra một đòn quyết liệt: một mặt nổi dậy ở Bình-Định, một mặt mở trận tấn công khốc liệt vào Tân-Cảnh (Kontum) đánh rã Bộ Chỉ-huy Tiền-phương và hai trung-đoàn của SĐ này nhằm chặn hẳn khả năng rút về bảo vệ tỉnh hậu cứ.

Về phía dân chúng, Bình - Định cũng mang màu sắc phân hóa chung của Miền Nam: quá nhiều tôn giáo và đảng phái khác biệt. Trong các tôn-giáo, Phật giáo có số tín đồ đông đảo nhất (chừng 250 ngàn), kế đến là Công-giáo (60 ngàn). Những tôn-giáo còn lại như Cao-Đài, Tin-Lành, Hòa Hảo, Bahai... chỉ có một số tín đồ ít ỏi. Một số lớn dân chúng khác không có màu sắc tôn giáo rõ rệt, hoặc tự đứng ngoài mọi thế lực giáo quyền.

Về đoàn thể, đảng phái không-Cộng-sản, Bình-Định có gần 30 tổ - chức với số đảng, đoàn viên từ 50 đến 70 ngàn. Thành-viên hoạt động tích cực chiếm chừng 20% tổng số. Một

số tổ chức có hoạt động hơn cả gồm Liên-minh Cách-mạng Xã - hội, Đại Việt Cách-mạng, Việt-nam Quốc-dân đảng Thống nhất, VNQDD hệ phái Vũ - Hồng - Khanh, các Trung - tâm Nghiên-cứu Thực-hiện Học - thuyết Duy-Dân, Lực-lượng Đại-đoàn-kết, Việt-nam Nhân-xã Cách-mạng, Phong trào Tân-dân, Mặt trận Nhân - dân Cứu-nguy Dân-tộc, Phong-trào Quốc gia cấp-tiến, Lực-lượng Nhân-dân Kiến-quốc... Nhìn chung, lực-lượng chính-trị không Cộng-sản không phải là yếu kém, nhưng sở dĩ đã không đương đầu được với Cộng-sản chỉ vì đã tự phân hóa một cách quá đáng.

Để thay kết luận.

Tình huống hiện nay đã đặt những người lãnh đạo tỉnh-bộ các đoàn thể ở Bình-Định trước hai con đường: hoặc là ở lại đương đầu về mặt chính trị với Cộng - sản, hoặc là bỏ chạy.

Nếu bỏ chạy để tự cứu lấy mình trước thì không còn gì để nói nữa, nên giải-tán đoàn thể là vừa. Nếu bỏ chạy cốt bảo tồn «chủ-lực» để tính chuyện «hòa hợp dân tộc» với Cộng-sản sau này thì cũng xin thưa: đã tranh đấu mà còn nuôi ảo tưởng một cách ấu trĩ như vậy thì đừng tranh đấu nữa, cũng nên giải tán đoàn thể là vừa. Giải tán đoàn thể trong hai trường hợp này là tự biết mình, chẳng những nhân dân không thể phiến trách mà còn ngợi khen là đã thành thực, không tiếp tục dương chiêu bài đấu tranh để lừa bịp.

Dầu sao, những chiến sĩ quốc gia chân chính ắt đã chọn một con đường và đã biết mình phải làm gì. Con đường chọn là con đường ở lại, hành động chấp nhận đấu tranh. Nhưng đấu tranh đơn độc là tự sát. Các đoàn thể hiện nay không còn lý do gì có thể từ chối việc nắm tay, chung lưng với nhau trước kẻ thù. Hãy tích cực tạo lấy một phong trào nhân dân tự cứu — một phong trào của nhân dân chứ không phải của chính quyền. Thật là lỗi lạng khi người ta từng đưa ra trình diện những lực lượng, phong trào mệnh danh là nhân dân, trong đó Chủ tịch lại là... viên tỉnh - trưởng ! Hành động coi thường nhân dân như vậy sẽ chỉ có tác dụng trái ngược.

Ở Bình - Định nhân dân tự vệ, Nghĩa quân, Địa phương quân, chính quy... hiện tạo thành một lực lượng võ trang không nhỏ. Nhưng trước sự lấn lướt mạnh mẽ về quân sự cũng như chính-trị của Cộng-sản, trước sự tháo chạy ra khỏi tỉnh một cách ồ ạt của trăm ngàn đồng bào, những tay súng đã buông lời không còn đủ cứng mà chận địch. Một phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng được thiết dựng sẽ thổi một luồng sinh khí mới vào thành phần võ trang. Đấu tranh võ trang tiến tới đâu, đấu tranh chính trị phải bám theo liền đến đó, hoặc ngược lại, tùy lúc, tùy nơi.

Đánh rã lực lượng võ trang của CS chưa đủ, còn phải đánh rã tổ chức chính-trị. Đánh rã tổ chức chính trị chưa đủ, còn phải đánh rã tư tưởng đã bị Cộng-sản làm thiên lệch nơi quần

chúng. Chỉ có đoàn thể nhân dân mới làm được việc ấy. Và nếu làm được việc ấy, các chiến-sĩ chính-trị ở Bình Định sẽ ghi được chiến-tích đầu tiên tạo hứng-khởi cho các hoạt-động tương tự ở khắp các địa-phương khác. Hơn nữa, nếu công việc kết-hợp các đoàn-thể ở Bình-Định mà thành công thì đương nhiên sẽ trở thành mô-thức cho sự kết-hợp trên tầm-mức quốc-gia.

Một nỗ-lực kết-hợp to lớn, một sự thanh lọc bằng quyết tâm đấu-tranh, một ý-thức trách nhiệm chân-thực sẽ là những đà đẩy tạo dựng một kỷ-nguyên mới. Hãy chấm dứt cái thời chính khách lằng xằng kiểm ghế, thấy có ăn thì tới, thấy nguy biến thì đi, bày ra đảng này phái nọ không ngoài mục đích tạo một danh nghĩa để làm chỗ dựa tiến thân ! Hãy chấm dứt cái thời lấy thể ngoại-bang làm thể mình, độc quyền thầu việc chống Cộng, quên trách nhiệm trước nhân dân mà chỉ nhớ trách nhiệm trước quan thầy.

Bình-Định đang là đất bị Cộng-sản cố tình làm ung-thối. Nhưng Bình-Định cũng đã là đất của nhiều anh-hùng dân-tộc. Bình-Định sẽ tự hồi-sinh mà chứng tỏ cái thể trung-tâm cách-mạng Miền Nam của mình và từ đó sẽ nhúm lên ngọn lửa hy vọng — ngọn lửa hy vọng tuyệt vời cháy rực rỡ trong lòng nhân dân ta : đó là hình ảnh một tổ-quốc Việt-Nam hòa-bình, độc-lập, thống-nhất, tự-do không-cộng-sản, không-tư-bản.

Cao-nguyên, tuần đầu tháng 5

PHẠM-CHI-LĂNG

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HẠ (Menthol)



ĐẦU LỘC BIỂU DÃI
Thượng hảo hạng

Thơm mũi mát cổ - thơm dịu

Giáo dục là một sự đầu tư cần được quản trị và kế-hoạch-hóa

CĂN BẢN KINH-TẾ-HỌC CỦA GIÁO-DỤC

(tiếp theo BK 368)

Những quan-niệm căn-bản đã được trình bày, chúng ta có thể theo các nhà kinh-tế-học trong công việc tính sự quan-trọng của tư-bản học-vấn để đi tìm những định-luật cai trị những hiện-tượng kinh-tế trong khu-vực này.

Tổng số tư-bản học-vấn

Số dân được học và sự phân-phối dân số ấy theo từng bậc học cho ta một ý-niệm sơ khởi về *Tích-số học-vấn của một nước* (Stock d'instruction). Tích-số ấy được phát-biểu bằng số năm học. Chẳng hạn, dân-số trưởng thành của Pháp tích trữ được 269.1 triệu năm học vào năm 1955; của Hoa-kỳ được 1.173 triệu năm học vào năm 1957.

Tích-số này không bao giờ được sử dụng hết trọn, tại có nhiều người có học nhưng không tham gia vào những hoạt-động kinh-tế vì lí-do này hay lí-do khác: thất nghiệp, đau ốm, hưu trí, đòi nghề; một lí-do quan-trọng là phụ-nữ có học ở nhà trông nom gia-đình. Về phương-diện quốc-gia, tất cả những trường-hợp ấy đều là những sự phí-phạm tài-nguyên và vì thế phải định thêm một tích-số học-

vấn cho dân-số hoạt-động nữa. Tỷ-lệ giữa tích-số này với tích-số trên đo sự tham-gia thực-sự của học-vấn trong các hoạt-động kinh-tế. Chẳng hạn, vào khoảng 1955-1957, ở Pháp, dân-số hoạt-động có một tích-số học-vấn là 161 triệu năm học; như thế chỉ xữ dụng có 55ph100 tích-số học-vấn của toàn thể dân-số trưởng-thành. Trong khi đó, ở Hoa-kỳ, tích-số học-vấn của dân-số hoạt-động là 740 triệu năm học, tức 63ph100 của dân-số trưởng-thành. Sự xữ dụng tài-nguyên ở Hoa-kỳ được coi là cao-hơn và hợp-lí hơn ở Pháp về phương-diện học-vấn. Thực ra tích-số này ở Hoa-kỳ còn có giá-trị hơn nữa, phần thứ nhất vì tổng-số giờ học trong năm rất cao:

—nếu chỉ kể năm học không thôi thì sự tăng-trưởng mỗi năm chỉ có hệ-số 3,5 (nghĩa là từ con số 216 triệu năm học-vấn vào khoảng 1900 đã lên tới 776 triệu năm vào 1957).

—nhưng nếu kể số ngày học, thì hệ-số tăng-trưởng là 6,3:

(nghĩa là nếu lấy năm học căn-bản là 162 ngày học thì tích-số học-vấn từ 116 triệu năm căn-bản, đã tăng lên thành 740 triệu năm căn-bản) (1).

(1) T. Schultz — Education and Economic Growth 1961.

Tích-số học-vấn ngày nay lại còn có giá-trị hơn nữa ; vì ngày nay tích-số ấy gồm nhiều người trẻ hơn ngày xưa, và những người trẻ này có hi-vọng hoạt động lâu-dài hơn những người già.

Tích-số học-vấn đã tăng-trưởng nhanh hơn cả khối-lượng tư-bản vật-chất trong thời-kì từ 1900 đến 1957. Tư-bản chỉ tăng lên có 4 lần rưỡi ; tích-số học-vấn của dân-số hoạt-động, tức là của lực-lượng lao-động, đã tăng lên 6,4 lần.

Từ những tích-số này, người ta đã tính cái *tư-bản trí-thức* của một nước. Hai ý-niệm không bắt buộc phải giống nhau, vì tổng số năm học chưa đủ để hiểu được sự đóng góp thực-sự của trí-thức trong đời sống quốc-gia, nếu chưa định rõ cái phẩm-chất của học-vấn : bao nhiêu thuộc tiểu-học, bao nhiêu thuộc trung đại-học và bao nhiêu thuộc kỹ-thuật-học ; nội-dung của cái học là một nội-dung tân-tiến và thực-dụng, hay là một nội-dung hủ-lậu, cồ-lỗ và từ-chương.

Bộ Giáo-dục Nhật-bản (1) đã làm công-việc ấy vào khoảng 1963 và tính cái giá-trị của tư-bản trí-thức trong nước bằng những chi-phí huấn-luyện trong thời-gian hoạt-động của số vốn đầu-tư về giáo-dục. Giá-trị ấy lại được chẻ ra từng bậc học và theo phái-tính.

Từ năm 1905 (năm Nga-Nhật chiến-tranh), cho tới 1960, giá-trị của tích-số học-vấn cho toàn thể dân-chúng trưởng thành đã tăng lên

từ 363,8 tỷ yên (theo giá-trị căn-bản 1960) lên 9.222,1 tỷ yên, tức là gần 250% ;

Giá-trị của tích-số ấy cho dân-số hoạt-động tăng từ 310,9 tỷ yên lên 7.106,6 tỷ yên.

Chúng ta nhận thấy rằng tỉ-số giá-trị trí-thức của dân-chúng hoạt-động—dân trưởng-thành ở một mức rất cao vào năm 1905 : 85%. Mức ấy đã giảm xuống còn có 77% vào năm 1960, một phần lớn vì mức sống cao hơn đã cho phép một số phụ-nữ có học trở về với đời sống gia-đình. Nhớ đó, có những cái lợi gián-tiếp khác.

Mặc dầu trị-giá của tư-bản trí-thức đã khá lớn ở Nhật, nhưng vẫn chỉ mới là 18% của tư-bản vật-chất. Tuy nhiên, theo bản phúc-trình, cái vốn trí-thức ấy đã là một nguyên-nhân của sự phát-triển kinh-tế rất nhanh-chóng của nước Nhật. Trước thế-chiến đệ-nhị, lợi-tức quốc-gia đã tăng lên song-song với tư-bản vật-chất ; sau chiến-tranh, lợi-tức quốc-gia đã vượt hẳn lên trên, vì bắt đầu từ lúc đó, sự đầu tư vào học-vấn mới thực-sự có lời.

Ở Nga-sô, Stroumiline cũng tính số vốn đầu-tư vào giáo-dục (2)

(1) *Ministry of Education — Japan's Growth and Education, 1963.*

(2) *S. Stroumiline — The Economic Significance of National Education, trong Robinson và Vajzey : The Economics of Education Mac Millan, London 1966.*

Phương-pháp tương-tự như Nhật-bản. Tại đây, ta chỉ ghi nhớ rằng so với 1940, coi là năm căn-bản (chỉ-số 100), sự chi-phí hàng năm đã lên tới chỉ-số 329 vào năm 1960.

Ở Hoa-kỳ, Schulz đã tính tích-số tư-bản trí-thức của quốc-gia một cách kỹ-luỡng hơn cả. Không những ông bao gồm những chi-phí thực sự như lương bổng giáo-chức, chi-phí điều-hành và hoạt-động, sự hoàn-giảm vốn đầu, v.v..., ông còn tính thêm tiền lời bị mất vì số vốn làm giáo-dục không dùng để kinh-doanh, và tiền lương-bổng chịu thiệt bởi các sinh-viên vì sự học không cho phép đi làm. Đây là một sự thực trong nền kinh-tế thị-trường của Hoa-kỳ, vì phần lớn các sinh-viên chỉ làm việc trong những tháng nghỉ học. Ông Schultz cho rằng các sinh-viên chịu thiệt tới 60% tổng-số chi-phí để học thêm. Để các bạn trẻ Việt-nam thấy sự phí-tồn của học-vấn ở Hoa-kỳ, tôi kể một vài con số:

Giá-trị một năm tiểu-học là \$280

— — — — trung-học là \$1420

— — — — đại-học là \$3300

Trung-bình, một người dân Hoa-kỳ được học

7,52 năm tiểu-học) tổng cộng

2,44 năm trung-học) 10,6 năm

0,64 năm đại-học)

và do đó có thể tính được giá-trị trung-bình một niên-học là

$$\frac{\$7663}{10,6} = 723 \text{ (vào khoảng } 300.000\$)$$

V.N.) Nếu năm 1957, tích-số học-vấn trong nước là 740 triệu năm học thì tức là lúc đó có $\$723 \times 740 = 535$ tỷ Mỹ-kim đầu tư vào trí-thức, bằng 42% tổng-số tư-bản vật-chất.

Sự tăng-trưởng của việc đầu tư giáo-dục đã nhanh hơn sự tăng-trưởng tư-bản vật-chất. Từ 1900 đến 1957, tư-bản trí-thức hoạt-động tăng lên 8,5 lần, trong khi ấy tư-bản vật-chất chỉ tăng có 4,5 lần.

Lợi-tức của giáo-dục

Lợi-tức của giáo-dục đã được tính theo những phương-pháp và khía-cạnh khác nhau, tùy theo môn-phái. Ở đây, tôi chỉ có-thể nói về một vài phương-pháp chọn-lọc.

1. — Phương-pháp đối-chiếu:

Schultz nghiên-cứu sự tiến-triển song-song của lợi-tức quốc-gia và trị-giá tư-bản trí-thức ở Hoa-kỳ từ 1900 đến 1956, đã kết-luận rằng chỉ-số đàn-hồi lợi-tức của nhu-cầu giáo-dục là 3,5.

Chỉ-số này tương-đối thấp trong cách tính của Schultz vì tác-giả này kể cả những chi-phí ẩn như tiền lời bị mất, tiền lương chịu thiệt, vào trong tổng-số nhập của kinh-tế.

2. — Phương-pháp tính số thừa (Residu).

Phương-pháp này tính sự tăng-trưởng xuất-số (output) kinh-tế của một nước trong một thời-gian nhất-định, và ở mỗi giai-đoạn, định rõ nhập-số (input) tổng-cộng là bao nhiêu; nhập-số này bao gồm tư-bản

và sức lao-động là những nhập-số đo-lường được. Số thừa được giải bằng những nhập-số bất-định trong đó giáo-dục và những tiến-bộ của khoa-học được coi là quan-trọng nhất.

Kendrick, tính cho nền kinh-tế Mỹ-quốc từ 1889 đến 1957, thấy rằng trung-bình chỉ-số nhập (vốn đầu-tư + sức lao-động) tăng 1,9% mỗi năm, trong khi chỉ-số xuất tăng lên 3,50%. Số thừa tăng lên 1,60% mỗi năm. Tính ra là 640% của xuất-số kinh-tế đã do giáo-dục và khảo-cứu đóng góp.

Thực ra, sự kết-luận ấy không khỏi có phần quá lạm. Vì thực ra số thừa chẳng phải chỉ là kết-quả của tư-bản trí-thức hoạt-động. Sự tăng cường sức khỏe của công-nhân, ảnh-hưởng của tình-thế chính-trị và tài-chính, những cải-cách cơ-cấu trong nền kinh-tế, sự tổ-chức lao-động trong các xí-nghiệp cũng là những yếu-tố quan-trọng. Thực ra phải theo Abramovitz mà nói rằng số thừa đo sự dốt-nát của ta thì đúng hơn là gán cho số ấy một nội-dung rõ-ràng và thuần-nhất, đồng giá-trị với giáo-dục. Denison chỉ nhận cho giáo-dục một sự đóng góp là 600/0 của số thừa của lợi-tức sau khi đã trừ sự đóng góp của tư-bản vật-chất và sức lao-động. Bốn mươi phần trăm còn lại thuộc những yếu-tố hoàn-cảnh; gia-đình cá-nhân.

3.— *Phương-pháp tính lợi-tức trực-tiếp* (phân-tích chi-lãi : Costbenefit analysis).

Phương-pháp này nghiên-cứu sự lợi của giáo-dục bằng cách so-sánh lợi-tức trong đời của những người có học và lợi-tức trong đời của những người kém học. Sự khác-biệt có-thể phát-biểu ra được bằng một tỷ-lệ bách-phân hàng năm đối với những chi-phí đã phải chịu về việc học.

Phương-pháp này đã được áp-dụng cả trên căn-bản cá-nhân và trên căn-bản quốc-gia. Về phương-diện cá-nhân, sự lợi của giáo-dục rất là rõ-ràng. Về phương-diện quốc-gia, sự lợi ấy cũng tính được, nếu chấp nhận rằng *trong một nền kinh-tế thị-trường*, những khác-biệt về lợi-tức phản-ảnh những khác-biệt về năng-lượng sản-xuất. *Trong những nền kinh-tế xã-hội*, tất nhiên cơ-quan phụ-trách kế-hoạch và công-vụ phải định đoạt điều ấy với những hậu-ý chính-trị, và vì thế không tránh được những lệch-lạc.

Phương-pháp này có rất nhiều lợi-điểm, vì thực ra có-thể so-sánh nhiều lớp người với nhau, và có-thể đi sâu vào cơ-cấu của xã-hội với những sự phân-biệt khác như chủng-tộc, phái-tính. v.v... Phần lớn các nhà kinh-tế-học, muốn có những tài-liệu chính-xác, đã tính bằng cách này những lợi-tức trực-tiếp và đo-lường được của giáo-dục. Chẳng hạn như Becker, đã tính rất sát chỉ-số bồi-hoàn của giáo-dục đại-học là 90/0 mỗi năm, sau khi đã trừ những khác-biệt có-thể được tạo ra về hoàn-cảnh xã-hội, vì sự thông-

minh tự nhiên, vì sự thất nghiệp và sự tử vong ở mỗi tuổi.

Cái lợi trực-tiếp của giáo-dục, đo được bằng lương-bổng và lợi-tức, phải được cộng thêm với những lợi gián-tiếp của giáo-dục, mà Weislrod gọi là «ngoại-quả của sự đầu tư giáo-dục» (External effects of investment in education). Weislrod kể những cái lợi gián-tiếp cho cá-nhân là: 1 — khả-năng chọn lựa đề học thêm và tiến-tới sau khi đã qua được mỗi trình-độ ;

2 — khả-năng chọn lựa cơ-hội ;

3 — khả-năng thích nghi vào những sự đổi mới trong kỹ-thuật và những công-việc mới ;

4 — khả-năng làm lấy những việc phổ-thông,

Những lợi gián-tiếp này cũng có-thể tính được, và sự nghiên-cứu của Weislrod cho ta một số phương-trình để làm công-việc ấy.

Những phát-triển mới của khoa Kinh-tế giáo-dục

Chỉ trong vòng có mười năm, mà khoa kinh-tế giáo-dục đã tiến sâu vào đời sống của các quốc-gia và trở thành một khu-vực trọng-yếu của các nghiên-cứu kinh-tế-học. Các vấn-đề phương-pháp được qui-định, những ý-niệm được chính-xác, rồi từ những sắc-thái đại-cương, đã có những cố-gắng để tiến vào lãnh-vực vi-kinh-tế.

Những khía-cạnh hấp-dẫn nhất đối với chúng ta có lẽ là những lý-

thuyết mới và những mô-hình để kế-hoạch-hóa việc đầu-tư nhân-lực bởi giáo-dục.

Những vấn đề này chỉ mới đặt ra từ 1963 tới nay, nghĩa là trong một thời gian ngắn gần đây. Trước 1963, các kinh tế gia chỉ đề ý đến sự sử dụng tài nguyên nhân lực trong các kế hoạch quốc gia. Sau 1963, mới bắt đầu có những kế-hoạch giáo-dục để chỉ huy sự sử-dụng nhân-lực trong tương-lai.

— Mô-hình kinh-tế đầu-tiên về sự phát-triển nhân lực là của kinh-tế-gia Hòa-lan Jan Tinberger.

Mô-hình tương-đối rất giản dị của Tinberger-Correa đã gán cho sự liên hệ giữa chỉ-số phát-triển mỗi mức độ nhân lực và chỉ số phát triển lợi tức quốc-gia những hệ-số nhất định. Bằng cách ấy, ý-niệm cồ-diễn về sự kế-hoạch-hóa nhân-lực vẫn còn được giữ lại, nhưng điểm mới của mô-hình là đã định nghĩa các phạm trù nhân-lực bằng những trình-độ học-vấn. Các tác giả này chỉ nhận có ba phạm trù — trình-độ, và nhờ thế, các phạm trù đã đủ rộng rãi để cho phép sự biến hóa các tài năng trong mỗi khuôn khổ.

Với mô hình này. Tinberger đã chứng minh rằng trong sự thực-hiện các kế-hoạch giáo-dục, sẽ có những vấn đề thuộc giai đoạn chuyển tiếp nghĩa là trong các phương pháp để kế-hoạch hóa nhân lực, nếu không đề ý đến những đường lối và phương thức để chuyển các hệ thống kinh tế và giáo-dục từ tình trạng hiện tại đến cái thể quân bình tạm thời coi

là mục tiêu trong tương lai, thì sẽ có những sự lung củng tiềm ẩn trong nội bộ bắt buộc phải luôn luôn xét lại. Nguyên do là vì các yếu-tố của sự phát-triển giáo-dục liên đới và liên lập với nhau một cách rất chặt-chẽ. Sự cần thiết phải có những mô-hình diễn tả theo chương-trình là một kết luận tất nhiên của nhận - xét này. Người ta hi vọng rằng những máy tính điện-tử tối tân nhất sẽ cho phép sửa chữa lại hàng năm các kế-hoạch, như hiện nay đang được cố gắng thực hiện bởi tổ chức phát-triển Cộng-đồng Âu-châu (OECD).

Mô-hình của Tinberger-Correa đã được dùng cho Âu-châu và một số quốc gia Phi-châu trong những chương trình viện trợ kỹ-thuật để phát-triển các quốc-gia này. Những mô-hình của Tinberger không tính những chi-phí cần-thiết và cũng không xét tới giá-trị của các loại trường và các chương-trình học-vấn. Do đó những kế-hoạch đặt căn-bản trên mô-hình này không đem lại những quyết-định xã hội được.

Áp-dụng cho miền Bắc nước Nigeria, mô-hình của Bowles (1966) cũng giống mô-hình của Tinberger ở chỗ phạm-chất của lao-động được định nghĩa bởi sức học, mà không dùng những chi-tiết phức-tạp khác. Mục-tiêu của Bowles là tìm những phương-thức để tăng tới mức tối đa sự lợi về kinh-tế đối với những chi-phí về giáo-dục, do đó quyết định việc cung-cấp giáo-dục trong một kế-hoạch tám năm. Ông tự giới hạn trong hiện-

trạng chính-trị và xã-hội của Nigeria và nghiên cứu nhiều giải-pháp trong đó đặt cả những vấn-đề lợi hại của việc dạy kỹ-thuật cho từng nhóm người so với sự dạy mỗi người, của sự nhập-cảng nhân-lực hữu-phẩm so với sự đào-tạo nhân-lực ấy tại chỗ.

Các kết-luận của mô-hình này trái ngược hẳn với những ý-kiến thường có của nhiều người về sự phát-triển kinh-tế bởi giáo-dục. Đứng về khía-cạnh chi-phí và tính sự lợi-hại cho quốc-gia, mô-hình Bowles cho thấy trong giai-đoạn 8 năm đầu phải chú trọng đến tiểu-học và đại-học, và không cần mở mang trung-học vội. Giáo-dục kỹ-thuật ở trình-độ trung-học bị gạt hẳn vì quá đắt. Bowles chứng minh sự bất-khả-thực-hiện chương-trình của chính-phủ, muốn vừa nâng cao trình-độ giáo-chức, vừa giữ vững tỷ-lệ thầy-trò, lại mở-mang thêm nền tiểu-học. Theo ông, những sự bó buộc bởi chế-độ và luật-pháp cũng làm ngăn trở sự phát-triển kinh-tế và giáo-dục không ít.

Mô hình của Adelman được nghiên cứu để tăng lợi-tức tổng-hợp của quốc-gia tới mức tối-đa và tối-đa-hóa sự tăng-trưởng của lợi-tức ấy từ năm căn-bản tới năm mục-tiêu; đồng-thời giảm số tư-bản ngoại-quốc nhập nội tới mức tối-thiểu. Mô-hình này áp dụng cho toàn diện kinh-tế, nhưng chú-trọng rất nhiều đến khu-vực giáo-dục. Theo bà Adelman thì sự sản-xuất phải tạo những nhu-cầu giáo-dục và cung-cấp cho hệ-thống giáo - dục để việc

giáo-dục đem trở lại cho nền kinh-tế số nhân-lực cần-thiết. Hai khu-vực, kinh-tế và giáo-dục, lồng vào nhau để giúp cho sự phát-triển quốc-gia. Những phạm-trù nhân-lực, giống như trong mô-hình Tinberger, được phân biệt ; trong mỗi phạm-trù, các tài-nguyên nhân-lực được đo lường bằng những "đơn-vị hiệu-quả lao-động" liên-quan mật thiết với sự thực-học.

Nghiên - cứu trường - hợp của Argentine bằng mô-hình này, tác-giả cho rằng nền đại-học phải được ưu-tiên trong hệ-thống giáo - dục, với điều-kiện là phải bãi-bỏ những áp-lực ngăn cản sự phát-triển các lớp đệ-nhi-cấp (collège). Và các trường kỹ-thuật, kết-luận của Adelman cũng rất rõ ràng : bà đề nghị bỏ tất cả những trường ấy đi, vì đóng góp rất ít ỏi của các trường này vào nền kinh-tế không bù sự đầu tư lớn lao đòi hỏi bởi những cơ sở ấy. Đây là một kết luận đáng để ta suy nghĩ.

Kế-hoạch giáo-dục và vấn-đề phát-triển quốc-gia.

Những quan-niệm mới về kinh-tế giáo-dục đã lan tràn khắp thế-giới ; đặc biệt ở Âu-châu, thúc đẩy một sự xét lại toàn-diện và là một trong những lí-do của những cải-cách thâm trọng mà nhiều người gọi là *cuộc cách-mạng trong giáo-dục ở đệ nhị bán thế-kỷ XX*. Nga xô và Pháp là hai nước đầu tiên đã biến cải tất cả cơ-cấu giáo-dục trong nước một cách hệ-thống. Những nước khác như Anh, Đức, Ý, e ngại những hậu-quả của một sự đảo-lộn quá lớn, cũng đã làm

những cải-cách quan-trọng nhưng rải ra trong một thời-gian lâu-dài hơn, đến nay chưa hết. Còn ở Hoa-kỳ thì tất cả chúng ta đều biết, sự tự do thay đổi ở mỗi trường và mỗi tiểu-bang rất rộng lớn, và mỗi năm đều có sự xét lại để hoàn bị công-việc giáo-dục ngõ hầu theo sát những nhu-cầu của tình-thể và những đòi-hỏi thể-hệ trẻ. Từ triết-lí, phương-pháp giáo-dục, đến những chương-trình học, những cách-thức tổ-chức, những phư ơng-sách kinh-doanh, không có một vấn-đề nào không được đặt lại để đào sâu hơn và thực-hiện cho có hiệu-quả hơn.

Nói chung thì tất cả các nước tiền-tiến ngày nay đều công nhận *vai trò vô-cùng quan-trọng của giáo-dục trong sự phát-triển quốc-gia, đặc-biệt là về phư ơng-diện kinh-tế và xã-hội*. Về phần cá-nhân thì sự đầu tư vào việc giáo-dục được nhận là có lợi, ít ra cũng bằng sự đầu tư vào kỹ-nghệ, còn về phần xã-hội thì cái lợi của giáo-dục cũng rất cao. Vì thế, không nên lấy làm lạ rằng, ở hai nước lớn hiện nay đang tranh nhau ngôi bá-chủ thế-giới, những số vốn khổng-lồ đã được đặt vào việc giáo-dục và khảo-cứu khoa-học. Theo sau là tất cả các nước kỹ-nghệ của Âu-châu.

Mặt khác, những tiến-bộ liên-tục về kỹ-thuật bắt buộc nền kinh-tế phải *luôn-luôn thay đổi những nhu-cầu về nhân-lực có phẩm-chất*. Hệ-thống giáo-dục cũng phải *đủ tính-cách uyển chuyển để thích nghi nhanh-chóng theo những đòi-hỏi của kinh-tế*. Những cơ-cấu

chung của giáo-dục và các chương-trình học phải hợp thời, sự nghiên-cứu phải luôn luôn ở tiền-đạo. Phần giáo-dục đại-cương vẫn là phần quan-trọng nhất, chính vì sự tiến-bộ quá nhanh làm cho một phần khá lớn những kỹ-thuật học được ở trường có-thể đã thành ra cồ-hủ khi người sinh-viên bắt đầu mó tay vào việc. Khả-năng thích-nghi tùy thuộc rất nhiều vào phần giáo-dục đại-cương này. Việc huấn-luyện tại chỗ và tu nghiệp sẽ giải quyết một phần nào nhu-cầu tiến-hóa cho những người đang làm việc.

Sau cùng, nền kinh-tế mới đòi-hỏi rất nhiều khả-năng chuyên-môn khác-biệt, vì thế sự phân-biệt cồ-truyền giữa một giới thượng-lưu được giáo-dục đầy-đủ và những giới khác không còn thực-tế nữa. Càng ngày, ở trong mọi lãnh-vực, người ta càng thấy sự làm việc tập-đoàn có hiệu quả hơn những phương-pháp làm việc cá-nhân.

Đó là tình-trạng hiện-tại ở các nước kỹ-nghệ, dầu ở chế-độ xã-hội hay theo chủ-nghĩa tự-do.

Còn vấn-đề phát triển các nước chậm-tiến thì sao ?

Các nước chậm-tiến trên thế-giới ngày nay rất khác nhau trong lịch-sử cũng như trong những điều-kiện kinh-tế. Có những quốc-gia cồ nhất thế-giới và những nước mới được tạo ra trong lịch-sử. Có những nước có một truyền-thống văn-hóa cao, và có những nước chưa ra khỏi chế-độ

bộ-lạc. Có những nước rất rộng lớn, và có những nước rất nhỏ bé. Có những nước rất đông dân-số và đã bắt đầu có nạn nhân-mãn, và có những nước dân-số lèo-tèo thưa thớt. Có những nước còn theo đời sống du mục, người dân luôn-luôn di chuyển, và có những nước người dân dính vào với đất và không muốn lìa khỏi quê-hương. Có những nước phong-phú tài-nguyên thiên-nhiên và có những nước mà Tạo Hóa khắc-nghiệt không cho một thò-sản gì đáng giá. Bởi vậy không thể nào bao gồm vấn-đề phát triển các quốc-gia chậm tiến vào cùng một khuôn-khò. Các con đường tiến bộ sẽ khác nhau cũng như quá-khứ các nước đã khác nhau.

Rất nhiều những nước chậm tiến, như nước ta, là những nước vừa mới thâu hồi lại được nền độc-lập.

Với nền độc-lập mới khôi-phục một trong những vấn-đề đầu-tiên là phải thay thế những chức cai-trị cũ bởi những người bản-xứ, và chính là vì lí-do ấy trước nhất mà việc giáo-dục đã được mở mang. Sự thay-thế nhân-sự này nhiều khi không có nghĩa là thay đổi đường lối và biến-cải được cái cơ-cấu cai-trị của thực-dân. Như ông Dumont viết về Phi-châu, —nhưng lời nhận-xét thâm-trầm của ông đúng cho cả Á-châu nữa: «*Sự độc-lập không xóa bỏ chế-độ thuộc-địa*» (L'indépendance n'est pas la décolonisation).

Những cố-gắng về phương-diện giáo-dục trong những năm đầu-tiên của sự độc-lập cũng là những cố-gắng

có tính-chất tình-cảm rất nặng. Phải làm sao cho toàn dân biết đọc biết viết, phải xây dựng thêm cơ-sở đại-học cho lớn, phải mở cửa đại-học cho rộng, phải dùng tiếng nước mình để học từ dưới lên trên, đó là những điểm chính của những chương-trình khởi thủy. Đến khi hiểu được sự quan-trọng của kỹ-thuật trong sự mở-mang đất nước, thì lại thêm một mục-tiêu nữa, là phải lập những trường kỹ-thuật, càng nhiều càng tốt. Và sau cùng, trước sự đe dọa bị mất bản-thể vì sự xâm-nhập của văn-minh kỹ-thuật, thì kháng cự lại bằng sự đề

cao văn-hóa cổ-truyền. Không phải chỉ có ở Việt-nam mới thấy tất-cả những chuyện-dịch ấy, ở Ấn-độ, ở Pakistan, ở Phi-luật-tân, ở Nigeria, ở Nyasaland, ở Maroc, ở Ghana, ở Senegal và cả ở Trung-Cộng cũng đều có những hiện-tượng đó. Sự hợp-lí, sự lợi-hại, sự khả-phủ, ít khi được cân nhắc, và vì thế, đã có rất nhiều lầm lỗi, rất nhiều phí-phạm, và đã mất rất nhiều thời-giờ quý-báu trong những giai-đoạn lịch-sử này.

(Còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN NGỌC NINH



Đã phát hành :

DAVID RIESMAN

QUẦN CHÚNG CÔ ĐƠN

(THE LONELY CROWD)

Giải phẫu Xã-hội Hiện-đại

Hoàng Minh Tuynh

Trưởng Tiểu-Ban Xã-hội-học Ủy-Ban Điền-Chế Văn-Tự
dịch và bình-ngệ

« THE LONELY CROWD » của Giáo sư David RIESMAN có thể coi là một trong những cuộc thí nghiệm nổi tiếng nhằm xác định bước tiến của xã hội Tây-phương hiện đại, bắt đầu từ Mỹ-quốc. Theo tác giả thì Mỹ-quốc khởi sự từ đầu thế kỷ XX đã là nước tiên phong dẫn đầu các nước Tây-phương khác, nhờ sức sản xuất cao đã làm phát sinh cuộc cách mạng tiêu thụ thay thế cho cuộc cách mạng sản xuất phát sinh từ Âu-châu thời Trung-cổ, qua các cuộc Phục-Hưng Văn-Nghệ, Cải-cách Tôn-giáo, các cuộc cách mạng công-nghiệp và chính-trị từ thế-kỷ XVII cho tới thế-kỷ XIX. Mỹ-quốc hiện đại là nước đi trước trong quá trình sản xuất tiêu thụ, thế tất rồi sẽ tới phiên các nước vẫn gọi là tiền tiến Âu-châu. Tác giả coi Mỹ-quốc hiện đang trên đường tạo thành nền Văn minh Liên Tây Phát-Triển. Mỹ-quốc không những đại diện cho cái hiện tại của thế giới Tây-phương, nó còn tiêu biểu một phần cho cái đang hình thành của nhân loại trong kỷ-nguyên toàn cầu. Cuốn sách của Giáo sư Davis RIESMAN phân tích tỉ mỉ Mỹ-quốc về mặt kinh tế — xã-hội học, mổ xẻ tận đáy mọi khu vực của cuộc sinh hoạt hiện đại dưới một khía cạnh thực độc đáo : giáo dục, báo chí, điện ảnh, đảng phái chính trị, phương pháp trị quốc, quan hệ trong gia đình và xí nghiệp v.v.. chẳng khu vực nào là không được ông đem ánh sáng khoa phân tâm kinh-tế — xã-hội-học soi rọi vào mà banh ra cho mọi người thấy rõ.

Sách dày 464 trang

Giá bán : 600 đ.

Tủ Sách Xã Hội
xuất bản

Sinh dục và Tiến hóa

Thông-thường, khi nói đến vấn đề Sinh-dục, người ta thường chỉ nghĩ tới cái chủ-đích *phát - triển, tồn-sinh* lâu dài của muôn loài sinh-vật mà thôi. Có sinh-sản mới có sự kế - tục, qua thời gian, của các vật - sống, sự trường - tồn của các chủng - loại. Có sinh-sản thì dòng Sống mới có thể tuôn chảy liên tục, tỏa rộng, lan sâu chớ không bế-tắc. Và lại, *Sinh* hay sự *Sinh-sản* (Re-production) cũng thường được hiểu theo cái nghĩa là sản-xuất lại, tạo trở lại (Re-produire) một phần-tử hậu-duệ giống với lớp sinh-thành về bản-chất, cơ-cấu, hình-trạng, nói chung là có đủ những đặc tính riêng của mỗi chủng-loại tạo-sinh.

Chim đẻ ra chim,

Cá sinh ra cá.

Trứng rồng lại nở ra rồng,

Liu-điu lại nở ra dòng liu-điu...

Và như vậy thì *Sinh* chưa có nghĩa là *Hóa*, cũng như *Sinh sinh* không thể có nghĩa là *Tiến-hóa*.

Nhưng trong cuộc Đại-hóa, lại có cái hiện-tượng *Sinh-hóa* phát - hiện cùng với hiện-tượng *Sinh sinh* và điềm mà con người ít hay ngờ tới là sự Sinh-dục cũng chính là một loại then máy đưa tới cho muôn loài cái thể hóa-sinh, biến đổi, tạo thành cuộc Tiến-hóa chung. Do đó, câu «*Sinh sinh chi vị dịch*», mới nghe qua hầu như có phần trái lẽ. nhưng thực ra nó đã bao hàm cả - lý huyền-diệu của cuộc Tiến-hóa kéo dài trên hai tỉ

năm trời. Và để nhận rõ cái lý huyền - diệu ấy, chúng ta phải biết nương theo ánh đuốc khai-quang của Khoa-học, len lỏi, thâm nhập vào tận cùng cái then máy Sinh-dục cực kỳ tinh-xảo tể-vi.

I.— Quá-trình khám phá then máy huyền diệu của sự sinh-hóa.

Vào cái thuở... «*Trời cao chưa có danh xưng, Đất thấp chưa có tên gọi, Apsou vụt hiện ra, kết-hợp với thứ vật-chất bất-định hình, có nữ-tính, là Moum-mou Thiamat và thổi hơi Sống vào trong đó* (1).

Chân lý hàm tàng trong mẫu huyền-thoại trên đây, cũng như cái quan-niệm «*Đức lớn của Trời Đất là sự Sinh*» (2) của triết gia Đông-phương đến nay đã được Khoa-học soi sáng một cách tỏ tường với sự khám phá về ý-nghĩa của sự Sinh-dục và cái then máy tinh-mật, uẩn-tàng của đạo Hóa-sinh mà mắt thường không sao thấy được.

Muốn biết được cái *Đức Lớn* của Trời, Đất, muốn nhận rõ được cái dụng của đạo Hóa-sinh, người xưa

(1)— Histoire du monde racontée par Jean Duché — Jean Duché - Tome I (Animal vertical) Edit. Flammarion.

(2)— Hệ từ hạ: *Tiên địa chi đại đức viết Sinh* (Nho-Giáo T.T. Kinh, quyển thượng tr. 78). Tân-Việt.

— hay cả chúng ta bây giờ cũng vậy
— chỉ cần ngắm cảnh tạo hóa trong vũ-trụ, chỗ nào cũng thấy đầy những sinh-ý và xuân-khí thì biết cái Đức của Trời là rộng lớn dường nào » (1) và qua cái sinh-ý, xuân-khí ấy, con người đã chiêm nghiệm được cái lẽ : «khí Trời, Đất nghi ngút, trên dưới giao-hợp, vạn vật bởi cái khí tinh-thuần ấy mà hóa ra, rồi giống đực, giống cái giao cấu nhau mà hóa-sinh ra mãi mãi » .(2)

Nhưng với một lối quan-sát như vậy, con người chỉ mới thấy được cái biểu-kiến của đạo Hóa-sinh, hiện tượng của sự Sinh-hóa, suy nghiệm được lẽ «âm dương cơ ngẫu» trong cuộc Đại-hóa với tuồng thiên-diễn «vạn vật xoáy cuốn mà đi, hoặc xô mà về, hình rồi thành khí, khí lại thành hình» (3) mà thôi. Trái lại, để thấy rõ then máy của đạo Hóa-sinh, thì phải hướng cái nhìn vào chỗ vi-ẩn nhất, vào cái thế-giới uẩn-tàng mà nhân-lực có giới hạn của con người không thể nào soi thấu. Để đạt tới chỗ vi-ẩn này, loài Người đã phải cần tới một khoảng thời gian rất dài lâu dài, có trên vài chục thế-kỷ.

Thực vậy, sự tìm hiểu vật-sống, sự Sống, nhất là sự Sinh-dục, là những nỗ-lực đã có rất sớm trong lịch-sử loài Người. Từ bốn thế-kỷ trước Thiên-Chúa giáng-sinh, Aristote, triết-gia Hy-lạp, đã theo dõi, quan sát một phôi-châu Gà và một cái noãn của Cá Mập.(4) Ông đã đưa ra quan-niệm về sự góp phần của cả đôi bên cha mẹ vào việc tạo thành

nhân-cách của con cái, nhưng tiếc là ông giải thích một cách sai lầm, chẳng hạn cho rằng : Mẹ đem lại phần *Chất*, còn Cha tạo ra phần *Hình* (5). Từ đấy cho tới thời Phục-hưng, sự hiểu biết về thế-giới Vật-sống không có gì thay đổi. Cho mãi đến thế-kỷ thứ mười sáu, một con vật hay một cái cây vẫn còn được coi như là một sự kết hợp đặc biệt của *Chất* và *Hình*. *Chất* bao giờ cũng gồm đủ bốn yếu-tố, chỉ *Hình* mới biểu-thị đặc-điểm của mỗi vật-thể. Để tìm hiểu sinh-vật, người ta chỉ chú-trọng bề mặt bên ngoài, một sinh-vật chỉ được giản-lược vào cái *cơ-cấu hữu-hình* mà thôi. (6)

Đến thế kỷ thứ mười bảy, sự sinh-dục đã được coi như là một phương thể bảo đảm sự duy trì, qua thời-gian, hình thể của sinh vật, tức là bảo đảm sự trường tồn của chủng-loại, nhưng vẫn chỉ được quan sát qua cơ cấu hữu-hình của sinh vật theo

(1)— Nho-giáo T.T.Kim. tr. 78

(2)— Hệ từ hạ : Thiên địa nhân huân, vạn vật hóa thuần, nam nữ cấu tinh vạn vật hóa sinh Nho-Giáo tr. 78.

(3)— Giả nghị Phúc-điều phú : « ... Oát lưu nhi thiên, hoặc xuy nhi hoàn hình khí chuyển tục... » (Đại-cương Triết học T.Q Giản-Chi và Nguyễn-hiến-Lê, quyền thượng. Tr.305) Cảo thơ. 1965.

(4) Les Théories de l'Evolution par P. Ostoya (Chap. IV-Reproduction et développement) p. 31.

(5) La Croissance par James M. Tanner, Gordon Rattray Taylor et les rédacteurs de Life — (Domaines inexplorés) p. 15. Coll. Life.

(6) La Logique du Vivant par François Jacob — (La structure visible) p. 28, 30, Editions Gallimard 1970.

những qui luật của cơ-học mà thôi. (1)

Qua thế-kỷ thứ mười tám, thai-sinh-học đã được chú-trọng và càng được chú-trọng nhiều hơn với sự khám-phá của G.F. Wolff. (2) Nhà động-vật-học người Đức này dùng kính hiển-vi quan sát một phôi-châu Gà, thấy rõ sự diễn biến của cơ-thai trái ngược hẳn với quan-niệm của thuyết *Tiền-thành* (Théorie de la Préformation) đang thống-ngự tư-tưởng của giới khoa-học thời đó. (3) Trong một luận-án tiến - sĩ, Wolff đưa ra hai giả-thuyết mới và đúng, theo đó, thân thể con người không được hình - thành sẵn một cách đầy-đủ, nhưng được phát - triển từ một tiểu cầu và cả cha lẫn mẹ đều góp phần đồng nhau trong việc sinh-thành con cái (4). Hiện-tượng di - truyền về thời này cũng đã được chú-trọng nhưng chỉ nặng về mặt quan-sát hơn là thực-nghiệm.

Từ hạ bán thế kỷ thứ mười tám chuyển qua buổi đầu thế-kỷ thứ mười chín, sự nghiên - cứu cơ - thể sinh-vật được chuyển-hướng, không còn là việc tìm hiểu các bộ-phận bao gồm trong đó, mà tìm hiểu những hỗ-tương tác-dụng nội tại giữa các bộ-phận này, vì người ta đã tiến tới cái quan-niệm rằng chính *chiều sâu của cơ-thể chỉ-huy bề mặt của cơ-thể, cái vô-hình của năng chức chỉ-huy cái hữu-hình của các cơ-quan*. Do đó, đối tượng phân tích không còn là cơ-cấu hữu-hình, mà là *Tổ-chức*, tức là cái nó kết-hợp các bộ của cơ-thể thành toàn-bộ cơ-thể, nó chỉ phối hình - thể, các đặc-tính và lối động ứng của cơ-thể sinh-vật. Tổ - chức, sau đó, được giản-lược thành đơn-vị tối-hậu là *tế-bào*. Cơ-thể sinh-vật không còn được coi là một cơ-cấu nguyên-khối, mà là

một nước Cộng-hòa *Tế-bào*, một cộng-đồng trong đó mỗi *tế-bào* là một công-dân. (5).

Đến khoảng giữa thế-kỷ thứ mười chín, sự tìm hiểu cơ-thể sinh-vật lại tiến thêm một bước nữa vào

(1) Ở thế kỷ này, William Harvey, y-sĩ người Anh, từng khám phá được sự tuần-hoàn của máu, đã mở rất nhiều hươu cái của vua Charles 1er để tìm hiểu cơ thai. Nicolas Stenon mổ một con cá mập cái ở Florence nhận thấy noãn tách rời noãn sào, rơi vào tử cung. Leeuwenhoeck quan sát tinh dịch qua kính hiển vi thấy được vô số vi-sinh-vật lạ. Lại cũng nhận thấy những vi-sinh vật như thể trong tinh dịch của nhiều loài vật khác, nên ông cùng Goeffroy, Andry và Hartsocker cùng đồng ý cho rằng chính loại vi sinh này tạo thành phôi-châu chứ không phải là noãn giữ vai trò đó như thuyết chủ noãn (*Ovalisme*) quan niệm. De Graff khám phá được nang De Graff

(2) Ở thế-kỷ này, Spallanzani, nhà vạn-vật-học người Ý, đã mổ trên 2 000 cặp cóc và ếch, nhờ đó nhận biết được sự tiếp xúc giữa tinh dịch với noãn-cầu rất cần thiết cho sự thụ tinh. Andry đoán được các vi sinh-vật trong tinh dịch chui vào noãn theo một lỗ nhỏ rồi ngự trị trong đó.

(3)— Thuyết *Tiền-thành* cho rằng trong trứng của con vật cũng như của con người đã có sẵn hình-thể với đầy đủ các bộ-phận của con vật hay con người tương lai, thu nhỏ, và cứ như thế mà lớn dần ra. Quan-sát noãn thụ tinh của gà, Wolff không thấy hình gà thu nhỏ trong đó mà trái lại chỉ được hình-thành lần hồi trong khi phát-triển. Công-bổ khám phá này vào năm 1759, Wolff bị công kích kịch liệt và phải chờ tới đầu thế kỷ thứ XIX, thuyết *Tiền-thành* mới chịu nhượng bộ thuyết *Tân-sinh* (*Epigenèse*).

(4)— Les neuf premiers mois de la vie par Geraldine Lux Flanagan — (Préface) p. 10-13

(5)— La logique du vivant par F. Jacob (Chap. II. L'organisation p.87. La Cellule p.134).

chiều sâu. Tế-bào, tới đây, không còn được coi là một hạn-giới tối hậu của sự phân-tích-hề-học, nhưng là nơi tiếp hợp tất cả mọi hoạt-động của cơ thể, hay như Wirchow thường nói, một trung-tâm của sự sống. Đối tượng nghiên-cứu, phân tích đã thay đổi mà kỹ-thuật, phương-tiện cũng tiến bộ nhiều hơn, nhất là về vật-liệu nghiên-cứu. Nếu trong địa-hạt Di-truyền, Mendel đã khéo chọn được một thứ vật-liệu giản-dị, tuyệt hảo là những hạt đậu, thì trong địa hạt này, Van Beneden và Boveri chọn được loại *Giun đũa* (*Ascaris*) rất tiện cho việc theo dõi : sự gán-phân của tế bào, hình-thái của nhân tế bào và sự thành lập của nó. Boveri tại cùng với Oscar Hertwig khám phá được những ưu-điểm của trứng *Ếch* và trứng *Cầu Gai*, hai loại vật liệu tiện dụng cho sự nghiên-cứu tế-bào sinh-dục, sự thọ-tinh và sự phát-triển của phôi-châu (1) Chính Hertwig đã theo dõi, qua kính hiển-vi, các diễn biến trong trứng *Cầu Gai*, nhận thấy tinh-trùng vượt qua màng noãn, nhân của tinh-trùng và nhân của noãn xích lại gần nhau rồi hỗn hợp với nhau. (2) Von Baer, quan sát noãn sào của Chó, qua kính hiển-vi, nhận ra được noãn ở trong nang De Graff (3). Riêng về việc tìm hiểu then máy di-truyền cũng thu đạt được nhiều bước tiến quan trọng. Grégoire Mendel khám phá về luật di-truyền. Haeckel biết được nhân, chứa nhiễm thể, là cơ-quan ti-vi của tế-bào có trách nhiệm về sự duy trì và trao truyền các đặc-tính di-truyền. Weismann

cũng nhận biết được những đặc-tính di-truyền nằm trong nhiễm thể. Sự tái khám phá các luật Mendel vào năm 1900 do công trình của Correns, Tschermak và Hugo de Vries. Thuyết ngẫu-biến của De Vries (4), một trong những nhân-vật đã giải-tỏa được nỗi hận lòng của Mendel từng mang theo xuống tận tuyến đài, nhờ những kết quả của mười ba năm trời trồng

(1) *La Logique du vivant par F. Jacob* (Chap. IV — Le Gène : le jeu des chromosomes) p. 231. Hai thứ vật liệu này tiện lợi vì trứng *Ascaris* có thể dễ khô hay ướp lạnh hàng tháng, khi nào dùng tới thì đặt trở vào nhiệt-độ của phòng thí-nghiệm, nó lại triển khai dần dần, nếu muốn khai triển nhanh hơn thì đem hấp, còn muốn nó tạm ngưng thì lại ướp lạnh. Nhân của trứng lại đơn giản, số nhiễm-thể ít, thường là 4, cơ loại chỉ có 2 thoi nên rất dễ nhận ra, dễ quan sát hình trạng, lối động ứng, hiện tượng tách dọc và sắp dọc theo một cái thoi thu hút chúng về phía hai cực đối nhau, khi tế-bào gián phân. Trứng *Cầu Gai*, trứng *Ếch* thì trong suốt, dễ quan sát, tinh-trùng nhỏ, có nhân đặc và đơn giản dễ nhận thấy, dễ theo dõi sự kết-hợp nhân đực với nhân cái và sự gián phân kế tục. Với trứng *Cầu Gai*, nhà bác học có thể gây tác động trên những tế-bào sinh-dục hay trên hợp-tử đang độ triển khai, kể cả việc biến đổi các điều-kiện vật-lý, hóa-học trong sự thọ tinh nhân-vi.

(2) *Les théories de l'évolution par Paul Ostoya* (Théorie cellulaire) p. 108.

(3) *Les neuf premiers mois de la vie par Géraldine Lux Flanagan* — (Préface) p. 13.

(4) *L'Ordre biologique par André Lwoff* (Chap. III-Ordre héréditaire — Information génétique) p. 36.

cây Nguyệt-kiếm (1).

Có thể nói từ cuối thế kỷ này chuyển qua buổi đầu thế-kỷ thứ hai mươi, hai ngành trong những ngành khác biệt nhau thuộc Sinh-vật-học đã tiến-triển một cách trời vượt, đó là Di-truyền-học và Hóa-học sinh-vật. Công việc nghiên-cứu về tế-bào được đẩy mạnh hơn trước, lại nhờ kính hiển-vi được cải-tiến thêm và phương-thức nhuộm màu được một số cơ-cấu của tế-bào nên sự hiểu biết về tế-bào cũng tiến sâu hơn. Theodor Schawn và Mathies Schleiden khám phá được sự phân hóa của tế-bào, biết được Hợp-tử là tế-bào tối sơ của mỗi cơ-thể sinh-vật, tất cả mọi hình-thái của vật sống đều bắt nguồn từ tế bào, đơn-vị cơ-cấu căn-bản (2). Mặt khác, trong khi theo dõi, phân biệt phần tham dự của Nhân và Tế-bào-chất vào cách thể động-tác của tế-bào, Tế-bào-học đã phải chú trọng đến Nhân nhiều hơn, nhờ đó tìm hiểu được rõ hơn cơ-cấu nằm trong tế-bào: các nhiễm-thể và những hạt giống di truyền.

Tuy đột nhập khá sâu vào nội-cảnh thâm nghiêm của tế-bào như vậy, vẫn phải chờ đến khoảng giữa thế kỷ thứ hai mươi, các nỗ lực của Khoa học mới soi sáng được tỏ tường thực sự then máy của đạo Hóa-sinh. Vào lúc này, quan-niệm về tổ chức của cơ-thể sinh vật lại một lần nữa được thay đổi và, theo đó, chính cơ-cấu của những phần-tử cấu-tạo, bao gồm trong cơ thể, quyết

định cơ-cấu của toàn bộ cơ-thể và sự tích-hợp của nó. Tổ-chức sinh-vật cần tìm hiểu nằm trong chiều sâu của cơ-thể, ẩn náu trong những chi-tiết của tế-bào. Những tính chất, các thành-tích và sự phát-triển của cơ-thể sinh-vật thể-hiện những hỗ-tương tác-dụng giữa các phần-tử cấu-tạo.

Sự nghiên-cứu, do đó, phải hướng vào việc giải thích các quá trình diễn tiến bên trong cơ-thể sinh-vật bởi lối cấu-tạo của các phần-tử biểu-thị đặc tính của tế-bào. Để thực hiện được công việc này, nhiều

(1) — Khám phá của Mendel không được giới bác học đương thời chú trọng. Ông nhắm mắt một cách buồn phiền vào năm 1884. Hugo de Vries tuy theo thuyết Darwin, nhưng không chấp nhận quan niệm của Darwin theo đó, cuộc tiến hóa diễn tiến một cách chậm chạp lâu dài, còn những biến dịch đột ngột chỉ là những sai lầm của thiên nhiên, không đáng quan tâm. De Vries tin rằng chính những biến dịch đột ngột hay ngẫu biến có một tầm quan trọng trong cuộc tiến hóa, và để chứng nghiệm, ông cặm cui trồng loại cây Nguyệt kiếm (*Onagre* cũng gọi là *Oenothère de Lamarck*) trong 13 năm trời. Kết quả là trong số 54.334 cây đã trồng, De Vries nhận ra được 7 chủng loại hoàn toàn mới lạ khác biệt hẳn nhau. De Vries đưa ra bảy luật của biến dịch tính. Luật thứ bảy cho rằng những ngẫu-biến thường phát hiện theo đủ mọi hướng, chúng có thể có ích, cũng có thể có hại, hay cũng có thể không tốt không xấu. Sự lựa chọn, giữ lại hay bỏ đi những ngẫu-biến nào, đó là công việc của luật đào thải tự nhiên. Điều này về sau được nhà di truyền học Thomas Hunt Morgan xác nhận là đúng, qua những cuộc nghiên cứu, thí nghiệm của ông ở loài Ruồi dấm.

(2) Les neuf premiers mois de la vie par, Géraldine Lux Flanagan (Préface) p. 13.

ngành khác biệt thuộc Sinh-vật-học trước kia còn hoạt động riêng rẽ, nay thấy cần phải phối hợp với nhau trong mọi nỗ-lực, tiếp hợp thái độ của nhau, thích ứng các phương pháp và kỹ thuật của nhau. Ngành Sinh-vật-học phân-tử ra đời. Với sự phối hợp như vừa nói, nhất là giữa các ngành Hóa-học sinh-vật, Vật-lý, Di-truyền và Sinh-lý-học, với những phương pháp tinh-vi, kỹ-thuật tiến bộ, phong phú hơn, công việc thám hiểm then máy hóa - sinh càng tiến - triển nhiều. Vật liệu nghiên cứu là tế bào vi trùng, lại vì lý do kỹ thuật, người ta đã chọn loại *Colibacille*. Tưởng cũng nên nhắc lại ở đây, là trước kia, người ta còn cho then máy di truyền của vi-sinh-vật không thể giống với then máy di truyền của sinh-vật cao đẳng, tẻ hơn, các nhà vi-trùng-học và di-truyền-học cùng đồng ý

là vi trùng không có then máy di truyền. Để tìm hiểu về di truyền, người ta chỉ nghiên cứu các vật lai giống theo phương thức sinh-dục hữu-tính mà thôi. Mãi cho đến giữa thế kỷ này, các vi-sinh-vật mới trở thành đối-tượng phân-tích của di-truyền-học. Thoạt tiên là các loại *Mốc* và *Men Bia*, trong đó người ta có thể quan sát các hiện tượng tính dục và thực-hợp. Cũng trong các vi-sinh-vật này, các nhà bác học có thể kết hợp công việc nghiên cứu về sự biến dưỡng với sự nghiên cứu về then máy di-truyền (1).

(còn tiếp)

PHAN DU

(1) La Logique du vivant par François Jacob — (Les microorganismes p. 282 — Le message p. 288).

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

khai vị,
ăn thêm ngon.

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

EN 2071.671

CÂY HUÊ-XÀ

Cây huê-xà trong truyện của Sơn-Nam

«Cây huê-xà là thứ cây gì? Hình dáng ra sao? Có thiệt hay là bịa đặt? Nó có lợi hay là có hại cho loài người? Bao nhiêu câu hỏi ấy đồn dập, lẫn lộn trong trí tưởng tượng Lợi hằng năm nay mà nó không tài nào trả lời nổi.

«Cây huê-xà là vị thuốc chánh trong toa thuốc ngựa rấn của ba nó. Nhờ đó mà đi đến đâu người ta đều khâm phục, ba nó nổi danh là thầy Hai Rấn. Được nổi danh là một chuyện khó vì lẽ ở vùng Rạch-Giá, Cà-Mau thầy rấn xưa nay cũng nhiều người tài. Họ có thể cứu sống nạn nhân, bảo đảm trăm phần trăm, nếu người bị cắn không để lâu quá hai giờ đồng hồ. Họ dùng toàn là thuốc Nam dễ kiếm như gừng, cỏ ống, vôi, trầu, nhựa ống điều, trứng rệp...

«(...) Ba thầy Lợi nổi danh hơn các thầy rấn vừa nói trên (...) Phi thường nhất là có toa thuốc khi thoa vào tay, rấn không bao giờ dăm mỗ».

«Toa thuốc phi thường của thầy Hai Rấn gồm những vị nào? Chúng ta hãy nghe mẩu đối thoại giữa chàng trai trẻ Cà Mau và con Lài, người bạn lòng của anh.

«— Hai tay của ba anh có gì mà nói chuyện (với rấn) được? Anh có cái hơi đó không? Tay anh đâu rồi?

«Thầy Lợi xoa tay rồi đưa ra trước mặt con Lài :

«— Phải có ngải mọi. Em biết thứ

ngải đó không? Múc bột nó làm bánh ăn ngon lắm. Ăn bánh ngải rồi uống nước chanh. Xong xuôi, nằm xuống hút một điếu á-phiện với cái dục tẩu làm bằng sừng con dinh.

«Con Lài lắng nghe từng tiếng rồi hỏi tiếp :

— Hút á-phiện rồi làm gì nữa?

— Rồi thì vợ chồng dặt tay nhau dạo kiếng, ngắm cái bông huê-xà...

— Bông huê-xà là thứ gì?

— Huê-xà là huê-xà. Ba của anh nói lại sau rồi.

Con Lài lẩm bẩm :

— Ngải mọi, nước chanh, á-phiện, sừng dinh, huê-xà. Toa này năm vị. Mình nhớ đủ hết».

«Nhưng dẫu nhớ đủ hết, kết quả vẫn rất thảm khốc : «Năm Điền với đứa con gái bỗng nhiên chết ngã lộn tại nhà».

Nguyên nhân?

«Trăm sự cũng vì toa thuốc nọ thiếu cây huê-xà nên không linh nghiệm. Cây đó khó kiếm lắm (...) : dây đó tròn bằng mút dừa, vắn vện như da rấn. Phải tìm ở chót núi ông Cẩm, tìm cả tháng mới gặp một cây».

«Cuối cùng thầy Hai-Rấn, ba của Lợi trốn xóm giềng, trốn đứa con trai mà đi mất. Còn vai chính thì thơ thẩn như mất hồn, lẩm bầm, lẩm nhảm tự hỏi : «Cây huê-xà là gì? Có thiệt hay không?» và »Lắm đêm nó nằm chiêm bao thấy một thứ dây lổm đổm trắng mọc cheo leo ở chót núi ông Cẩm, tiếp với trời xanh.

Trên cảnh xa vời không nhớ bọn đó, đây huê-xà nhợt nhợt uốn éo với gió núi. Giữa lòng từng chiếc lá, hiển hiện kìa trăm ngàn gương mặt của con Lài, tươi tắn, cười riêng với nó, trẻ mãi không già».

Cây huê-xà trong thực vật-học

Cây huê-xà chỉ xuất hiện cho thằng Lợi chiêm ngưỡng trong những đêm trường mộng mị. Và chắc hẳn suốt chuỗi dài những ngày còn lại của một cuộc đời bệnh hoạn, người trai trẻ miệt Hậu-giang vẫn đi tìm hình bóng của giống cây đã gián tiếp giữ vai trò khi giới giết chết người yêu.

Nhưng giá anh ta gặp may hơn ! Và nhất là nếu số mệnh không quá tàn nhẫn đối với người hạn lòng của Lợi ! Nếu số mệnh rộng lượng hơn, run rủi cho cô Lài kiếm được cây huê-xà thì đâu đến nỗi !

Cây huê-xà, thực ra không quá khó kiếm.

Theo A.Pételot (1), cây này mọc hoang khắp nơi ở nước ta : Nam Bắc, miền núi, miền đồng bằng đều có. Ngoài ra, còn thấy ở Ấn - độ, Mã-lai, Nam Trung-hoa, Tích-lan, Nhật-bản, Nam-dương, Phi-châu.

Trong Đông-y, cây huê-xà được gọi là *Bạch hoa xà* hoặc *Bạch tuyết hoa*. Tại nhiều vùng ở Việt-Nam, nhất là vùng Lang-sơn, Bắc-lệ, đồng bào ta gọi là *cây chiến*. Có địa phương khác gọi là *cây đuôi công*. Bên Lào quốc, cây mang tên *Pít phi khao*.

Huê xà có hai tên khoa học :

Plumbago zeylanica Linné

và *Thela alba* Lour.

Thuộc họ *Đuôi công* (*Plumbaginaceae*)

Đây là một loại cỏ sống dai, cao trên dưới nửa mét, thân có đốt và nhẵn. Lá mọc so le, hình trứng, đầu nhọn, phía cuống hơi ôm lấy thân. Phiến lá có mép nguyên, không có lông, nhưng mặt dưới hơi trắng nhạt.

Hoa màu trắng, mọc thành bông ở đầu cành hay kẽ lá ; đài hoa có lông dài, nhót. Tràng hoa dài gấp hai lần đài.

Mùa noa gần như quanh năm, nhưng nhiều nhất là vào cái tháng 5, tháng 6.

Ở Âu-châu cũng có một loại tương cận : *Plumbago europea* L, mọc nhiều nhất ở vùng chung quanh Địa-trung-nhai. Ở nhiều nơi, người ta còn tổ chức trồng để lấy các thành phần của cây làm thuốc.

Tên *Plumbago* do chữ la linh *plumbum* có nghĩa là chì : Nếu lấy một cành cây nghiền nát trên giấy, sẽ còn lại những vết loang màu xám chì. *Zeylanica* và *europea* dùng để chỉ miền địa lý xuất-xứ của cây.

Cây Huê-xà trong dược liệu học

Thông thường, ở phương Đông cũng như phương Tây, người ta dùng rễ, có khi cả lá (Cazin) (2). Rễ phải tươi,

(1) A.Pételot Les plantes médicinales du Cambodge, du Laos et du Vietnam.

(2) F.J. Cazin. Traité pratique et raisonné des plantes médicinales indigènes et acclimatées. 5^e-édition revue, corrigée et augmentée par H.Cazin. Paris. Asselin et Houzeau 1886.



CHI CHÚ :

Cây huê-xà ở Á-châu (hình trái) và cây huê-xà ở Âu-châu (hình mặt). Cảnh mang hoa.

vì để lâu kém tác dụng Rễ đào về có đường kính lõi 2-5cm, khi khô có màu xám đỏ nhạt, mặt ngoài sẫm, có những rãnh dọc, phần trong màu nâu, vị đắng và buồn nôn. Tính dễ ăn da và gây phỏng da.

Dulong (1) đã triết-xuất được từ rễ cây Bạch hoa xà một chất đắng và gây nôn, dường như là hoạt-chất chính của cây, có tên plombagol.

Greshoff (2) cho rằng plombagol giống như *Ophioxylene*.

Plombagol gây sung-huyết da.

Dung-dịch plombagol trong nước tiêm vào bụng chuột trắng có chữa sẽ gây chết thai và rối loạn buồng trứng (Greimer)(3) Theo Cazin (4) nếu nhai rễ cây huê-xà, nước miếng sẽ chảy ra rất nhiều và đồng thời, mọi chứng đau răng nhức

răng đều tan biến hết.

Nhưng dược-liệu đặc dụng hơn trong điều trị ngoài da, làm thuốc chữa ghẻ, chữa trốc đầu, đắp rịt lên các vết thương, vết loét. Thường người ta dùng rễ hay lá già nhỏ trộn với cơm, chắt thành một thứ bột nhão để đắp lên những nơi sưng đau.

Tại Ấn-độ và Nhật-bản, người ta còn dùng rễ cây này làm thuốc sẩy thai : cho uống bột rễ hoặc tán một ít bột cho vào xoang tử-cung, thai sẽ tự tống xuất do bị kích thích. Nhưng biện pháp

(1) Dulong - d'Astort. Journal de Pharmacie Chimique 14 : 441-453, 1828.

(2) M.Greshoff - Berichte der deutschen chemischen Gesellschaft 23: 3537-3550, 1890.

(3) K.Greimer Japanese Journal of obstetrics and Gynecology 16 (3): 254-257, 1953.

(4) F. J. Cazin. tldd.

này hay gây ra viêm t ử-cung, rất dễ tử vong.

Vì có tác dụng kháng sinh và dùng thuốc (Saint Rat)(1) chất plombagol đã được dùng điều trị mụn và nhọt.

Gần đây hơn, tân dược còn chứng minh rằng plombagol có công năng chống co thắt (Bézanger - Beauquesne) (2) nhưng lại không giải trừ được các cơn ho gà (Bézanger - Beauquesne) (3)

Trở lại với cây huê-xà trong truyện của Sơn Nam

Người viết đã cố công tìm, nhưng không làm sao kiếm được tài liệu đề cập đến những liên lạc khả hữu giữa cây huê-xà và công năng kỳ răn, đặc biệt bao quát hơn nữa, giữa giống Bạch-hoa xà và loài bò sát.

Thực ra thì có một chút dính liên hệ : chữ *ophioxyl ine*. Vì *ophis* trong ngôn ngữ Hy-lạp có nghĩa là rắn. Nhưng *ophioxyl ine* chỉ là một hoạt chất triết-

xuất từ cây *Ophioxylum serpentinum* Willd tức cây *Rauwolfia serpentina* Benib, mà y-giới rất lưu tâm đến công năng hạ huyết-áp. Còn ngoài ra, cây này theo các tài liệu y-khoa, cũng không có ảnh hưởng hay liên hệ gì đến loài rắn, nếu không kể đến sự kiện trong tên khoa học của cây có chữ *serpentina* hay *ophioxylum* !

Tóm lại cây huê-xà có thiết chế không phải chuyện bịa đặt, nhưng cây huê-xà có kỳ xà không thì theo chỗ hiểu biết của người viết, vẫn còn là một bí ẩn và bí mật của miệt vườn.

TRẦN VĂN TÍCH

(1) L. Saint Rat et al. Bulletin de l'Académie de Médecine, 3e S, 130, : 57 - 60, 1946...

(2) L. Bézanger - Beauquesne. Annales pharmaceutiques françaises : 13, : 204-207, 1955.

(3) L. Bézanger - Beauquesne. Comptes rendus de l'Académie des Sciences 239, 518-620, 1954.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Đoạn chót của một cuộc phỏng vấn

Phỏng vấn các hội viên Hội đồng chấm giải bộ môn Thơ trong Giải thưởng Văn học nghệ thuật toàn quốc 1971 và 2 nhà thơ liên quan đến giải này, Trần Dạ Từ và Trần Tuấn Kiệt.

L.T.S. Loạt bài phỏng vấn trên đây đã được đăng trên tuần báo Đời các số 127 và 128 (13-4 và 20-4) dưới tựa đề «Một vụ Rashomon : Giải thưởng Thi Ca 1971 dưới mắt 5 vị Giám khảo» và đã ngưng lại sau các ý-kiến của Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương, Nguyên Sa và Hà Thượng Nhân. Do đó người phỏng vấn, Ô. Lê Phương Chi, đã yêu cầu tạp chí Bách-Khoa cho mượn đất để đăng tiếp loạt bài của ông cho trọn lời hứa với các người đã vui lòng trả lời ông trong cuộc đàm thoại về giải Thơ 71. Cũng để làm vui lòng một cây bút văn thường cộng tác với Bách-Khoa trong nhiều năm qua, chúng tôi cho đăng sau đây, các bài trả lời tiếp của nữ sĩ Mộng Tuyết, của nhà thơ Trần Dạ Từ và Trần Tuấn Kiệt về giải Thơ nói trên. Tất nhiên, nếu bài trả lời, có câu nào liên hệ đến các anh em cầm bút khác, thì trách nhiệm hoàn toàn về người trả lời — các vị này đều là những nhà thơ tên tuổi — và người phụ trách cuộc phỏng vấn đã «mượn đất» trên Bách-Khoa.

TÓM TẮT CÁC Ý KIẾN ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG TRÊN TUẦN BÁO «KHỞI HÀNH» VÀ «ĐỜI»

Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc 1971 phát xong (ngày 4-2-1972) thì trước Tết, Giải Văn đã gây dư luận sôi nổi trên báo chí, trong giới cầm bút, và sau Tết, Giải Thơ lại gây dư luận ồn ào không kém trên hàng chục tờ nhật báo, tuần báo, tạp chí .. và cho đến tận bây giờ vẫn còn tờ báo nói chưa hết ! Cũng xin nhắc lại Hội-đồng chấm giải Thơ gồm các nhà thơ : Vũ Hoàng Chương (Chủ tịch), Hà Thượng Nhân, Bà Mộng Tuyết, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa và giải chính thức về Thơ năm 71 đã được trao cho tập «Thuở làm thơ yêu em» của nhà thơ

Trần Dạ Từ.

Qua những câu trả lời của các vị trong Hội đồng chấm giải, chúng ta được biết đại cương diễn tiến sự bàn cãi, bỏ phiếu và lập biên bản... trong giải Thơ 71 như sau :

Ngày 18-1 Hội-đồng chấm giải Thơ họp ở nhà thi sĩ Vũ Hoàng Chương, vì ông là Chủ-tịch Hội đồng đã thỏa thuận, sau đề nghị của Ô. Thanh Tâm Tuyền là bỏ phiếu kín làm 2 vòng : Vòng đầu mỗi hội viên được đề nghị 3 tác phẩm và tác phẩm nào có 2 phiếu đề-nghị sẽ được vào vòng hai, ở vòng hai tác phẩm nào được 3 phiếu sẽ trúng giải.

Khi mọi người viết xong phiếu vòng đầu, trước khi khai phiếu, Ô. Hà Thượng Nhân đứng lên kêu gọi Hội đồng nên vì tình văn nghệ mà phát giải cho Trần Tuấn Kiệt (1) — lúc đó đương bị giam giữ ở quân lao để giúp Kiệt về ăn Tết với gia đình. Lời kêu gọi này sau nhiều bàn cãi, cuối cùng, được mọi người hưởng ứng. Tuy nhiên lúc khai phiếu vòng đầu Trần-Dạ-Từ được 4, Vi Khuê 3, Trần Tuấn Kiệt có 1, và vòng sau (2) Trần Dạ Từ được 3, Vi Khuê 2 (3). Như vậy Trần Dạ Từ trúng giải nhưng Thanh Tâm Tuyền đề nghị đề Trần Dạ Từ nhường cho Trần Tuấn Kiệt và với tư cách Thư ký của Hội đồng, làm biên bản theo sự vận động đó với kết quả là giải Thơ trao cho Trần Tuấn Kiệt. Biên bản này cả 5 người đều ký và trao cho Ô. Vũ Hoàng Chương đề nộp cho phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa là Ban Tò chức giải Văn học Nghệ thuật 71.

Đêm đó suy nghĩ lại, Ô. Vũ Hoàng Chương cho rằng biên bản đã làm là «lấy tình cảm thay cho lẽ công bằng», nên hôm sau ông mời các vị giám khảo họp lại vào ngày 20-1 ở phủ QVK để làm lại biên bản khác theo đúng như kết quả 2 vòng bỏ phiếu. Buổi họp ngày 20-1 chỉ có Vũ Hoàng Chương, Mộng Tuyết, Nguyên Sa nên biên bản chỉ có 3 chữ ký. Hà Thượng Nhân và Thanh Tâm Tuyền vắng mặt và sau đó cũng không chịu ký. Hà Thượng Nhân tìm gặp ông Q.V.K. Văn hóa, Thanh Tâm

Tuyền viết thư phản đối Vũ Hoàng Chương, nhưng biên bản có phiếu bầu, có đa số chữ ký vẫn hợp lệ và Trần Dạ Từ đã lãnh giải Thơ 71. Trần Tuấn Kiệt được Hội Văn Eút can thiệp, dù không lãnh giải, vẫn được về với gia đình trước Tết.

Sau Tết nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã viết trên báo Khởi Hành số 145 ngày 23-3-72 một bài «Về giải thơ năm 1971 của Phủ Q.V.K. Văn hóa» «Với tư cách Thư ký của Hội đồng chấm giải tiểu ban Thơ» ông «xác-nhận trước dư luận kết quả trên là kết quả bất hợp lệ đã được tạo ra do sự bội tín của Ô. Vũ Hoàng Chương với sự toa rập của một số người và Ban Tò chức». Đó là «sự lường gạt có toan tính sắp xếp». «Người ta đã cố tình lấp liếm sự vô lý bất hợp-lệ của tờ biên bản do Ô. Chương nộp», Thanh Tâm Tuyền đã viết :

«Sau này Ô. Chương, khi tôi hỏi «về thái độ của ông tại sao trong phiên

(1) Tập thơ «Niềm Hoan lạc Thần linh và Ngục tù» của T. T. Kiệt.

(2) Vòng đầu Thanh Tâm Tuyền bầu cho Bùi Giáng, Trần Tuấn Kiệt, Trần Dạ Từ; Hà Thượng Nhân bầu: Cao Tiêu, Tạ Tỵ, Trần Dạ Từ; Mộng Tuyết bầu: Vi Khuê, Phạm Thiên Thư, Trần Dạ Từ; Nguyên Sa bầu: Trần Dạ Từ, Vi Khuê; Vũ Hoàng Chương bầu: Vi Khuê.

Vòng sau Thanh Tâm Tuyền bầu Trần Dạ Từ, Hà Thượng Nhân bầu Trần Dạ Từ, Nguyên Sa bầu Trần Dạ Từ, Mộng Tuyết bầu Vi Khuê, Vũ Hoàng Chương bầu Vi Khuê.

(3) Tác phẩm của Vi-Khuê là «Giọt lệ»

họp ông không chịu nói, ông bằng
bằng lòng ký biên bản xong lại bội
tín ngay hôm sau, ông nói đã ký vì
bị áp lực. Tôi không hiểu ai làm áp
lực ông. Tôi nghĩ ông đã bị áp lực
của nhân-nghĩa. Các ông đã không
đủ can đảm lên tiếng khi bị người
mang nhân-nghĩa ra dọa, các ông làm
điều nhân-nghĩa vì sợ hãi và rồi phản
ứng bằng âm mưu gian trá». Ông
cũng nói về người lĩnh giải :

«Điều tôi tiếc nhất là ông Trần Dạ
Từ đã không đủ can đảm từ khước
giải thưởng trong khi ông là người
biết rõ mọi chi tiết của phiên họp
ngày 18-1. Ông đã tự hạ khi nhận
giải được phát căn cứ theo biên bản
đã bị sửa đổi, thiếu chữ ký, không
đáng gì. Tôi tiếc vì trong lá phiếu
ghi vòng đầu của tôi, ông là người
tôi sẵn sàng chấp nhận thỏa hiệp».

Có lẽ các chữ «toa rập» «lấp liếm»
mà ông Thanh Tâm Tuyền dành
cho Ban Tò chức đã làm cho Ô. Võ
Long Tê, Ủy-viên điều-hành, phải vội
vàng viết ngay «*Lời minh xác của
Phủ Q.V.K. V.H.,*» sau đó một tuần
(31-3-72) và bài này cũng được đăng
trên Khởi Hành số 148 (13-4-72). Ông
Võ Long Tê minh xác rằng biên bản
đã nạp của ông Chủ tịch Hội đồng
chấm giải bộ môn Thơ, Vũ Hoàng
Chương, có đầy đủ phiếu bầu làm
chứng từ là hợp lệ với 3 chữ ký là
đủ đa số. Ông Võ Long Tê còn thêm
rằng : «Ban Tò Chức Giải thưởng rất
phiền lòng được biết rằng trong Hội
đồng chấm giải bộ môn Thơ 1971 đã
xảy ra một cuộc vận động trao giải

«thưởng cho một thi sĩ vì lý do tình
cảm đặc biệt thay vì chân giá trị của
«tác phẩm dự giải».

Ô. Vũ Hoàng Chương khi trả lời
về giải Thơ 71 trên báo Đời số 127
(13-4) có tường thuật lại cuộc bỏ phiếu
và lập biên bản ở nhà ông hôm 18-1
rồi ông nói «Tiền mọi người về, tôi
càng suy nghĩ càng thấy băn khoăn
vì chuyện làm của Hội đồng vừa rồi.
Vì tình cảm mà lấy giải của người
này trao cho người kia, nếu sau này
Trần Dạ Từ sẽ làm tung câu chuyện
lên thì tai hại biết đâu mà lường
được, tôi lại là Chủ tịch của Hội
đồng này. Nếu cứ cái đà lấy tình cảm
thay cho lẽ công bằng cứ thành tiền
lệ rồi diễn tiến mãi, thì giải văn
chương còn nghĩa lý gì nữa. Tôi xem
lại mấy lá phiếu bầu vừa rồi, thấy
nguy một điều nữa là chính Thanh
Tâm Tuyền đã bầu cho Trần Dạ Từ
như vậy rõ ràng là tác phẩm «*Thuở
Làm Thơ Yêu Em*» của Từ đã được
Hà Thượng Nhân, Thanh Tâm Tuyền
công nhận là trội hơn «*Niềm Hoan
Lạc Thần Linh và Ngục Tù*» của Kiệt».

Đó là lý do đã khiến ông hủy bỏ
biên bản làm ngày 18-1 và triệu tập
phiên họp ngày 20-1, để làm biên
bản khác. Việc làm này có bị trách là
«tiền hậu bất nhất» thì ông chỉ xin trả
lời rằng. «Con người chúng ta cũng
có những phút bốc đồng, nhưng sau
đó kịp suy nghĩ và sửa chữa cho hợp
lẽ công bằng, thì cũng không đến nỗi
đánh trách cho lắm».

Trả lời cuộc phỏng vấn đăng trên
Đời số 128 (20-4), nhà thơ Nguyễn

Sa đã xác định hẳn rằng Thanh Tâm Tuyền đã «mượn Trần Tuấn Kiệt đề loại Trần Dạ Từ và giải tỏa nỗi ảm ức Bùi Giáng không được giải» và biên bản do Thanh Tâm Tuyền lập ngày 18-1 là một «âm mưu tinh cảm đề phá bình». Ông nói: «Trong phiên họp 18/1 tôi có lo ngại nếu trao giải cho Trần Tuấn Kiệt mà chính quyền hiểu lầm rằng chúng ta làm áp lực, Kiệt sẽ bị tù nặng hơn thì hậu quả đó ai chịu trách nhiệm. Nhất là Hội Bút Việt can thiệp gần xong». Ông được L.M. Thanh Lãng cho biết «ngày 19/1 hồ sơ của Kiệt được tha đã hoàn thành rồi chỉ chờ đến đúng ngày là Kiệt về». Đó là lý do khiến ông đã phủ nhận biên bản ngày 18/1 và ký vào biên bản lập ngày 20/1. Được hỏi ông nghĩ sao về việc ngày 18-1 đã ký biên bản rồi hôm sau lại phủ nhận ngay, thì ông cười cười:

— «Mình làm sai, mình biết là sai và sửa chữa kịp thời, đâu phải mình khẳng khẳng bảo thủ hoặc ngoan cố nguy hiểm đề đồ tội cho người khác. Trong đời có ai tránh khỏi những lúc bị du vào thế kẹt, có phải không anh?».

Cũng nên ghi thêm là Ô. Nguyên Sa còn viết tỉ mỉ về diễn tiến cuộc hội họp, bỏ phiếu và bàn cãi ở nhà thi sĩ Vũ Hoàng Chương hôm 18-1 với rất nhiều chi tiết, đã đăng trên nhật báo Hòa Bình mấy kỳ mà vẫn chưa hết.

Trên báo Đời số 128 (20-4) nhà thơ Hà Thượng Nhân có thanh minh rằng không hề nhờ Tú Kếu báo tin cho Trần Dạ Từ mà do Tú Kếu gọi điện thoại hỏi thăm ông về kết quả

giải thơ thì ông cho hay là «lý ra thì Trần Dạ Từ được, nhưng vì tình nên nhường cho Trần Tuấn Kiệt đề cứu Kiệt về khi lãnh giải».

Ông cũng phủ nhận chuyện nói ông bị Thanh Tâm Tuyền làm áp lực đến nỗi phải than thở với người khác. Việc bàn cãi nên trao giải thơ cho Bùi Giáng chỉ là sự góp ý của ký giả Lô-Răng trong lúc nhận đàm mà thôi.

Khi Thanh Tâm Tuyền đề cập chuyện dành giải thơ cho T.T. Kiệt ở Tòa soạn Tiền Tuyền, ông im lặng vì chưa đọc tập thơ dự giải của Kiệt. Đọc xong ông nhận thấy tập thơ của Kiệt và tập thơ của Từ đều ngang nhau «ai thích không khí thơ Đường thì ưa thơ Kiệt, ai bóng bầy tròn trịa thì ưa thơ Từ».

Theo ông T.T. Tuyền là người rất thẳng thắn, không mưu toan mờ ám, luôn luôn tự trọng, kiêu hãnh đến độ cao ngạo. Nhưng ở đây «cái sai của T.T. Tuyền là chỉ nhìn sự việc theo quan điểm của mình, cứng ngắc về lý, nặng chủ quan, không bao dung được người khác» còn «cái sai của anh V.H. Chương là đã thỏa thuận với anh em, rồi phủ nhận. Tại sao không thẳng thắn từ khước lúc đầu, một khi đã lỡ cam kết với nhau rồi, thì rán giữ cho đến cùng».

Trả lời câu hỏi chốt, ông nói:

— Tập «Thuở Làm Thơ Yêu Em» rất xứng đáng lãnh giải nhất về Thơ năm 71, nhưng kết quả không trung thực với sự cam kết của 5 người trong ban chấm giải hôm đầu tiên

(ngày 18-1). Tôi nghĩ đáng trách chung Hội đồng, chuyện không đáng gì mà các anh làm um sùm. Tôi có cảm tưởng này nếu anh muốn ghi thì cứ việc. Anh em văn nghệ sĩ mới được người ta trao cho một chút quyền mà đã lộn xộn, làm lùm xùm như vậy. Nếu chẳng may quyền

hành lọt vào tay anh em văn nghệ sĩ, thì đất nước chúng ta sẽ ra sao? Thế mà chúng ta hằng ngày cứ đòi Chân, Thiện, Mỹ mà vẫn tị hiềm nhau không lấy tình thương bao la mà chịu đựng nhau, thì đừng trách chủ nghĩa này chủ nghĩa nọ đã từng sát phạt nhau vì chánh kiến».

PHỎNG VẤN NHÀ THƠ MỘNG TUYẾT

Tôi đến nhà nữ sĩ Mộng Tuyết vào lúc 7 giờ chiều gặp lúc chị đi thăm mộ anh Đông Hồ trong dịp lễ Thanh-minh, vừa về tới cửa biệt thự Úc-viên của chị.

Vào nhà, tôi nói rõ mục đích cuộc phỏng vấn. Chị Mộng Tuyết có ý phản nản rằng chuyện không có gì quan trọng sao các anh Chương và Thanh Tâm Tuyền không giàn xếp nội bộ với nhau mà lại làm um sùm như vậy, đâu có đẹp dễ gì.

— Xin chị cho biết tại sao chị đồng ý ký biên bản không đúng với cuộc bỏ phiếu, để trao giải cho anh Trần Tuấn Kiệt?

— Vì nghe anh Hà-Thượng-Nhân nói trao giải cho Kiệt để cứu anh ấy ra tù. Trước một vấn đề tình cảm như vậy làm sao tôi phản đối. Riêng tôi thắc mắc là tại sao quyết định trao giải cho Kiệt, thì còn bỏ phiếu làm chi. Nếu nói bỏ chơi, sao anh T.T. Tuyền và anh H.T. Nhân không bỏ cho Kiệt, mà lại cũng bầu cho T.D. Từ. Như tôi chẳng hạn, khi nghe các anh trong Hội đồng nói cứ bỏ thử xem ai thắng, tôi đâu có bỏ cho Trần Dạ Từ, mà tôi bầu Vi Khuê vì tôi thích

thơ của chị ấy. Như vậy không có nghĩa là tôi cho rằng thơ chị ấy hay hơn thơ T.D. Từ, mà chỉ vì tôi nghĩ rằng thơ T.D. Từ đã nổi tiếng rồi, có được giải cũng không làm cho Từ hãnh diện, nên nhường cho Vi Khuê. Còn thơ của Kiệt thì không phải tôi chê, nhưng tôi nghĩ Kiệt đã được giải năm 1969, thì năm này tôi tưởng không nên dự thi nữa.

Tôi nhớ lúc mới vào hội nghị, anh T.T. Tuyền có đưa ý kiến nên trao giải cho nhà thơ Bùi-Giáng. Anh Hà-Thượng-Nhân phản đối. Sau đó, anh Hà-Thượng-Nhân mới kêu gọi Hội đồng nên trao giải cho Kiệt để cứu Kiệt. Tôi nghĩ Kiệt cũng như Bùi Giáng, nếu vì tình cảm mà anh em đồng ý thì cho ai tôi cũng không phản đối.

— Sau khi ký biên bản, ra về chị có thắc mắc gì không?

— Tôi thắc mắc tại sao đã cho Kiệt giải rồi, lại còn bỏ phiếu làm chi? Và các anh T.T. Tuyền, H.T. Nhân sao không bầu cho T.T. Kiệt, dù là nói bỏ thử chơi xem ai thắng, cũng cứ bỏ cho thơ của người mà mình cho rằng hay. Tại sao lại bầu cho Trần Dạ Từ để gây ra rắc rối.

— Xin chị cho biết ngày chị nhận được thư mời họp của anh V.H. Chương và ngày họp ở phủ Quốc vụ khanh, nếu chị còn nhớ rõ ?

— Tôi nhớ rõ lắm, và tôi còn cất giữ thư mời của anh Chương nữa. Tôi nhận được thư mời vào chiều ngày 19-1, tức là ngay hôm sau buổi họp nhà anh Chương. Thư anh V.H. Chương mời họp vào 9 giờ sáng hôm 20-1 tại phủ QVK.

Hôm ấy tôi đến phủ QVK sớm hơn các anh Chương và Nguyên Sa vì tôi cần tìm ông Tăng Văn Hỉ về vài bài báo trong Nguyệt-san Văn-hóa mà tôi cần.

— Ai nói với chị về chuyện hủy biên-bản hôm qua để có cuộc họp hôm nay.

— Anh Nguyên Sa trình bày cho tôi biết mình trao giải cho T.T. Kiệt sẽ không ổn, vì hội Bút-Việt vận động xin tha cho Kiệt đã có kết quả rồi, Kiệt sắp được về. Mình trao giải cho Kiệt như vậy, chính quyền có thể hiểu lầm là mình làm áp lực họ, thì có hại cho Kiệt lắm. Như vậy vấn đề tình không còn nữa. Bây giờ chúng ta làm theo lý. Nghĩa là chúng ta họp lại để làm biên-bản theo kết quả của số phiếu đã bầu hôm 18-1. Nghe vậy, tôi cũng sợ cho Kiệt, vì hôm ký biên bản là do tình cảm. Tôi cứ thắc mắc tại sao không có hai anh Hà-Thượng-Nhân và Thanh Tâm Tuyền. Anh V.H. Chương nói có mời rồi mà các anh ấy bận không đến được. Thôi mình cứ ký trước, rồi đề biên-bản đây, khi nào mấy anh kia

đến sẽ ký sau. Hơn nữa mình làm đúng theo số phiếu các anh ấy đã bầu hôm qua, chớ đâu có làm khác mà ngại. Rồi anh Chương đưa mấy lá phiếu ra. Tôi có xem kỹ, đúng là số phiếu và bút tự của chúng tôi. Do đó tôi ký biên-bản.

— Chị thấy hôm 18-1 sau khi anh Hà-Thượng-Nhân kêu gọi vấn đề tình cảm, anh V.H. Chương có tỏ ra điều gì bất mãn không ?

— Thấy anh ngồi im, rồi anh đề nghị bỏ phiếu xem ai thắng và anh giữ mấy lá phiếu đó lại. Như vậy tôi nghĩ là anh có bị áp lực tình nghĩa cho nên mới giữ lại những lá phiếu của 5 người.

— Sau khi anh Nguyên Sa trình bày như chị vừa kể, rồi Anh V.H. Chương có nói gì thêm không ?

— Anh Chương nói hôm qua chúng ta đều bị áp-lực vì vấn đề tình nghĩa. Hôm nay đã biết Kiệt sắp được về, như vậy vấn đề tình nghĩa không còn lý do tồn tại nữa. Vậy chúng ta làm theo lẽ công bằng là lập biên-bản theo kết quả cuộc bầu phiếu hôm 18-1.

— Chị thấy anh V.H. Chương có lộ ý ghét Kiệt không ?

Sau một hồi suy nghĩ, Chị Mộng Tuyết nói.

— Chắc có lẽ anh Chương không ghét anh T.T. Kiệt, vì hôm anh T.T. Tuyền nhắc lại chuyện giải thơ năm 1969, anh Chương cũng vui vẻ bảo rằng nếu ghét Kiệt, tôi đâu có ký kiến- nghị xin cho Kiệt.

— Chị có nghĩ rằng anh V.H. Chương bị mua chuộc về tiền bạc mà trao giải để chia tiền với Trần-Dạ-Từ như tôi đã nghe một vài người đặt nghi vấn ?

Chị Mộng Tuyết trả lời sau nụ cười hiền hòa cổ hũu của người miền Nam :

— Nếu nói anh Chương áp-phe để chia tiền với Trần-Dạ-Từ, thì tại sao ảnh không bỏ cho T.D. Từ một phiếu nào cả, mà lần nào ảnh cũng bỏ duy nhất cho Vi-Khuê. Như vậy làm sao anh T.D. Từ chia tiền cho ảnh ? Tôi thấy hôm 18-1 anh Chương ngồi im, rồi cất giữ mấy lá phiếu, như vậy chứng tỏ ảnh kệt vấn đề tình cảm nên buộc lòng phải chịu phục tùng, đến khi biết anh Kiệt được tha, lý do tình cảm không tồn tại nữa, thì ảnh làm theo lẽ công bằng. Chắc chắn là không có chuyện ảnh bị mua chuộc vì tiền bạc. Tôi nghĩ đơn giản như vậy.

— Chị nghĩ thế nào về tư cách anh T.D. Từ, khi ảnh đến lãnh giải ?

— Anh Từ được 4 phiếu ở vòng đầu, và 3 phiếu ở vòng sau, như vậy ảnh có quyền, và cũng xứng đáng lãnh giải.

Chỗ này tôi có thắc-mắc một điều

PHÒNG VẤN NHÀ THƠ TRẦN-DẠ-TỪ

Sau khi phỏng vấn các vị Giám-khảo trong Tiểu-ban Thơ, tôi tìm gặp nhà thơ Trần-Dạ-Từ. Nghe bấm chuông, người nhà ra mở cổng, thấy tôi muốn gặp Trần-Dạ-Từ, liền mời tôi vào thẳng phòng khách, không

là khi ký biên bản vì tình cảm để trao giải cho T.T. Kiệt, anh em đã dặn nhau là phải giữ kín, rồi không hiểu tại sao vài hôm sau, đã có nhiều người biết, trong đó có cả anh T.D. Từ.

— Chị nghĩ sao về mỗi thái độ và hành động của từng người trong ban chấm giải ? Và trách nhiệm chung của Hội-đồng ?

— Đứng về anh Chương, tôi nghĩ ảnh nên triệu tập một cuộc họp như anh T.T. Tuyền đã đề nghị, như vậy ảnh khỏi mang tiếng. Còn anh T.T. Tuyền viết bài tố cáo anh Chương trước công luận, tôi nghĩ như vậy là quá đáng. Nghe nói anh Hà-Thượng Nhân tiết-lộ cho T.D. Từ biết chuyện đáng lẽ phải giữ kín như đã hứa với nhau, nếu có như vậy anh H.T. Nhân cũng đáng trách. Anh Nguyễn-Sa thì tôi thấy ảnh có vẻ vô tư trong việc này. Nhất là khi ảnh trình bày chuyện Kiệt sắp được tha nếu chúng ta trao giải như vậy, chính quyền cho là làm áp lực, sẽ có hại cho Kiệt, có thể tù nặng hơn hoặc bị đày đi xa thì sao. Tôi nghĩ rằng anh Nguyễn Sa lo ngại rất đúng. Còn trách nhiệm chung của Hội-đồng lẽ dĩ nhiên là không được tròn...

phải chờ đợi như lời đồn trước khi tôi đến đây.

Sau khi nghe nói ý định của tôi, cả hai vợ chồng đều từ chối. Chị Nhã Ca cầu hòa sợ sẽ gây rắc rối, muốn

được yên. Anh Từ bảo ai muốn hiểu sao cũng được, đề thì giờ sáng tác và in sách, tôi đã rửa tay ra khỏi làng báo rồi, anh thương tôi xin đừng lôi vào vụ này.

Tôi xếp giấy bút, lấy bản thảo bài phỏng vấn ông Vũ-Hoàng-Chương đưa anh đọc, chờ anh đọc đến đoạn ông Chương nói Hà-Thượng-Nhân sáng hôm bỏ phiếu, đã bảo Tú-Kiểu tiết lộ cho Trần-Dạ-Từ biết: đáng lẽ Từ được giải nhưng nhường cho Kiệt để cứu Kiệt. (đoạn này không đăng ở Đời vì khuôn khổ tờ báo, tôi cắt bỏ) Tôi hỏi xen vào:

— Tú Kiểu có tin anh biết đúng như lời ông Chương?

— Thưa có. Hôm ấy tôi đang làm báo Xuân ở nhà in thì Tú Kiểu đến gặp báo anh Hà-Thượng-Nhân nhờ tìm tôi, báo cho biết kết quả giải Thơ và nhắn «Ông ấy bảo ông đã giữ lời hứa, bỏ phiếu cho mày. Mày được nhiều phiếu nhất. Nhưng ban Giám-khảo yêu cầu mày hi sinh để lấy giải nhất phát cho Kiệt cho nó ra tù. Thôi, hi sinh đi, đừng có buồn.

Tôi ngạc nhiên hỏi anh T.D. Từ:

— Tại sao lại giữ lời hứa, bộ anh Hà-Thượng-Nhân có hứa từ trước sẽ bỏ phiếu cho anh sao?

— Thưa, với tôi thì không. Đó là nguyên văn anh Kiểu nói lại với tôi. Thực ra, trước đó cả năm tôi không gặp anh H.T. Nhân. Tập *Thuở Là Thơ Yêu Em* xong, có anh em trong báo Tiền-Tuyên gặp tôi, bảo: «Hà-chương môn bảo mày biểu ông một

cuốn». Tôi bèn gửi lại tòa soạn Tiền-Tuyên biểu anh Hà, cũng như đã có gửi biểu nhiều vị khác trong ban Giám-khảo nhưng không hề gặp mặt vị nào. Sau đó, anh em gặp tôi báo tin: «Rồi; Hà-chương-môn bảo mày được giải rồi. Khao đi. Ông nhả sẽ bỏ phiếu cho mày».

Nếu lời anh Kiểu là đúng, chắc vị anh Hà-Thượng-Nhân nhớ tới sự nhả nhe đó. Riêng tôi, tôi coi đó chỉ là lời anh em đùa, và vẫn không tìm gặp anh Hà trong thời-gian chờ kết-quả giải thưởng.

— Khi nghe Tú Kiểu báo tin này anh nghĩ và trả lời sao?

— Tôi nghĩ Hà thi sĩ là người cẩn thận. Anh nhả vậy, là để phòng bọn trẻ như chúng tôi dễ bốc đồng, có thể sau này nghe ra, sẽ làm om lên. Thật sự thì tôi đã qua lứa tuổi bốc đồng từ lâu. Do đó tôi có nhờ anh Kiểu trình lại với anh Hà-Thượng-Nhân là tôi cảm ơn sự ưu ái anh đã dành cho và xin anh yên tâm lo việc cứu Kiệt.

— Hình như lúc giã từ anh, Tú Kiểu có nói gì?

— Có. Chúng tôi bới với nhau về số Tử-vi. Kiểu có tỏ ý lo lắng và bảo cả tuần nay lo chạy hồ sơ giúp Kiệt ra tù do Hội Văn - Bút can thiệp và đã có kết quả. Kiểu còn nói: «Mẹ, chúng nó dùng đòn nhún - nghĩa để chơi mày, đôi khi gieo vạ cho thằng Kiệt. Tao bảo đảm Kiệt vài bữa nữa sẽ ra. Làm áp lực kiểu này nó mà xù lên thì Kiệt lãnh đủ.

— Còn anh, ai cho biết anh sẽ

lãnh giải, thay vì Kiệt, theo lời nhắn của anh Hà-Thượng-Nhân ?

— Anh Chu-Tử. Vài bữa sau tôi lên nhà in NBT nhờ sắp chữ phụ mấy trang báo. Tình cờ gặp anh Chu-Tử, anh nói : « Ông được giải rồi, tôi mới gặp anh Hà-Thượng-Nhân cho biết như vậy ». Tôi tỏ ý ngạc nhiên, anh Chu - Tử giải thích « là hôm qua các ông ấy đã họp lại ở Phủ QVK, ông được giải chứ không phải T.T Kiệt ».

Như vậy, lần trước cũng do anh Hà-Thượng-Nhân nhắn Tú Kếu mà tôi biết tôi phải nhường giải cho Kiệt. lần này cũng lại do anh Hà-Thượng-Nhân, qua lời anh Chu-Tử, mà tôi được biết tôi được giải.

— Anh có tìm gặp anh Hà-Thượng-Nhân để biết sự thật không?

— Không. Mãi đến 29 Tết, tức là sau khi tôi lãnh giải và tiêu sạch tiền tôi mới vô tòa báo Tiền-Tuyến thăm anh Hà. Chúng tôi không đá động gì đến giải thưởng. Chỉ ngồi nghe anh Hà bình bài Hữu - Sở - Tư : *Tương tư nhất dạ mai hoa phát ; Hốt đáo song tiền nghi thị quân...*

Tôi kéo anh Trần-Dạ-Tử trở về với cuộc phỏng vấn :

— Anh còn nghe dư-luận nói gì về giải thưởng Thơ không ?

— Có. Mừng 5 Tết, đọc báo Sóng Thần, thấy anh Chu-Tử viết : Giải văn chương năm nay có sự vận động bản thiêu nhất là giải Thơ. Vì Trần-Dạ-Tử lãnh giải mà Trần-Tuấn-Kiệt

còn nằm trong tù... Tôi đọc bài báo, biết anh Chu-Tử viết sai, vì tôi được tin anh Kiệt đã được ra tù từ trước Tết. Tuy nhiên tôi không ngạc nhiên. Anh Chu-Tử có lẽ không bằng lòng tôi nhiều chuyện, đây là lần thứ bảy, thứ tám gì đó anh mượn chuyện chửi xa chửi gần cho bổ tức. Chúng tôi, mười năm trước, đã có lần đập nhau kẻ bề đầu, người bề mắt. Bây giờ nhớ lại lúc đập anh suýt mù mắt, tôi còn hồi hận. Vì vậy, dù anh chửi lèm bèm, tôi vẫn rán nhịn. Hơn một tuần sau đó, chờ cho nguôi Tết, tôi mới gọi điện-thoại nói với anh Hà-Thượng - Nhân vụ ấy. Tôi nói thế này : « Thừa anh (HTN), tôi đọc ST, thấy bài anh Chu-Tử nói giải Thơ năm nay có sự vận động bản thiêu. Vì tôi lãnh giải mà Kiệt nằm nhà đá. Tôi nghĩ anh là người có ảnh hưởng với anh Chu-Tử, chắc anh ấy nghe anh nói ba chớp ba nháng sao đó mà viết. Vậy tôi xin anh, nếu anh thấy có sự vận động bản thiêu nào anh cứ nói hết ra giùm. Tôi cũng xin nhờ anh HTN nhắn với anh Chu - Tử là tôi rửa tay ra khỏi làng báo rồi, anh có hần học gì tôi thì chửi bậy, tám lần cũng là đủ. Đừng bắt tôi phải đáp lễ anh ấy ».

Nghe tôi nói vậy, anh H.T. Nhân kêu ầm lên trong điện thoại : « Ấy chết, tôi thề với anh từ Tết đến giờ tôi chưa gặp anh Chu Tử. Trong giải Thơ này nếu có gì, thì anh (Trần-Dạ-Tử) chỉ là nạn nhân. Chả biết anh Chu Tử moi đâu ra chuyện vận-động. Nếu anh bằng lòng, tôi sẽ viết một bài nói về vụ này ».

Từ đó đến nay, tôi có ý chờ bài của anh Hà. Nhưng chưa thấy.

Đó là chuyện chính, sau đó tôi còn hỏi anh Hà-Thượng-Nhân thêm một chuyện phụ nữa : « Tôi nghe anh em nói anh có lập một phái-đoàn với anh Vũ-Khắc-Khoan, lên yết-kiến ông Quốc-vụ-khanh khiếu nại, đòi hạ giải Thơ xuống là giải khuyến-khích. Tôi rất ngạc-nhiên, vì lần trước, anh bảo Tú Kếu đến báo tin, tôi đã nhờ Kêu thưa lại với anh là tôi vâng lời. Lần này nếu thật tình anh thấy tôi không nên lãnh giải, sao anh không tiếp tục bảo thẳng tôi, mà lại phải đưa nhau ra cửa quan, coi vất vả quá.

Đầu dây điện thoại bên kia, anh Hà lại kêu ầm lên là *bọn nó xuyên tạc* anh nghe làm gì. Không có chuyện hạ giải Thơ xuống giải khuyến-khích đâu. Sự thật, chúng tôi có đi lên phủ QVK, nhưng chỉ vì nề anh Vũ-Khắc-Khoan quá. Anh ấy đến tận tòa báo bắt tôi phải đi cho bằng được. Chỉ có mình tôi (HTN) được vào gặp cụ Mai-Thọ-Truyền, vì anh Khoan không được tiếp, phải ngồi ngoài. Gặp cụ Truyền, tôi còn hứa với cụ là sẽ bảo anh T.T. Tuyên im đi, đừng làm ồn ào lên nữa. Câu chuyện chỉ có vậy.

Tôi đọc lại mấy điều cần hỏi, nhân anh Từ vừa nhắc tới T.T. Tuyên, tôi nói tiếp :

— Xin anh cho biết giao tình giữa anh và T.T. Tuyên từ trước đến giờ?

— Không đáng kể. Nếu có vài lần gặp gỡ thì cũng 7, 8 năm trước. Tuy nhiên anh là một thi sĩ tài ba. Tôi thích và cũng từng đọc vài bài thơ

của anh trong các buổi đọc thơ trên đài Phát thanh, ở các trường Đại-học Saigon, Đalat...

— Nghe nói có lần nào đó, hai anh đã bất đồng ý-kiến về một tác-phẩm văn chương, có phải cuốn «Bác-sĩ Jivago»?

— Có. Nhưng chỉ là chuyện nhỏ. Tám, chín năm trước, có lần tôi cùng anh Bùi-Giang đến thăm anh T.T. Tuyên, cùng nói chuyện văn chương. Khi đó tôi vừa đọc xong cuốn Bác-sĩ Jivago, rất khoái, bèn ca tụng. Anh Tuyên thì chê cuốn Bác sĩ Jivago viết thối lắm, anh bảo : Cái thằng Pasternak không biết viết văn, đọc có vài chục trang, tôi ngủi không nổi nên vứt đi. Lúc đó, tuổi trẻ còn hăng máu tôi cãi lấy được. Tuy nhiên, từ đó, vì ngại những tác phẩm mình yêu thích dễ bị nhục mạ, tôi không dám nói chuyện văn chương với anh T.T. Tuyên nữa. Tuy thỉnh thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau trong vài canh xì phé...

— Tôi còn nghe anh và chị Nhã xích mích gì với anh T.T. Tuyên vì một bài báo đả kích chị Nhã do anh Thanh - Tâm - Tuyên đăng ở Tiền-Tuyên ?

— Có vụ bài báo. Nhưng tôi tưởng cũng không thể gọi là xích mích. Đạo đó, anh Phan-Lạc-Phúc, Chủ-bút báo Tiền-Tuyên, có yêu cầu Nhã-Ca viết cho báo anh một truyện dài. Nề lời anh, đành viết. Đang viết, bỗng trên trang Văn-ngệ Văn-hóa gì đó do anh Thanh-Tâm-Tuyên phụ trách

xuất hiện một bài phê-bình, chửi ngay cái truyện đang đăng trong cùng một tờ báo với anh. Dù sao, được phê bình là quý, chúng tôi không để ý gì. Bất ngờ, gặp Viên-Linh, Thư-ký tòa-soạn Tiền-Tuyển. Viên-Linh hỏi: Mày biết cái thằng viết tài phê bình ấy là ai không? Đáp không. Anh mới giảng thêm: Đó là Hồ-Trường-An, em ruột Thụy-Vũ, Thụy-Vũ là nhân tình Tô-Thùy-Yên. Tao thấy Tô-Thùy-Yên mang bài này dúi cho T.T. Tuyển đăng.

Nghe chuyện, chúng tôi rất ngạc nhiên. Tuy không biết gì về những liên hệ giữa các nhà văn, nhà thơ và nhà phê bình trên như Viên-Linh nói, nhưng cả anh Tô-Thùy-Yên lẫn chị Thụy-Vũ với chúng tôi không phải người xa lạ. Chắc anh (chỉ người phỏng vấn) còn nhớ, chúng tôi biết chị Thụy-Vũ lần đầu là do anh. Chính anh đưa chị Thụy-Vũ đến nhờ lấy một truyện ngắn của Nhã-Ca về in trong tuyển tập «Ba miền mười khuôn mặt». Sau đó, chị Thụy-Vũ còn trở lại, đưa theo bà chủ nhà xuất bản Kim Anh, thương lượng xuất bản thêm một tập truyện của Nhã-Ca. Phần anh Tô-Thùy-Yên, chúng tôi cũng vốn rất quý. Anh từng sang tận sở làm của Nhã-Ca nhiều lần, điều đình để lấy sách cho nhà xuất bản «Kẻ Sĩ» của anh, nhưng vì muốn tự in lấy sách nên Nhã từ chối. Lần chót, anh còn ghé lại, yêu cầu để anh tái bản cho tập thơ *Nhã Ca mới*. Vì quý thơ, chúng tôi cũng không chiều lòng anh được. Không

lẽ lý do phê bình văn chương chỉ có vậy.

Do chuyện này, trong một buổi vô uổng cả phê sáng với các anh Hà-Thượng-Nhân và Lô-Răng trong báo Tiền-Tuyển, tôi có hỏi thẳng các anh. Tôi còn nhớ rõ khi biết đầu đuôi câu chuyện, Hà-Chường-môn có vẻ nổi nóng. Anh nói: «Phê bình gì lạ vậy. Đó là lỗi cạnh tranh kèn cựa ty tiện chứ đâu phải phê bình văn chương». Đoạn anh còn quay qua bảo anh Lô-Răng: «Trò kèn cựa đến độ sai em nhân tình viết bài hạ người khác rồi dấm dúi đưa đăng, tôi không thể chấp nhận được. Ông (Lô Răng) phải bào thẳng với họ như vậy». (Người phỏng vấn đã phối kiểm được anh Hà-Thượng-Nhân xác nhận rằng chuyện xảy ra đã lâu, anh nhớ có nói đại khái như vậy).

Cách tuần lễ sau, anh Lô-Răng có gửi cho Nhã-Ca một lá thư, nói anh và Thanh-Tâm-Tuyển rất tiếc. Và Nhã cũng vẫn tiếp tục viết cho xong chuyện đang dang dở, rồi mới xin phép các anh để nhường chỗ.

Câu chuyện chỉ có vậy. Tôi thực tình đã quên. Nhưng anh Lô-Răng đã kể, anh đã hỏi, thì tôi cũng xin phép nói rõ: Không có chuyện chúng tôi giận dữ với báo Tiền-Tuyển. Chúng tôi từng làm báo và hiểu rõ việc không có cách gì kiểm soát được hết bài vở. Cũng không có chuyện chúng tôi không bằng lòng bài phê bình, như anh Phan-Lạc-Phúc và anh đã nói. Vì bài phê bình nào cũng quý, mọi người ai cũng có quyền chê khen. Có

chăng, chúng tôi chỉ ngạc nhiên về cách thức mà Hà thi-sĩ gọi là "dấm dúi", trong trường hợp bài phê bình ấy được đăng tải.

— Trở về chuyện giải thưởng : anh đã cân nhắc thế nào và trong trường hợp nào anh in tập thơ *Thuở làm thơ yêu em* rồi dự thi ?

— Xin thú thực, đây là sự bất ngờ. Một tuần trước ngày hết hạn nộp đơn, tôi vẫn chưa in thơ. Không hiểu sao, vài bạn văn loan tin tôi đã gửi tác phẩm dự thi. Kể đó, có anh em bảo tôi là anh Thanh-Tâm-Tuyền đã về Saigon chấm thi và có tuyên bố ở vài nơi, rằng : "Thằng Trần Dạ Từ mà dự giải, sẽ bị đá văng ngay". Dù biết mình không được anh T.T. Tuyền hài lòng cho lắm, tôi vẫn không tin một người làm thơ có thể nói về người làm thơ khác bằng giọng điệu ấy. Do đó, cuối năm, phần vì túng tiền, phần cũng muốn kiểm chứng coi thi-sĩ Thanh-Tâm-Tuyền có nói vậy không — và nếu có dọa đá thật thì ông đá ra sao, đá được không—nên chỉ trong vòng một tuần, tôi in xong tập thơ và dự giải. Ngày cuối cùng, khi nộp sách, chỉ mới nộp được bản đóng tạm, chưa có đủ bìa ngoài...

— Khi nộp sách, anh có biết tin gì về số những nhà thơ dự giải năm nay không ?

— Không biết. Nộp sách xong, tôi mới biết năm nay có chị Vi-Khuê, các anh Bùi-Giáng, Trần Tuấn Kiệt, cùng dự giải. Nếu biết sớm, tình thực tôi đã không dự. Vì cả 3 người này

đều xứng đáng lãnh giải thưởng hơn tôi. Thật là một sự bất ngờ : chị Vi-Khuê tuy rất thân tình với chúng tôi, nhưng chị ở mãi Đà Lạt, xa rời sinh hoạt văn-nghệ ồn ào dưới này từ lâu. Anh Bùi-Giáng, vốn tiên phong đạo cốt, tôi tưởng anh không tham. Anh Trần Tuấn Kiệt thì lại càng không ngờ nữa, vì năm 1969, khi dự giải anh còn bảo đùa chúng tôi : "Năm nay đến phiên tao dự chơi để lấy tiền trả nợ" và anh Kiệt đã đoạt giải.

— Anh có nghĩ ban Giám khảo lấy giải, đáng lẽ phát cho anh, để phát cho Kiệt là một đòn nhân-nghĩa không ?

— Trước kia thì không hề nghĩ. Nhưng bây giờ thì chính anh Thanh Tâm Tuyền đã dùng ba tiếng *đòn nhân nghĩa* ngay trong bài viết của anh đăng trên báo Khởi Hành Thứ - ký tòa soạn báo này là Viên-Linh cũng có lần đã tiết lộ với tôi về danh-từ *đòn nhân-nghĩa* này.

— Xin anh kể rõ trong trường-hợp nào ?

— Đây là một cuộc gặp gỡ riêng. Anh Viên-Linh, anh Lê-Xuyên, và tôi là cà nhậu nhẹt trong quán cóc ở đường Phạm-Ngũ-Lão. Bàn cãi lung tung, bỗng Viên-Linh bảo tôi : tao càng nghĩ càng phục Thanh - Tâm-Tuyền, nó đưa Trần-Tuấn-Kiệt ra để hạ mày, thật là một đòn kịch độc. Tôi đùa dai với bạn : Nếu là đòn, chắc chỉ mày nghĩдум chứ gì ? Nhà thơ Tổng-thư-ký KH cười khà khà : Mày cóc biết. Chỉ mấy tay miền Trung

mới nghĩ nổi mấy đón thâm hiểm đó. Tao phục bọn nó». Cả tôi lẫn anh Lê Xuyên đều ngạc nhiên không hiểu VL nói gì. Anh đành phải giải thích : «Mày tưởng T.T. Tuyền nó là rau muống à. Không, dân Trung đó. Coi chừng». Tôi cũng thật tình không biết nhà thơ Thanh-Tâm-Tuyền là người miền Trung. Tôi cũng thực tình không tin định-kiến mà Viên-Linh phát giác. Tôi đùa với bạn : «Mẹ bố mày. Dân rau muống như mày với tao mới đều. Tao có nhiều bạn miền Trung, toàn người tốt».

— Theo anh, bên phía Thanh-Tâm-Tuyền có sắp xếp gì cho «đón nhân nghĩa» này không ?

— Tôi biết qua chính những bài các vị giám khảo kê lại. Một vài bạn hữu cũng cho biết thêm vài chi tiết. Mừng tám tết, dự đám cưới một người bạn, tôi có gặp nhà văn Dương-Nghiêm-Mậu, một bạn thân mà tôi không ngừng quý trọng từ thời thơ ấu. Mậu cho biết các anh Thanh-Tâm-Tuyền, Tô-Thùy-Yên, hôm trước khi chấm giải, có họp nhau ở nhà anh Tô-Thùy-Yên đề bàn về giải thưởng. Các anh nói với nhau trong buổi họp : «Đưa trường hợp Trần-Tuấn-Kiệt ra đi. Đề coi phản ứng của chúng ra sao. Chắc tức cười lắm».

— Anh nghĩ sao về bài báo của anh Thanh-Tâm-Tuyền trên tờ Khởi Hành ?

— Có vài điều liên quan tới tôi mà anh tỏ ý ngạc nhiên. Phần tôi, tôi cũng có những ngạc nhiên không

kém. Trong bài ấy, nếu tôi nhớ không lầm, anh có nói tôi là người mà anh «sẵn sàng thỏa hiệp». Tôi không hiểu tại sao phải thỏa hiệp. Về phần tôi, tôi thấy không có gì để phải thỏa hiệp với anh. Ngược lại cũng vậy. Chấm giải văn chương, theo tôi tưởng, là việc làm theo lương tâm chứ không phải theo sự thỏa hiệp nào đó mà anh tỏ ý đề nghị. Tôi cũng ngạc nhiên về điều anh viết nguyên văn là «Ông Trần Dạ Từ đã tự hạ khi lãnh giải». Thực tình tôi không dám có sự cao ngạo, tự cho mình ở mức cao cả đến độ phải tự hạ để bằng giải thưởng, như lời anh phong tặng.

— Anh nghĩ sao về việc anh T.T. Tuyền nói rằng bỏ phiếu là bỏ chơi xem ai thắng, theo lời ông Chương ?

— Anh T.T. Tuyền có viết là anh có bỏ phiếu cho tôi. Dù anh quan niệm lá phiếu của anh là bỏ chơi, bỏ đề thù tạc hay chia chác, thỏa hiệp, tôi tưởng vẫn có bồn phận cảm ơn anh.

— Anh nghĩ sao về điều Thanh-Tâm-Tuyền viết rằng việc anh đi lãnh giải là «điều đáng tiếc nhất» ?

— Tôi không ngạc nhiên. Việc tôi đi lãnh giải cũng như việc anh T.T. Tuyền thấy tiếc, chỉ là cái đuôi tất yếu của sự việc đã diễn tiến. Hình như tôi đã thưa với anh : Tôi dự giải phần vì túng tiền, phần vì muốn coi cái đá của nhà thơ Thanh-Tâm-Tuyền. Đi lãnh giải cũng chỉ có hai lý do đó. Chuyện túng tiền thì chắc khỏi giải thích. Kinh tế mùa thu mà. Và

chẳng, tưởng điều này có thể được chính nhà thơ Thanh-Tâm-Tuyền thông cảm : Mấy năm trước, có lần anh Thanh-Tâm-Tuyền đã được phát một giải đồng hạng khuyến khích về bộ môn Văn với cuốn truyện « *Dọc Đường* ». Lần đó tôi không thấy anh từ chối. Gần đây, dù anh viết « từ coi không còn là Giám-khảo », tôi cũng chưa thấy anh từ chối khoản thù lao chấm giải. Còn chuyện đề kiểm chứng lời dọa đá của anh, thì đó, chúng ta đã thấy. Như anh đã nói, quả nhiên anh rất lấy làm tiếc.

— Xin anh câu hỏi chót, cảm tưởng chung của anh về giải thưởng này ? Anh có suy nghĩ hay ưu tư gì không ?

— Đành thú thật rằng có. Có hai món ưu tư. Trước khi đi lãnh giải, tôi có lo vì việc không được giải này, nhà thơ Trần - Tuấn - Kiệt có thể chậm ra khỏi quân lao chẳng. Mối lo ấy đã hết. Vì tôi đã được sự thật trả lời ngay là anh Kiệt đã

được cho về từ trước Tết, mà theo tôi biết, là do sự can thiệp của Hội Bút Việt, với sự chạy ngược chạy xuôi đặc biệt của hai nhà thơ Nguyên-Sa và Tú-Kếu.

Món ưu tư thứ hai, tôi mới cảm thấy rõ rệt hồi gần đây. Báo chí, văn giới, đã om xòm không biết bao nhiêu về cái xi-căng-đan giải thưởng văn-chương này. Nhưng lạ thay, cho tới nay, chẳng thấy ai, chẳng thấy báo nào, dù báo xưng là văn học nghệ thuật, thêm đề cập, giới thiệu, hay phê bình dăm ba chữ về chính những tác phẩm đã làm nên kết quả các giải thưởng ấy. Phải chăng, sinh hoạt văn chương của chúng ta đã tới hồi không còn dựa trên tác phẩm, mà chỉ còn được chú ý theo kiểu rình rập thẳng này, con kia, phe này, phái nọ, và những xi - căng - đan quanh đó.

Mối lo này, hình như còn lâu mới hết nổi.

PHÒNG VẤN NHÀ THƠ TRẦN-TUẤN-KIỆT.

Tôi kéo anh Trần-Tuấn-Kiệt vào tiệm nước bên cạnh tòa soạn ĐÔI, Kiệt nhất định không phát biểu ý kiến, tôi đành xoay qua vấn đề khác :

— Nghe nói tập thơ suýt được giải năm nay là *Niềm Hoan Lạc Thần Linh* và *Ngục Tù* của Kiệt sắp phát hành trong tháng tới ?

— Nếu không kệt tiền thì đúng như thế.

— Kệt nhiều ít

— Kệt chừng 8 ram giấy, đưa cho nhà in là tuần sau có thể lấy sách để phát hành. Bây giờ đang đi chạy tiền mua giấy đây.

— Trong tập thơ *Niềm Hoan Lạc Thần Linh* và *Ngục Tù* Kiệt gởi gắm những gì trong đó ?

— Trong đó tôi nêu lên 3 chủ đề chính :

1) *Niềm Hoan lạc* là một tư tưởng mà tôi cho là tư tưởng lớn nhất của

Đông-phương vượt khỏi tư tưởng Phật-giáo.

2) Thần-linh là một tư-tưởng của dân tộc Đức qua nhà thơ Holderlin, một người đã cày dân tộc Đức hùng cường và có thể nói là đứng vào hạng lớn lao nhất trên thế giới.

Tôi cho rằng Thần-linh phối hợp với tư tưởng của Niềm Hoan-lạc để đưa tinh thần dân tộc lên trên mọi tư tưởng, chủ nghĩa của thế giới hiện nay.

3) Ngục tù là hoàn cảnh hiện tại của đất nước Việt-nam đau thương của chúng ta.

Ba yếu-tố đó cấu tạo thành tập thơ *Niềm Hoan Lạc Thần Linh và Ngục Tù*.

— Tại sao anh đã được giải năm 1969 mà năm 71 anh còn dự thi ?

— Sau khi thoát khỏi Quân - cảnh lần thứ nhất mà trong bài báo anh Nguyên-Sa có nói chờ tôi đi một đoạn đường đó, về nhà tôi có linh cảm mình thế nào cũng sẽ bị bắt lại. Tôi nghĩ rằng nếu trúng giải văn chương chắc mình sẽ được cứu khỏi tù. Và tôi tin rằng với tập thơ nói trên gọi dự thi tôi sẽ được giải.

Đó là một lý do, hai là trúng giải tôi sẽ có một món tiền trong một việc làm đứng đắn hơn là phải viết những cái feuilleton rẻ tiền trên nhật báo. Thế thôi. Vì vậy tôi không có một mặc cảm nào trong khi gởi tác phẩm dự thi cả.

Thú thực tôi không biết có anh Bùi-Giáng và Trần-Dạ-Từ dự - thi,

nếu biết, nhất định tôi không dự năm rồi, vì tôi quý những người này.

— Anh nghĩ thế nào về những việc đã xảy ra chung quanh giải Thơ 71 ?

— Tôi đã theo dõi các bài viết trả lời về giải Văn-học Nghệ - thuật vừa qua. Tôi hoàn toàn tin tưởng bài viết của anh Thanh Tâm Tuyền là một bài đứng đắn nhất. Tôi biết anh cũng tự dự đoán những phản ứng tất nhiên sẽ đến với anh một cách quyết liệt và tôi thừa biết anh Thanh Tâm Tuyền khinh thường các phản-ứng đó.

Tôi buồn khi đọc những bài viết thấy người ta đã né tránh, và không xử dụng bút pháp với một tinh thần hiên ngang.

Còn chuyện ở tù đối với tôi trong vụ giải thưởng này lại là một chuyện khác. Phải thành thật mà nói rằng tôi không bao giờ quên ân những chữ ký. Mặc dầu trong việc xử dụng chữ ký vào bản văn xin tha cho tôi còn có rất nhiều *ân khúc về ân nghĩa* mà tôi chưa tiện phơi bày ra đây. Tôi sẽ nêu rõ ràng hơn ở một dịp khác nếu có thể.

Tôi cũng từng ký một vài lần vào biên bản để giúp cho các việc tranh đấu văn nghệ, mà tôi không nghĩ đó là ân nghĩa bao giờ. Riêng vụ của tôi anh em đã nêu lên điều ân nghĩa và chuyện tôi bị tù đề cổ tình đánh tráo một sự thật. Mà cái sự thật đó, tôi cũng không bận tâm cho lắm.

— Anh nghĩ thế nào về giải Thơ năm nay trao cho Trần-Dạ-Từ ?

— Tôi nghĩ rằng Trần-Dạ-Từ lãnh giải cũng rất xứng đáng, nhưng riêng tôi, nếu giải Thơ năm nay mà xử dụng cả tình lẫn lý, thì nên trao cho anh Bùi-Giáng hơn. *Bùi-Giáng là một nhà thơ đẹp và hay nhất đời nay*, mà ít ai nhìn thấy, hoặc chịu nhìn thấy.

Bùi-Giáng làm sách thì không được nhà xuất bản đối xử tốt về tiền bạc. Làm thơ thì không ai chịu nhìn thấy cho rõ. Viết sách Triết-học thì có mấy ai chịu đọc hết toàn bộ sách của ông. Nhưng phê bình xỏ xiên, cổ tình hạ ông thì nhiều quá.

Tóm lại về thơ, tôi có thể nói thơ Bùi-Giáng vượt tít mù đặng xa, mà tôi đuổi theo không kịp.

Đáng lẽ tôi không nên lên tiếng lúc này, nhưng đã chót có ý kiến thì tôi cũng như trường hợp anh T.T.

Tuyền, sẽ chấp nhận mọi búa rìu của anh em đập vào, đề chỉ xin nói lên tiếng nói thật của lòng mình mà không thấy ần ý chua ngoa gian trá, đề không cảm thấy tủi hổ khi còn một mình ngồi đối diện với sách đèn.

Còn mọi chuyện trên đời này, tôi coi nó như một canh xi phé mà tôi đã gởi gắm qua một bài thơ trong *Niềm Hoan lạc Thần linh và Ngục tù* :

Xoắn tay áo đánh một ván bài ban chiều

Nghe bè bạn xao xác hề không thấy vui

Ta lững thững nhìn tàng cây đời mới

Nghe mùa tả tơi hề ta mỉm cười.

Đọc xong bài thơ, Trần Tuấn Kiệt nhìn tôi cười : — Thôi chấm dứt cuộc phỏng vấn ngang đây nhen bạn !

LÊ PHƯƠNG CHI

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Một chuyến đi Huế - Quảng Trị

Năm giờ sáng chúng tôi đã tề chỉnh gọn gàng song không dám đi sớm như ý định. Và theo kinh nghiệm học được, tài xế luôn luôn giữ đúng mức nghiêng ngang giữa đường chứ không đi phía tay phải, vì sợ mìn. Mỗi lần gặp xe nhà binh, anh ta lại vội vàng nép lại một bên, vừa run vừa nép. Những chiến xa to lớn choán gần hết mặt đường, làm rung rinh mặt đường, hòng súng đen ngòm, lạnh lẽo lừ lừ đầy đe dọa. Trục thẳng quần đảo trên đầu.

Rồi những đoàn quân xa âm ỷ chạy cùng chiều hay ngược làm tôi đành bỏ cái thú ngắm phong cảnh ven đường. Tôi cũng bỏ thói quen thò mũi ra cửa xe để hít một cách thơm lami bầu không khí thanh khiết của đồng quê vào buổi sáng. Sương vẫn chưa tan hẳn, bay là là phía trước tạo thành một bức màn trắng đục, che khuất đồng ruộng, vườn tược ven đường. Chốc chốc, tiếng súng lớn nổi lên làm rung rinh cửa kính xe và làm át mất tiếng hát của các em Thanh niên ở phía sau. Khi gần đến Quảng Trị ven đường có bãi đất trống cát trắng tinh thấp thoáng một khu vực đầy quân nhân và vũ khí, tiếng súng lớn từ đó câu đi làm chúng tôi nín thở cho đến lúc hoàn toàn qua khỏi, tiến vào thành phố.

Tổng Thư-ký Phân bộ Quảng-Trị đã cho di tản gia đình vào Đà-Nẵng, dùng nhà riêng làm trụ-sở, vì trụ sở Phân-bộ thì nhà binh đóng mất rồi. Nom cậu không còn cái vẻ bảnh bao như mọi bận

vào Sài-gòn họp Đại-hội, áo quần bẩn thỉu, râu ria không cạo, má hóp như một ông già, nhưng cậu lại hăng hái hơn dạo đó rất nhiều. Cùng với Đoàn Thanh Niên từ Huế, Thanh Niên Quảng-Trị và chúng tôi chia nhau để đi được nhiều chỗ. Chúng tôi được chia đi, trước hết là một trại, được gọi là "*Trung-Tâm Phát-triển Sắc-tộc*". Các em Thanh niên gọi đùa là *các chị được lên Thiên đàng*, mà quả vậy, khi đến đó chúng tôi mới biết lời ấy không ngoa. Bởi số đồng bào ở đó khá đông (trên ba trăm sáu chục gia đình, có gia đình 15 người lớn nhỏ) mà chúng tôi rất dễ dàng trong việc giữ gìn trật tự, cấp thẻ cũng như phát phẩm vật. Họ không tranh giành, không chen lấn, họ giữ trật tự chung dằng hoàng, và mặc dù có nhiều gia đình cũng vào trường hợp chạy đến sau không có thể, song họ vẫn giữ được thái độ như thái độ thiếu phụ trong Trại Tiếp-cư Gia-hội kể trên : xin ăn qua ngày, không hề ta thán.

Nhiều thanh niên tùm lại đánh bài giải-trí, phụ nữ thì bắt chít giết thì giờ. Có những nghĩa quân mặc áo đầm viện trợ, dây kéo phía sau ra trước, hai túi áo từ trước nằm sau lưng, vẫn ung dung, vui vẻ cười, bày hết cả hai hàm răng.

Nắng chói chang, bầu trời trong xanh và những cuộn mây phiêu du chậm rãi. Peter giữ một thái độ trầm tĩnh đáng khen, anh ta không có vẻ lạ lùng với khung cảnh ấy, vẫn sốt sắng khuôn vác,

giữ trật tự, song anh ta không còn tự nhiên khi tôi chỉ cho anh ta một đũa trê sơ sinh không quần áo, chỉ được bọc trong một áo lính bằng ni lông. “Chiến tranh như thế đó” Anh ta nói một câu vô thưởng vô phạt, rồi im luôn, tay không ngừng gặt mồ hôi tuôn như tắm.

Đột nhiên, tôi có cảm tưởng có một người quen trong đám thanh niên nghĩa quân Thượng trước mặt tôi, mà chịu, không thể nhớ ra đã biết trong trường hợp nào, và tên hán là gì trong cái mớ danh sách dài ngoằng khó đọc mà bác sĩ B. Khan cổ kêu tên từng người trước cổng. Hán mất một chân, nét mặt dễ mến, trăn nước da đen, hán không có vẻ gì là “người Thượng. Tuy không được nhận quà, hán vẫn vui vẻ, chịu khó chống nạng đứng nhìn và cười rất tươi.

Khi tôi tiến lại hỏi trường hợp hán, hán cười bảo là đã lạc hết gia đình : cha mẹ, các em gồm trên 10 người đều đã đi Pleiku. “Em ở đây xin ăn qua ngày”. Lại xin ăn ! Tôi hỏi T, về hán. T. lơ đãng trả lời :

— Phải ! chị quen là phải ! Hồi năm kia em đưa nó vô Trại Phế - nhân của Trung ương làm chân giả đó chứ ai. Nghĩa-quân đó nghe chị !

Rồi thỉnh lình T. bỗng chú ý đến, hỏi dồn :

— Ủa, chớ chân giả để đâu ? Sao còn có một chân ? Về đây từ bao giờ vậy hả ?

Cười toét miệng, hán trả lời gọn :

— Em để trên rừng rồi, anh ơi !

— Trời ơi ! Để chân giả trên rừng !

Mày có điên không ? tao đưa mày vô làm chân giả là để cho mày đi chớ có phải để mày đem bỏ trên rừng đâu ?

— Thì em cảm ơn anh chớ sao, mà khó đi quá, với lại đi chân giả trong rừng khó lắm, em tháo bỏ vô gửi mang theo, cái mà... cái mà rớt hồi nào không hay.

T. dơ nắm tay lên :

— Liệu nghe ! Đừng hòng tao đưa vô Sài Gòn làm chân giả khác. Đi một lần cực khổ...

— Em không đi nữa đâu mà anh lo, em chống nạng dễ hơn.

T. dịu giọng :

— Lâu nay chính phủ có cấp phát lương phế-binh cho mày không ?

— Không ! chẳng có gì hết.

— Lấy gì ăn ? Sao không xin ?

— Làm sao xin ? em đi cà-nhắc lâu lắc, tới đâu cho nổi ? Xin ăn qua ngày, bà con ở đây cũng thương em lắm à !

— Sao anh không giúp nó một tay ?

Một em thanh niên chen vào câu chuyện. T. cười buồn :

— Chú giỡn quá ! Tôi thì giờ đâu ? lo việc mình chưa xong đây ! Mà việc đó là việc nhà binh, việc chính phủ mà.

Tôi lại nghĩ đến chuyện giúp em này, nhưng lại cũng sợ *sai nguyên tắc*, phá hỏng kỷ luật, làm cho công việc cấp phát khó khăn vì sự tỏ ra thiên vị của mình (trước khi đi, một chị bạn tôi — người Trung hoa — đưa cho tôi năm ngàn đồng, căn dặn : “Đây, chị muốn giúp ai tùy ý, nhưng giúp đồng bào chớ đừng giúp lính, vì lính đã có nhiều

người lo rồi và vì vậy, khi đưa sáu trăm bạc cho thiếu phụ người Châu-độc hôm qua, khi đưa ông già nằm trên manh chiếu chỉ còn bốn đường viền và một bà cụ già gần bảy mươi mà phải công đưa con gái khoảng ba mươi vì cô ta bị liệt tôi không phải đắn đo gì. Tôi chỉ cần nhìn trước nhìn sau cẩn thận đừng cho ai thấy, vì họ sẽ ủa lại phân bì thì khổ, khó mà giải thích nguyên ủy số tiền, khó mà đính chính là mình không thiên vị và chưa kể nếu họ bảo là tiền của cơ quan nào cho họ mà mình xén bớt thì nguy.

Nhưng với người nghĩa - quân Thượng này thì thật khó tính. Tôi không thể dùng tiền của một người chỉ muốn giúp cho *đồng bào dân sự* để giúp một *người lính* dù chỉ là *một nghĩa quân*. Song rồi sau cùng tôi cứ làm theo ý muốn, vì tôi nghĩ nếu có mặt chị ấy tại đây lúc này, chắc chị không phân đôi tôi đâu.

Một giờ trưa, xong việc cấp phát, chúng tôi lên xe, nghe tôi kể lại trường hợp hẳn, chị Đoàn trưởng la lên :

— Sao bồ kỳ vậy ? Sao bồ không lấy cho nó cái mền, gạo và sữa và...

— Thôi đi ! làm vậy nguyên-tắc sao ? Vả lại tôi cũng không muốn mang tiếng là...

— Nguyên-tắc với nguyên đồ ! Nghe mà phát khùng lên ! Nó là binh sĩ lại đã trở thành phở-nhân, chị không thấy đó sao ?

— Trời ơi ! người ta thấy rõ hơn chị nữa ấy chứ ! Sao lại không, có điều...

— Ngừng lại ! ngừng lại anh Tư ! —

Chị gân cổ hét — phải cho thằng nhỏ cái mền kéo dèm đến lạnh nó, tội nghiệp !

Và thế là, tên nghĩa quân phở - nhân không được cấp phát gì kể cả chính-phủ-lần-hội-tư-nhân, vì cái tội chậm chân chạy sau (có một chân làm sao chạy mau ?) được lãnh một cái mền, hai hộp sữa, hai hộp cá, năm ký gạo như bắt cứ ai trong toàn trại.

Lần này, hẳn nhe răng cười, tươi tỉnh hơn bao giờ hết :

— Cảm ơn chị ! Em mừng quá, em khỏi xin ăn cho đến chừng hết cái gạo này !

Trưa đó, chúng tôi lại tái bản m'n cơm vắt, bánh mì và thức ăn mang theo từ Saigon. Tổng Thư-ký phân bộ Quảng-Trị là người chu đáo cho nên dù không có vợ con ở nhà, chúng tôi còn được ăn thêm cơm nóng, canh chua khá *linh đình*. Nhưng chúng tôi phải đứng mà ăn và chia nhau mới đủ chỗ và chén bát.

Bên sân nước nhà này võ đạn vương vãi không hiểu do đâu, song chúng tôi không đủ thì giờ tìm hiểu, một phần thì tiếng súng lớn nhỏ thì nhau nổ nghe rất gần làm phân tán tinh thần, phần khác phải ăn cho lẹ vì xong bữa, lại vội vàng đi trại khác, cốt tranh thủ thì giờ. Chúng tôi như những con ruồi mà các trại tiếp cư là hũ mật, chúng tôi nhắm kỹ và sà vô đó, không có thì giờ đâu mà liếc xéo, nhìn xiên.

Và chúng tôi nghĩ rằng không đến y-viện là một thiếu sót, nên trước khi đến một trại tiếp cư khác sau bữa ăn, chúng tôi liền đến ngay Quân-y-viện.

Đó là Dân Quân-y-viện hỗn hợp tại tỉnh Quảng-Trị mà lần trước chúng tôi ra thăm đầy nhóc thương bệnh binh, nhưng hôm nay thì trông trơn, vắng ngắt. Chúng tôi được chỉ lên lầu để thăm một số cơ mười lăm bệnh binh chưa kịp di tản chứ tất cả thương binh thì đã được đưa vào Quân-y-viện Nguyễn-tri-Phường Huế rồi. Cửa kính cửa chớp của tầng lầu không ngừng rung động vì tiếng nổ và số bệnh binh nằm đó, tuy khổ sở vì bệnh hành hạ, vẫn tỉnh táo để theo dõi tình hình.

Một số đồng bào chạy loạn, bị thương chưa được băng bó và một số khác không thương tích, ở lý dưới mấy hàng hiên. Khi chúng tôi biểu một ít thực phẩm và gạo xong, sắp đi thì từ cổng Y-viện, xe cứu thương chở thương binh đến nên chúng tôi nán lại. Được đặt vội lên giường, giày trần chưa kịp cởi, nom các anh em như kiệt lực vì vượt sa mạc giữa trưa. Trên mỗi đầu giường có đặt hộp sữa mà không một anh nào mở mắt nhìn đến. Đặc biệt nhất là thương bệnh binh ở đây như nhận, có vẻ mừng rỡ khi gặp chúng tôi. Ở Sài-gòn trong Tổng Y-viện Cộng-hòa nhiều chị bị họ làm là phái đoàn những ông bà lớn, họ mắng nhiếc cho tàn tệ. Một người bảo chúng tôi :

— Cảm ơn các chị đã chịu khó ra đến đây, nhưng các chị nên về đi, tại nó cách đây cơ ba bốn cây số đường chim bay thôi, mà đông như kiến, tại tôi mới đựng đây...

Một nhân viên trong bệnh viện hỏi :

— Ba bốn cây số đường chim bay ? Vậy thì mấy cây số đường quốc lộ ?

— Đường quốc lộ xa hơn, cơ sáu bảy cây...

Nhiều binh sĩ không thương tích mà vì công vụ phải ở lại Quân-y-viện, tỏ ý muốn biên thư để nhờ chúng tôi đem về hộ Sài-gòn. Trong số có một được sĩ do dự vì không có bao thư, song sau cùng anh rất yên tâm vì chúng tôi có đem theo bao thư phòng sẵn. Rồi họ đứng đó, dưới bóng cây, viết vội vài hàng gửi cho vợ, cho vị hôn thê, cho cha mẹ. «Đáng lẽ, chúng tôi tính tiền công đả c lăm nhưng thôi, đặc biệt lần này miễn đó nghe ?» Cả bọn cười trước câu khôi-hài của một chị vui tính nhất.

Trại Thánh-Tâm có lẽ là trại tiếp-cứ lớn nhất Quảng-Trị. Đồng bào ở đó cũng từ Đông-hà, Gio-linh, Trung-lương đến. Họ quá cùng khổ vì họ lặn như viên đá không kịp đóng rêu. Sữa, cá hộp, mền thì còn, song gạo lại thiếu, và nhờ Tổng Thư-ký Phân - bộ địa-phương chạy lui, chạy tới mua thêm gạo nên việc cấp phát được đầy đủ. Lại cũng phân vua vì kẻ đến sau người đến trước, lại cũng chen lấn, lộn xộn như những chỗ kia.

Theo ý kiến số đông, chúng tôi phải xong việc và về Huế quăng ba giờ chiều, song không thể nào xong kịp, mặc dù chúng tôi đã tính cho tiện, khỏi đóng từng phần lỏi thôi, chỉ phát từng gia đình phần sữa, cá, mền, còn gạo thì đợi đúng 25 gia đình được giao trọn một bao, họ chia nhau sau.

Hơn bốn giờ chúng tôi mới phát xong trại Thánh - Tâm và sửa soạn trở về.

Chúng tôi tự hỏi nếu tình trạng này

kéo dài không biết sẽ ra sao? Trẻ con trong các trại dong chơi, bứt thuốc lá, cãi cọ, đánh nhau. Người lớn thở dài vì quá rảnh rỗi, không biết dùng thì giờ làm gì. Cái mừng thoát chết vội đi theo ngày tháng mà ngay tháng trước mặt thì kéo dài, mu mờ, không hứa hẹn. Ngửa tay xin ăn nào có gì đáng gọi là vui? Đắt đai khô cằn ở sau lưng mặc cho đạn bom cày nát.

Năm giờ rưỡi hơn, chúng tôi mới thực sự thở phào vì thấy thành phố Huế thấp thoáng trước mặt. Một cơn mưa bất ngờ làm không khí oi bức dịu đôi phần. Trong lúc chờ đợi xem có cần ra Quảng-Trị lần nữa không, sáng hôm sau chúng tôi đi Quân-y-viện Nguyễn-Tri-Phương.

Ở Sài-gòn, tôi chỉ phụ trách việc đi thăm các nhà thương thí, chứ không đi Quân-y viện. Bên đó phần các chị Khố Cộng hòa. Hôm nay, tôi phải dừng lại rất lâu và cái cảm tưởng lính rất khó tính, làm cao không hề thấy, nhất là những binh sĩ từ trong Nam ra. Họ nằm yên, lặng lẽ, không đòi hỏi, chê bai cũng không nóng nảy. Điều làm họ vui nhất là chúng tôi không phải đến để cho họ sửa hộp thoi mà viết thư về nhà giúp họ. Có những người bị thương nặng, phải cúi xuống gần để nghe họ nói, mà họ bảo là viết giùm: «Tôi gần mạnh, cứ yên tâm, đừng ra chi tốn tiền, để mua gạo cho con». Lại có anh, vừa rên la, hai tay ghì chặt cái thanh sắt trên đầu giường trong lúc y-tá rửa vết thương, mặt lăm lăm mồ hôi mà vẫn dặn: «Gửi ra cho tôi tập nhạc của ông Hùng cho, tôi để quên trên nóc tủ». Có anh tận Vĩnh long, Châu đốc

mà một hai «Thế nào ba má cũng ra thăm con, con nhớ lắm». Nhưng phần đông đều một giọng: «Bình yên, sẽ về nay mai» hay «Đang chờ phương tiện để về Cộng hòa».

Đại-úy Quân - lý la lên: «Ừa, chờ mấy cô Xã-hội đâu? Không viết giúp cho mấy anh? Nhưng la xong lại phụ với chúng tôi đi phát sữa các giường, vì chúng tôi mãi viết. Một anh có vẻ hí hửng, vết thương gần lành, đi từ giường này sang giường kia, chỉ cho tôi một người bị thương nặng, không quần áo, nằm yên đằng góc:

— Chị viết thư giùm cho em kia, tội lắm!

Vậy mà khi tôi đến gần ngỏ ý giúp thì cậu ta quay mặt đi, chỉ khóc mà thôi. Tuy vậy, sau cùng, cậu cũng gạt nước mắt cho tôi biết địa chỉ mẹ cậu và nhờ viết cho mấy chữ. Tôi lấy giấy bút, kê lên thành giường, hỏi:

— Em muốn viết thế nào đây? Em cứ nói.

— Dạ, chị muốn viết gì thì viết, chỉ xin đừng nói em bị nặng, mẹ em lo, đừng biểu mẹ em ra, nhà em nghèo lắm.

Tôi hoa mắt lên, sự xúc động làm tôi không còn thấy ghê sợ những cuộn băng đầy máu mủ, không còn thấy mùi hôi tiết ra từ những vết thương. Và tôi văng vẳng nghe như từ cõi vô hình, hai câu thơ vọng lại:

«Ta hãy góp một chia là vĩnh biệt.

Cho gia đình nhân loại được đoàn viên»

MINH QUÂN

(4-72)

Bao la

Thơ MINH QUÂN

Gửi Ngọc Thắm

Có những nguồn vui thoát nhìn như nho nhỏ
Song bao la trùng điệp khó lường đong
Rất đơn sơ mà rộng lớn không cùng
Tựa bóng mát tỏa một vùng trên đất cần của tầng
cỏ thụ
Trong quả tim cần bồng dăng cao tình thác lũ
Khiến đêm dài ta thao thức bởi Tin, Yêu
Hỏi người làm ta trẻ lại, vui nhiều
Xin hãy giữ mãi tâm hồn trong sáng không gợn chút
mây mờ tựa vàng trắng của đêm mười tám ấy,
Dù không biết rằng ta có còn được bắt gặp những
phút giờ tin yêu trào dâng như sóng dậy
Ta vẫn ghi nhớ mãi những kỷ niệm quá êm đẹp
của hôm nay
(Vì đó là hành trang cần thiết cho ngày mai)
Và chúng tôi cho ta biết rằng trên đời này không
chỉ có toàn những lọc lừa man trá
Vì ngọc quý vẫn thường bị chôn vùi trong sỏi đá,
và ta chỉ có thể bắt gặp
trong một lúc bất ngờ
Bao năm dài hồ tắt lịm hồn thơ
Chợt phút chốc dạt dào vươn lên, bừng dậy
Từ lâu lắm, ta chán tìm, rồi chợt thấy....
Lòng lâng lâng như sắp vượt tầng cao....

Phan-rang, 2-4-72

Một cảnh chạy loạn ở Trị-Thiên

Thơ TRẦN DẠ LỮ

Mai này lửa cháy quê xưa
Người bỗng nhau chạy có cò dưới kia
Vườn tan nhà nát — buồn về
Trên sông máu nhuộm, cầu thì vỡ đa
Đất trời hóa cảnh tha ma
Hồn ai vất vưởng ngày đà qua nhanh
Người đi, kẻ ở không đành
Tiếng kêu còn vọng, sầu quanh kiếp người.

(Trị Thiên 4-1972)

VÀO ĐỜI

Chương III

Lúc các giáo sư chậm chạp lần theo bóng tối xuống cầu thang, một nhóm học sinh vẫn còn chờ dưới bậc thềm. Ánh đèn pha bên kia phi trường quất qua quất lại có vẻ hoài nghi, rồi hướng về nhóm học sinh lơ lửng. Vài người ngồi yên chỗ cũ, vài người bối rối lấy tay che ánh sáng chói lòa, và lí nhí lên tiếng chào các thầy. Ông hiệu trưởng nói với thiếu tá :

— May nhờ mấy ngọn đèn pha này mà ban đêm, người lạ không dấn vào khuôn viên nhà trường để tâm tình. Thiếu tá thấy không, trong thành phố chật chội bụi bặm mù mịt này, tìm được một khoảng rộng có ánh trăng, có gió lành, có bóng tối đồng lõa, thật là khó. Trước kia, suốt đêm chó sủa từng hồi, làm chúng tôi không ngủ được.

Ông phân hội trưởng cười :

— Hèn gì, đầu năm chị sinh con trai, cuối năm chị sinh con gái. Giống y mấy ông trên sở hỏa xa. Chỉ tại chuyển tàu khởi hành hồi 5 giờ sáng.

Các giáo sư cười vang. Một ông hỏi :

— Hình như đơn vị của thiếu tá đóng gần nhà ga thì phải ?

Ông thiếu tá vội phân trần :

— Không, không. Khi tôi về đây, xe hỏa đâu còn chạy nữa. Tôi đâu có « thức giấc giữa khuya » như ông hiệu

trưởng.

Khi nhìn thấy một đám đông học sinh vẫn còn ở dưới sân, mọi người ngừng tiếng đùa cợt. Ánh đèn pha chiếu ánh sáng lơ mơ vào hành lang tối, soi rõ những bậc cấp lở lói. Thiếu tá nghiêm nghị nói :

— Đề tôi đề nghị phân hội xuất tiền sửa chữa tu bổ lại các lớp học. Nhiều phòng hư hao nhiều quá. Cửa gương vỡ, bóng điện bị ăn cắp hết. Ông hiệu trưởng thấy có nên sửa lại cái ổ khóa, hay nên mua khóa đây ?

— Phiền một nỗi là chung quai h đây, đồng bào tản cư ở quá đông. Chúng tôi đã thuê người rào dây thép gai thật kỹ, vậy mà họ chờ tối, lại lấy kéo cắt hết. Có nhà lại còn tự tiện mua gạch vồ xây lầu cao ngay trên vệ đường quanh trường. Lũ con nít sống chật chội, chỉ còn một lối thoát : chui rào qua trường chạy nhảy, phá phách, phóng uế. Thật bức mình, nhưng không có cách nào hơn. Riêng mấy bậc cấp này, chúng tôi đã cho gọi thợ vôi, nhưng họ bận xây các cao ốc ngoài công trường, chưa rảnh.

Tài xế lái chiếc Jeep đến ngay sát thềm. Ông phân hội trưởng bắt tay mọi người. Vừa sắp chui vào xe, ông hiệu trưởng vội nhắc :

— Ngày mai khoảng 10 giờ, thiếu tá có rãnh ghé qua trường ký giùm cái biên bản.

— Mười giờ à? Mười một giờ được không?

— Được, được. Thư ký sẽ thảo lại biên bản, và cho đánh máy xong trước 11 giờ mai. Thôi, chúc thiếu tá ăn cơm ngon.

— Cảm ơn anh, mai gặp lại.

Lúc xe chạy ra cổng, ánh đèn pha có lẽ bắt đầu tin tưởng, chiếu sang phía khác. Các giáo sư lần lượt cưỡi xe về hết. Ông hiệu trưởng nói với nhóm học sinh:

— Sao các em chưa về đi. Buổi tối đứng đây nguy hiểm lắm. Nhiều hôm tại Mỹ say, bắn đại qua bên này. Tháng trước ông cai nằm trực trước phòng, chỉ một tí tí nữa là chết oan.

Một học sinh thưa:

— Thưa thầy, chúng em chờ hai anh Quang, Vân.

— Hai đứa chưa xuống à?

Không đợi nghe câu trả lời đồng loạt, ông hiệu trưởng đi theo hành lang về nhà.

Quang và Vân từ nãy đến giờ vẫn đứng im lặng trước phòng bảy. Nhìn về phía đường cái, từng luồng ánh sáng xuyên ngang qua dãy hành lang tối. Quang đã đi trên hành lang này suốt bảy năm qua, và từng năm từng năm, tầm nhìn lớn dần theo thân thể, Quang thấy nó càng ngắn và hẹp dần. Năm đầu bước chân vào trung học, Quang xa lạ với nó, lo sợ nó. Ngôi trường lâu đồ sộ này ra ngoài dự tưởng, mơ ước của một cậu học trò ở miền thôn quê heo lánh. Quang quen

thuộc với ngôi đình cũ kỹ dột nát, chật chội nằm thoi loi giữa một vùng đồng lúa xanh. Cây vông trước lớp học tàn lá sum sê riu rít tiếng chim. Gió đồng nội thổi mùi thơm mạ non và bùn lầy, tuy nhiên trong lớp học phải lâu lắm cả thầy lẫn trò mới quen được mùi ẩm mốc và phân dơi. Trường tiểu học của xã phát triển hơi nhanh, nên không có đủ phòng cho các lớp. Ông thầy phụ trách lớp nhất lấy có thiếu thốn phòng ốc, xin cho dạy tạm trong đình gần đường cái quan. Sự hi sinh lớn lao ấy thành thực mà nói, không phải hoàn toàn vô vị lợi. Nhà thầy cất ở bên kia đường cái. Nhờ vậy, thầy có thể vừa dạy học vừa trông chừng mấy con bò gặm cỏ bên vệ đường, giữ nhà cho vợ đi chợ. Hôm nào bận việc làm ruộng, thầy có thể chạy vội ra lớp chép lên bảng một đề toán khó, để bọn học trò ngồi ngẩn ngơ suốt buổi. Trời đứng bóng, thầy trở về, tay chân còn lấm láp, gay gắt chê cả lớp toàn là bọn ngu si, rồi hứa hẹn giảng lại kỹ càng cách làm bài toán nước rỉ này vào sáng hôm sau. Lâu ngày thành thói quen, lúc nào thấy thầy nôn nóng vội vã đến trường đúng giờ, Quang đoán thế nào học trò cũng được thầy giao cho nhiệm vụ giải quyết một cái hồ nước rỉ, hay tình cảnh khốn đốn của một người bộ hành đang rí ra đi còn quên vài thứ cần thiết ở nhà. Cả thầy lẫn trò đều sống trong không khí thoải mái tự do đó. Thầy tranh được sự kiểm soát hay dòm ngó của hiệu trưởng và đồng nghiệp. Còn

học trò thì thú vị vui cười, hề nhau đập mương tát cá, hay đi dọc theo bờ cỏ bắt châu chấu làm mồi cho sáo. Lối giáo dục tôn trọng tự nhiên ấy tự nhiên phải đưa đến các kết quả ước đoán. Không có lý gì cả thầy lẫn trò yêu mến ruộng nương đồng quê như vậy lại phải xa gia đình, xóm làng để xuống trường tỉnh học tiếp đệ thất.

Trường hợp của Quang là một biệt lệ của số mệnh. Quang đậu kỳ thi tuyển, và phải theo chị xuống tỉnh. Khung cảnh đời sống thay đổi đột ngột, và Quang cảm thấy lạc lõng, ngơ ngáo. Ở đâu, cậu bé cũng chỉ thấy những con đường thẳng xa lạ. Đâu còn dấu một con mương cong, một bờ ruộng lầy, rặng núi xanh viền đậm uốn khúc trên nền trời, những đám mây bạc bành bồng đôi hình trong ráng chiều. Ở đâu, chỗ nào cũng chỉ có sự nghiêm nghị, trật tự, khuôn phép : Cấm đi trên cỏ. Cấm vào trường trước giờ học. Cấm lên lầu trước khi chuông rung. Cấm nện mạnh gót giày trên hành lang. Cấm lang thang trước cửa lớp. Hành lang dài và lối này trở thành lối dẫn vào vườn ngự hay một khu rừng cấm đầy nguy hiểm bất trắc. Cửa lớn sơn màu nâu tối tăm, vòm trần cao, bàn ghế cực mịn, màu vôi tường nhợt nhạt,... Quang thất vọng, và lo sợ. Nhưng lâu rồi cái gì cũng quen. Quang thích nghi dần với đời sống thành thị, dám thách đố với những điều cấm đoán. Nhiều lúc Quang còn cố ý phạm lỗi để hưởng cái thú mạo hiểm, dám một mình xông pha vào chốn gian nguy.

Từ lớp học đầu hành lang, từng năm từng năm, Quang đã chuyển dần đến phòng bảy. Bây giờ đứng đây nhìn lại những vết sáng xuyên ngang lối đi Quang tưởng đó là những bậc thang vô hình của năm tháng. Quang đã hí hục leo lên, chịu đựng sự nhọc nhằn của một đời sống buồn hiu và thiếu thốn, để giờ đây, đến được tận cửa phòng bảy. Rồi, ngay lúc ấy, Quang phải xuống, và phải xuống sớm hơn bè bạn. Quang biết sau buổi học này, tốt hơn hết mình không nên đến trường nữa, để tránh phiền phức cho anh em và nhà trường. Xa lìa lối đi đã từng vết gót giày, xa lìa những phòng học thân yêu, xa lìa những bàn ghế gần gũi thiết tha...

Vân nói nhỏ :

— Tụi mình đi xuống Quang hè.

— Thì đi.

— Chắc tụi nó còn đợi.

— Khuya quá, sắp đến giờ giới nghiêm !

Rồi hai người không nói gì nữa. Trong im lặng và bóng tối, tiếng dép lép xẹp đội rền cả ngôi trường. Lúc đến đầu cầu thang, Quang nghe dưới sân có tiếng hỏi :

— Hay hai cu cậu lần về một lượt với các thầy ?

— Có lý nào ! Tao đã nói tụi mình chờ mà.

Vân phải lên tiếng :

— Tụi mình xuống đây.

Đám đông bên dưới lao nhao hỏi :

— Sao, kết quả thế nào ?

Vân hỏi lại :

— Các thầy chưa cho biết à ?

— Tụi tao ngại, nên không hỏi. Hình như ông giám thị bảo với bác cai là Quang bị đuổi hẳn, đúng thế không ?

Vân đáp thay Quang :

— Đúng.

Vân và Quang đã xuống đến bậc cấp chót. Đèn pha lại rơi vào đám học sinh. Quang lấy tay che ánh sáng, hấp tấp nói trước cho các bạn yên lòng :

— Mình đã đoán thế nào hội đồng cũng xử vậy. Không thể khác được. Nhưng đứng đây hoài, tụi Mỹ nó nổi sùng, lời thôi. Mình về đi.

Phan, trưởng ban báo chí, bực bội:

— Xử ép như vậy mà mình im lặng được à? Chúng ta phải thấy anh Quang bị đuổi với tư cách Tổng thư ký Ban Chấp hành chứ không phải với tư cách một học sinh lớp đệ nhất B3. Đuổi Tổng thư ký, tức là phủ nhận luôn ban đại diện học sinh. Mình phải làm cái gì để cho nhà trường biết phản ứng...

Vân phụ họa :

— Phải đấy. Mình phải họp lại cho đầy đủ các Trưởng ban để quyết định.

Quang áy náy gạt đi :

— Thôi, dây dưa làm gì. Việc đó coi như xong. Với lại, ngay từ lúc này, Vân là người điều khiển.

Rồi Quang tìm cách nói lảng sang

chuyện khác.

— Sắp giới nghiêm rồi. Anh em lo giải tán ra về mai hăy hay. Tối nay Vân cho tao ngủ nhờ một đêm. Bây giờ về Phú Tài sao được !

oOo

Chiếc Lambretta dừng lại trước một cái cổng đóng kín. Biệt thự nằm sâu trong một khu vườn cây lá xanh đen. Gió thổi vào hàng dương liễu thấp trồng sát vệ đường vì vu dui dật, thích hợp với vẻ sang trọng huyền ảo của một khu vườn lạc loài giữa phố xá bụi bặm. Cứ để cho máy nổ và mặc Quang chống chân hai bên giữ cho xe thăng bằng, Vân chạy đến gần ngọn đèn mờ gần sâu trong trụ xi măng bấm chuông. Vân tò mò hỏi :

— Nhà ai đây ?

— Nhà anh Hân.

— Hôm trước Vân ở nhà đảng Phan bội Châu mà?

Vân nhấn chuông một lần nữa :

— Đó là nhà bà chị. Mấy bữa nay hai vợ chồng về Nha trang thăm phía nội, nên mình phải lại đây. Hơn nữa, ở đây yên tĩnh hơn, không ồn ào, con nít la khóc om sòm như đảng kia.

— Anh gì, anh ruột hay anh họ ?

— Anh ruột chứ, anh Hân đảng Ty, không biết à ?

— Mày làm như anh mày là một danh nhân ở đất này. Làm đảng ty, nhưng ở đây thiếu gì ty : chiêu hồi, canh nông, thủy lâm, thú y, tiểu học, quan thuế...

— Trật lất. Anh làm trưởng-ty công an cảnh sát.

— Ủa, thật sao? Thằng này quyền thế gớm. Nhưng sao chưa nghe tiếng chó sủa?

— Hỏi gì vậy? Tại sao đương không hỏi chuyện chó?

— Vì nhà nào quý phái như thế này đều có treo tám biển COI CHỪNG CHÓ DỮ trước cổng. Sau vài hồi chuông, bao giờ chó cũng bực bực bên trong, rồi tiếng dép nói thong thả ỉ ờ ràng lê gằn, rồi tiếng khóa tí tách, và một gương mặt ngh, ngờ xoi bói hắt hàm hỏi: Muốn gì?

Vân cu ời lón, bẻm chuông lặn nửa đoạn quay lại nói:

— Mà đọc tiểu thuyết trình thám hơi nhiều. Đây không phải là nhà anh tao. Ty thuê cho cơ quan trưởng ở, và vì thuê tận hồi tiếp thu với một giá rẻ mạt, nên chính phủ không chịu trả lại. Mà biết mỗi tháng bao nhiêu không? 1000 đồng bạc. Mà không nghe tiếng chó, vì anh tao hảo thịt cầy, mà ghét tiếng tru đêm. Mà cũng không nghe tiếng dép lê ra mở cửa, vì người ở đã bỏ về quê. Anh tao định xin trưng dụng tù trong lao xá về nhà nấu nướng giặt giũ, nhưng chưa được.

Vừa lúc ấy, có tiếng xích lẳng keng khua động bên trong, và tiếng chìa khóa lách tách. Cửa sắt xích mở, ánh sáng chiếc đèn mờ trên trụ cổng chiếu lên khuôn mặt một cụ già. Vân hơi e ngại, hỏi nhỏ:

— Thưa khuya rồi ba chưa đi ngủ. Thằng Chút đâu không ra mở cổng

cho ba? Cụ già khép lại chiếc áo bành tô, húng hắng ho một chút, khạt đàm nhồ vào góc tối, rồi mới trả lời:

— Đi đâu bây giờ mới về? Thằng Chút xin đi coi hát, tối nay ở luôn đằng nhà thím nó gần sân vận động. Gần tới kỳ thi không lo học hành gì hết, chỉ lo đi chơi...

Chợt nhận ra có người lạ ngồi ngoài xe, ông cụ dừng lại. Vân cảm thấy phải có phận sự giải thích trước khi cha hỏi:

— Anh Quang, bạn con. Tối nay, tụi con họp ban chấp hành, Quang nhà ở xa, nên con rủ về đây ngủ:

Giọng ông cụ trở nên sẵn đón vồn vã hơn:

— Thế à. Lái xe vào đây cháu.

Quang lúng túng không biết phải làm thế nào, vì thực ra, Quang không biết đi xe Lambretta. Từ trên tại gia binh xuống đây học, Quang dùng cái Mobylette cũ của ông anh. Quang lại hay e ngại làm phiền kẻ khác, nên ít khi mượn Vespa hay Lambretta của bạn bè cu ời thử. Vân không hiểu ý nghĩa sự lúng túng của bạn, giục:

— Quang lái vào luôn cho mình đóng cổng. Thưa, ba vào nghỉ trước đi. Đề mặc tụi con lo.

Cụ già quay lưng trở vào, trong khi Vân mở rộng thêm cánh cửa sắt. Lúc đó, cái ghi đông xe ngoèo sang một bên, tay ga bị rút mạnh, khiến xe nồ ầm ỉ. Quang hết hoảng la lớn:

— Tao không quen đi xe loại này.

Lại mau, không ông cụ rầy chết.

Vân vội chạy ra. Cánh cửa sắt xuôi đà đóng ập trở lại. Vân ngồi trên yên trước c, hạ bót ga, sang số, rồi cho xe c chạy đến tông nhẹ vào cửa sắt. Khi xe lách khéo léo nhẹ nhàng vào đến bên trong, cánh cửa tự động khép lại. Vân đưa cho Quang cái chìa khóa:

— Mày lại khóa giùm cửa. Tao đi cắt xe.

Cảnh vật bên trong tiêu điều hơn Quang tưởng. Trừ hàng dương liễu xanh, và khu vườn rợp bóng mát, sân biệt thự không có lối sỏi, vườn hoa, chậu kiềng. Trong ánh sáng lờ mờ, Quang nhận thấy mảnh tường phía dưới cửa sổ phòng trước loang lổ vết lở, và nước mưa hôm trước đọng từng vũng đây đó trên sân gạch lồi lõm. Đèn trên lầu còn sáng, và ngược nhìn lên, Quang thấy một nhánh bông giấy héo khô còn rắng bám vào cái giàn hoa làm bằng xi măng.

Vân trở ra, đập vai bạn.

— Làm gì đứng ở đó? Đi lên lối này.

Quang theo Vân bước lên cầu thang lộ thiên. Vân nhảy nhẹ nhàng thành thạo lên lầu, quay xuống hỏi:

— Thấy đường không? Bậc cấp cao lắm, coi chừng ngã.

Khi đến sân thượng, Vân làm dấu bảo bạn im lặng, rồi bước nhẹ qua một căn phòng đèn sáng. Phòng Vân ở phía sau, nhìn ra khoảng vườn rộng, cửa gương khép kín nhưng gió vẫn lọt vào được vì có vài chỗ

vỡ. Đồ đạc sơ sài và bỏ bừa bãi: một cái giường sắt không có nệm, chất đầy sách vở, chiếc chiếu ni lông trải ngay giữa phòng, hai ba chai đựng nước khô ran, và giấy tờ rác rưởi bừa bãi đầy đó. Vân hỏi:

— Tắm không?

— Không. Suốt ngày nay, tâm thần căng thẳng, tao hơi mệt. Tắm sợ đau. Nhưng cần rửa mặt mày một chút.

Vân chỉ lối ra phòng tắm. Trong khi chờ đợi, Vân đem chiếc chiếu ra sân thượng giũ hết bụi, và vội vã quét hết rác rưởi nhét dưới gầm giường. Tắm drap ngào ngạt mùi mồ hôi được xếp ngay ngắn trở lại, rồi phủ trên hai chồng sách làm gối. Vừa định đem chai xuống bếp lấy nước, thì Quang chạy từ phòng tắm về, quần áo ướt đầm. Vân ngạc nhiên hỏi:

— Sao khi này bảo không tắm? Mà tắm sao không cởi quần áo?

— Bị ướt hết mày còn móc lò.

— Hỏi thật đó. Sao ướt hết vậy?

— Vặn cái rô-bi-nê rửa tay, không ngờ nước trên vòi sen xối xuống.

Vân cười ha hả:

— Mày vặn nhầm rồi. Cái rô-bi-nê phía dưới thấp để xả nước. Cái vừa tắm tay là khóa douche. Quê ơi là quê. Lấy đỡ bộ đồ ngủ tao vắt ở đầu giường mà thay. Đề tao đi lấy nước uống cho loăng bốt cà phê phin, mới hy vọng nhắm mắt được đêm nay.

Lúc Vân xách chai nước sôi đi ngoài lên phòng, Quang đã thay xong

quần áo. Bộ Pyjama nhàu nát quá rộng so với thân thể ốm o của Quang. Vân cười :

— Mày hết tắm, bây giờ lại bơi trong bộ đồ ngủ của tao.

Quang không nói gì, ngồi lật qua lật lại một tờ báo Mỹ xem hình. Phía phòng bên kia, có tiếng gọi lớn :

— Vân ơi.

Vân đặt chai nước cạnh đồng sách vở, lên tiếng dạ, rồi nói với bạn :

— Anh tao gọi. Ông thường thức khuya đọc sách. Qua bên đó chơi không? Ông vui lắm.

Quang lười lỉnh ngả lưng dựa vào

mép giường sắt, tìm cách từ chối :

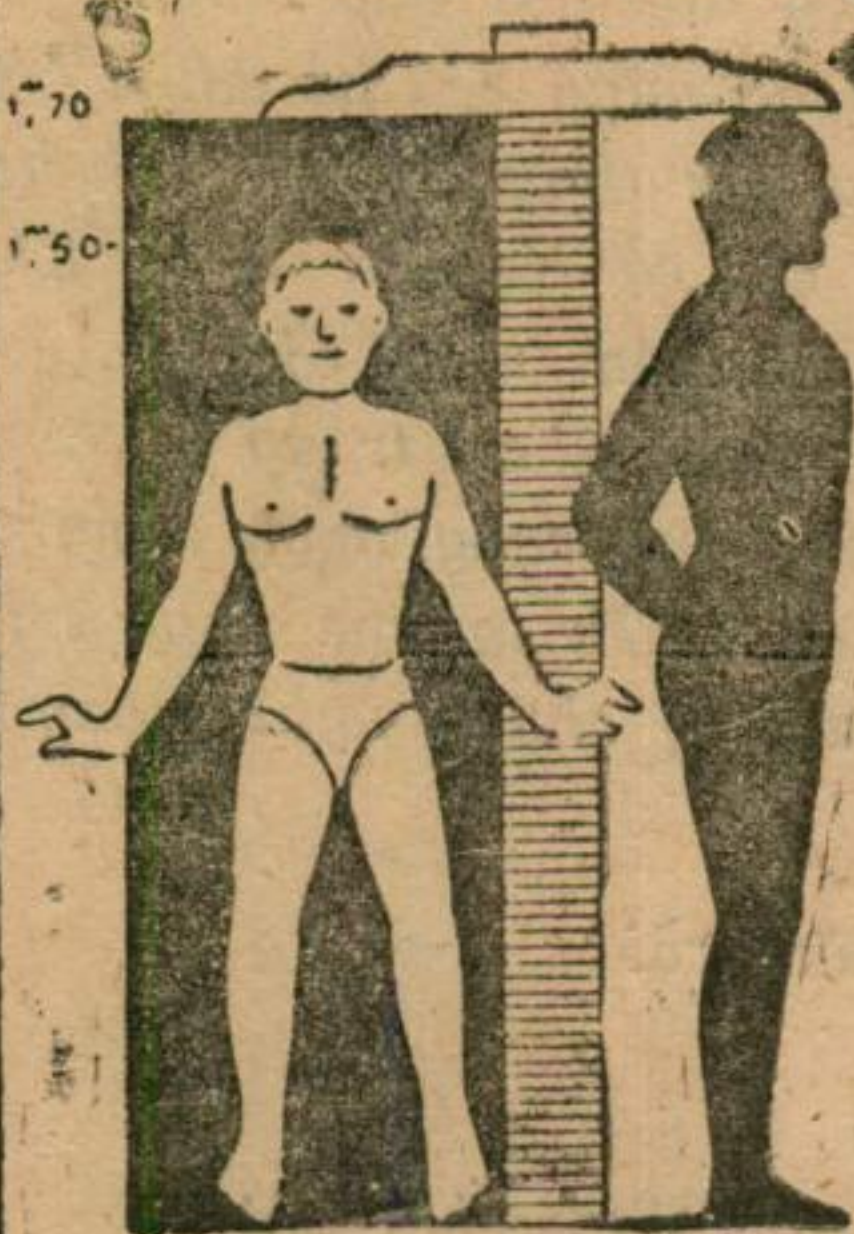
— Khuya quá, đề anh ấy ngủ. Với lại, nói chuyện với người lớn khó nhọc lắm. Phải ngồi ngay ngắn trên ghế. Mười ngón tay xoắn vào nhau vặn qua vặn lại. Sau những câu hỏi, câu trả lời vô bổ, đầu ngô mình sờ về học lực, gia cảnh, không biết nói cái gì thêm cho không khí bớt loãng. Cả khách lẫn chủ đàm ra khó chịu, trơ trẽn, âm ạch trong lòng mà không dám nói ra, lại phải diễn tả nỗi ảm ức bằng những nụ cười ruồi và những lời dạ thưa khuôn phép. Mày có thấy như vậy không ?

(còn tiếp)

NGUYỄN-MỘNG-GIÁC

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG,
MẠNH KHOẺ,
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG,
ÍT ĐAU RĂNG,
YẾU PHÔI,
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

20 Năm thôi học

Thơ TRẦN HUIỀN AN

Gởi các học-sinh của tôi,
Và nhớ Trí, Tín xa...

1952-1972

Thế là đã 20 năm

20 năm ta thôi làm cậu học trò khờ khạo

16 tuổi trên vai trời đông bão

Tóc ngắn chân không ta dẫm bước vào đời...

●

20 năm rồi nhìn lại

Các em ơi !

Ngày đó ta đâu được như các em bây giờ

Không biết chung giày diện áo

Không có phố thị để chiều chung gói dạo

Không có quán cà phê đêm nghe nhạc hẹn hò

Không có nụ cười tình thấp thoáng vu vơ...

Năm học cuối cùng ta vẫn là cậu học trò thơ dại

Tuy đến lớp cùng bạn bè hăng hái

Văn nghệ văn gừng — Bích báo bích bung

Đêm liên hoan say ánh lửa bập bùng

Cũng lớn tiếng ngân vang câu hò khúc hát

Chiều cuối tháng giờ thuyết trình sinh hoạt

Đọc truyện Kiều chê cả Nguyễn Bách Khoa

Nhưng tan học xong ôm vở về nhà

Vui chỉ biết với sông dài cát trắng

Với cỏ đồng xanh rung rung ngọn nắng

Với tiếng kêu trâu chiều lạc mẹ « ngo ngo... »

Chưa thoáng qua lòng chút ý nghĩ mộng mơ...

●

Vậy mà đã 20 năm rồi

Mau thật !

Ta biết hôm nay

Có những em vì gia đình chật vật

Lấy buổi nghỉ hè làm buổi cuối chia tay

Từ trường sau không gặp bạn gặp thầy

Mà chỉ gặp toàn chuyện đời trắc trở

Rồi thỉnh thoảng nhớ lại thời bên sách vở

Thấy mù tằm như kể chuyện đời xưa
Lời chào nhau cũng khó nói cho vừa
Cân nhắc mãi vì riêng xa dòng cách cảm
Và sau nữa... khi hai bàn tay đến sạm
Giữa ruộng đồng bùn dẻo máu xương
Hay bên vòng máy quay khói bụi ngạt phố phường
Nếu có em nào chợt nhớ một lời ta đã nói
... Chắc hẳn không phải là lời trích từ sách bài
căn cỏi

Mà là một lời khi câu chuyện băng qua
Một lời khi rảnh chút thì giờ
Ta nói để các em cười thoải mái...
Ta sẽ sung sướng vô cùng
Ta sẽ thấy mình trẻ lại
Bằng các em mà thông cảm cùng nhau
Chứ giờ đây ta có gì đâu
Các em hỏi một vài lời khuyên bảo
Ta vốn sợ những lời khuyên khách sáo
Những lời khuyên thước ngọc khuôn vàng
Những lời khuyên in thẳng tắp thành hàng
Để lấp kín trang báo thừa giấy trắng
... Bạn bè ta giờ lạc loài xa vắng
Kẻ Bắc người Nam — Lốp mất lốp còn
Những thằng khi ra đi với cả tấm lòng son
Ta không rõ có được mừng như nguyên
Đám ở lại có đứa tiền rừng bạc biển
Có đứa quyền cao chức trọng vợ đẹp con xinh
Nhiều đứa còn trôi nổi linh đình
Cơm vất vả lo ngày hai bữa
Duy một mình ta dẫu không chọn lựa
Đã sa chân vào nghiệp viết lách — không ngờ
Lời trăm mối xin chịu tiếng khù khờ
Bởi không được cảnh nhà cao cửa rộng...

●

5, 10 năm sau

Hay 20 năm sau nếu ta còn sống

Nếu gặp lại một em nào cùng nợ bút duyên văn

Ôi lòng ta vui biết mấy cho bằng

Chúng ta sẽ nắm tay nhau chào lời tri kỉ...

Đời khinh bạc những kẻ làm thi sĩ

Nhưng ngàn năm hồn thơ vẫn không già

Nhưng ngàn năm tình thơ vẫn bao la

Đề nói cho đời những lời chân thật

Những lời vì danh lợi sân si đời đã quên mất...

T. H. ÂN

Hè 1972

Quà thơ

Thơ HẰNG VŨ

Anh ở quân trường, em ở quê

Tháng năm đừng để nhạt câu thơ

Nhìn sao bắc đầu trên đầu súng

Thăm gọi tên em định hướng về

Ngày đợi tương phùng hân chạm lâu

Cuộc đời lính tráng khổ đường bao

Đêm nay ứng chiến, đêm mai gác

Còn có đêm nào để nhớ nhau !

Vọng tưởng về em muốn gửi quà

Chút tình của một cánh chim xa

Thao trường kỷ vật nào tươi mát

Súng đạn, mồ hôi, nắng cháy da.. ?

Tựa vách chòi cao chép mấy vần

Trăng tàn trên nét chữ băng khuôn

Quà thơ một mảnh đơn sơ quá

Nhưng lửa tình cao biết mấy tầng !

(kbc 4100)

Cái chết của Kawabata

Lúc 10 giờ đêm Chúa nhật 16-4 cảnh sát đã tìm thấy xác của Yasunari Kawabata trong phòng làm việc của ông tại một khách sạn ở Zushi. Cái chết của văn-hào số một ở Nhật, cũng là nhà văn Nhật-bản đầu tiên lãnh giải Nobel đã làm giới cầm bút ở xứ này bị giao động mạnh mẽ.

Ngày Chúa nhật, như thường lệ, Kawabata thường rời ngôi nhà riêng của ông cũng ở trong cùng một thành phố để đến phòng làm việc của ông tại khách sạn. Nhưng mãi tới chiều ông vẫn chưa về nhà. Người hầu gái của ông đã phải tới tìm ông tại khách sạn vì sợ ông đã gặp phải tai nạn gì. Tại đây, cô cùng với quản đốc khách sạn đã tìm tới phòng ông làm việc nhưng cửa phòng bị đóng kín và đồng thời mùi «ga» từ trong phòng bay ra nồng nặc. Cả hai vội vã báo tin cho cảnh sát và tới 10 giờ đêm họ bước được vào trong phòng. Xác của Kawabata nằm sát cửa phòng tắm với một ống «ga» còn gắn trên miệng. Ông bận một chiếc áo thun, có choàng áo khoác ngoài và một quần dài đậm màu. Người ta thấy ngay một chai Whisky trống nằm bên cạnh thi hài ông.

Kawabata năm nay 72 tuổi. Cái chết của ông để lại một bản khoản lớn lao cho giới trí thức nước ông cũng như nhiều nơi khác trên thế giới, nhất là cách đây chưa đầy hai năm, một nhà văn khác, Yukio Mishima đã chết một cách bi-thương với tập tục mổ bụng cổ truyền của dân tộc Nhật. Mishima còn rất trẻ, mới 45 tuổi, một nhà văn lớn,



danh tiếng lẫy lừng trong văn giới Nhật và cũng là đồ đệ của Kawabata. Nhưng người bạn thân nhất của Kawabata cho rằng cái chết của Mishima đã ảnh hưởng rất nhiều tới tâm hồn ông. Có lẽ cái chết đã đeo đuổi ám ảnh ông từ lúc đó.

Cuộc đời của Kawabata đã gặp rất nhiều thảm cảnh. Ông sinh ngày 14 tháng 6 năm 1899 tại Osaka. Thân phụ ông, một y sĩ, đã chết vì bệnh lao lúc ông mới 2 tuổi và mẹ ông cũng chết vì cùng một căn bệnh một năm sau đó. Kawabata chỉ có một người chị, nhưng người chị này cũng không ở lâu với ông; bà đã chết vài năm sau cái tang của hai đứa sinh thành. Kawabata lúc đó chưa được 6-7 tuổi đầu, phải về sống với ông nội. 10 năm sau ông nội ông mất!

Lúc còn đi học, Kawabata là một cậu học trò rất xuất sắc, ông đã có khiếu văn chương ngay từ nhỏ và lúc nào cũng nuôi mộng sẽ trở thành một tiểu thuyết gia. Sau khi tốt nghiệp về ngành văn

chương ở Viện Đại học Hoàng gia Nhật-bản ông cùng với Yokomitsu hợp tác cho ra tờ «Thời đại văn chương» (Bungei Jidai) trong đó ông cổ võ phong trào Tân-nhục-cảm (New Sensualism) để chống lại phong trào hiện thực (Realism). Những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông đều ra đời sau đệ nhị thế chiến: «Xứ tuyết» năm 1947, «Âm thanh của Núi» năm 1954 và «Ngàn cánh hạc» năm 1959. Những tác phẩm này đã được giải thưởng Hàn lâm viện Nghệ thuật Nhật bản năm 1952. Từ năm 1948-1965 ông được bầu làm Chủ tịch hội Văn bút Nhật bản và năm 1968 đã h vọng tốt đỉnh đã đến với Kawabata khi ông được Hàn lâm viện Thụy-điển trao tặng giải Nobel về Văn chương.

Theo những người bạn thân của Kawabata thì ông đã tỏ ra bận rộn quá mức từ khi được nhận lãnh giải Nobel. Ông là văn sĩ Nhật đầu tiên được cai vinh dự này và vì thế ông tượng trưng cho văn giới Nhật trước con mắt của thế giới. Ông đóng vai trò một người Nhật kiểu mẫu để đại diện cho văn giới của nước mình một cách không lấy gì làm mấy hứng thú. Khách khứa, ký giả, nghiệp đoàn này, đại học nọ phỏng vấn và mời mọc ông không ngớt, đến nỗi trước cửa văn phòng, ông phải cho vẽ một tấm bảng cho biết chỉ tiếp khách, vào ngày thứ ba trong tuần. Việc viết lách của ông đã bị giảm sút từ ngày lãnh giải và ông rất lấy làm phiền về việc này. Yasushi Inoue, một bạn thân của ông trong giới văn chương đã cho biết Kawabata coi đó là một gánh nặng. Inoue chắc hẳn không muốn nói đó là lý do đã làm cho Kawabata phải chán

đời. Một nhà văn khác, Fumio Niwa, Chủ tịch Hội Nhà văn Nhật-bản cho rằng «lý do để Kawabata đi tìm cái chết là sự mệt mỏi về phương diện thể xác và tinh thần mà ông phải chịu đựng khi làm việc quá mức. Hơn nữa tâm hồn ông đã bị giao động mạnh vì cái chết bi thương của người học trò thân yêu Yukio Mishima».

Người ta thấy có nhiều gần gũi giữa cái chết của Kawabata và cái chết của Mishima, hai cái chết có vẻ như nhuộm màu sắc chính trị. Mishima chết vì muốn đánh thức ý thức tái vũ trang cho nước Nhật, ông đã chết trong bộ áo quân nhân và trong nghi thức của một võ sĩ đạo. Mishima đã được Kawabata ủng hộ trong việc làm này. Một sự kiện khác chứng tỏ có những lo nghĩ và bất mãn của Kawabata trước ý kiến của những đồng bào ông: ông đã nhiệt thành vận động cho ứng cử viên Đô trưởng thành phố Đông Kinh là Akira Hatano trước sự ngạc nhiên của mọi người. Hatano đã bị địch thủ của ông ta đánh bại với một tỉ số phiếu lớn lao.

Kawabata đã ra đi không để lại một lời trời trăn. Còn lâu người ta mới biết được lý do của một cái chết như thế. Điều đáng sợ là cái chết đó là một cái chết có suy nghĩ, một cái chết được cân nhắc kỹ càng. Nhưng dù ở cái tuổi 45 hay 72, mọi cái chết do tự tử đều là những cái chết quá sớm. Nước Nhật quả đã bị một thiệt thòi thực lớn lao.

THẾ NHÂN

Vĩnh biệt Doãn Dân



Nhà văn Doãn Dân tác giả truyện «*Một sáng ngậm ngùi*» trên Bách-khoa số 367 (15-4) vừa qua đã từ trần ngày 29-4-1972. Anh tên thực là Trần Doãn Dân, sinh năm 1938 tại Nam Định. Đại úy trong quân đội Công-hòa Việt-nam và trên đường công tác từ Quảng Trị về Huế vào ngay trên đây anh đã bị tử thương vì đạn pháo kích của địch.

Lá thư cuối cùng Doãn Dân gửi về Tòa soạn Bách Khoa đề ngày 22-4 tại Quảng Trị. Anh đã viết như sau :

«Bây giờ là đúng 9 giờ 08 phút sáng 22-04 tại thành phố địa đầu của vùng hỏa tuyến : Quảng Trị. Tôi vừa lên tới đây buổi chiều hôm qua, bằng một chiếc xe jeep với độc nhất một người tài xế. Hai chúng tôi đi từ Đà Nẵng lúc 8g30 sáng, dừng lại ở Huế ăn cơm, nghỉ ngơi một chút lại đi.

«Quảng Trị hiện giờ dân chúng đã trở về, tôi vừa dạo chơi một vòng (bằng chân) từ 7 giờ, trở về viết thư này cho anh. Ở Saigon, nghe nói đến Quảng Trị, chắc anh mừng tượng một nơi chốn chứa đựng nhiều điều «ghê gớm» lắm? Tôi sẽ viết một bài ký sự sau đây đề anh coi. Dĩ nhiên chỉ riêng trên đường từ Đà Nẵng ra đây và dĩ nhiên tôi sẽ ghi lại tất cả những gì được trông và nghe tận tai tận mắt...

«Tuy nhiên, cần dặn anh một chỉ

tiết nhỏ : đề cho có vẻ «không thực», anh cứ đề ở đầu bài là «TRUYỆN NGẮN»....

Trước ngày bị tử thương, anh có gặp Trung tá Lê-Huy Linh-Vũ ở Quảng Trị và viết vào mấy trang sổ tay, lá thư ngẩn cho nhà văn Đặng Trần Huân, Chủ-biên tuần-san Chiến sĩ Cộng-hòa: «Vừa gặp anh Lê-Huy Linh-Vũ trong trường hợp rất hi-hữu : cùng nhảy xuống một cái hố cá nhân để tránh pháo-kích... Viết cho anh thì viết nhưng không dám chắc được đọc thư trả lời... Đêm nay chắc được ăn pháo-kích suốt đêm (hồi chiều nó điều chỉnh rồi) không biết qua khỏi cơn trắng này không... Khi nhận được tin anh (nếu còn sống) sẽ viết nhiều». Đó có lẽ là những hàng chữ sau cùng Doãn Dân viết cho bạn.

Doãn Dân là một người rất đam mê và đời anh cũng rất lận đận. Ở trường sĩ quan Thủ Đức khóa 15 ra, phần nhiều anh chỉ phục vụ ở các đơn vị tác chiến và hầu như bao giờ cũng lên cấp sau các anh em đồng khóa. Anh đã viết cho Văn hóa Ngày nay, Tân Phong và truyện đầu của anh ra mắt bạn Bách - Khoa vào năm 1960 mà mãi tới năm 1969 anh mới có một tác phẩm được xuất bản : *Chỗ của Huệ* (truyện dài). Đến nay anh lìa đời lại không kịp thấy ra đời. tập truyện thứ nhì «*Tiếng gọi thầm*» do Tân-Văn phát hành vào ngày 15-5 tới nay.

Doãn Dân có hai anh em trai thì chiến tranh, cách đây mấy năm, đã cướp mất của anh người em và nay lại đến lượt anh. Từ nay buông xuôi mọi dẫn vật, ưu tư, anh đi vào nơi an nghỉ ngàn đời. Vĩnh biệt anh, Doãn Dân.

THU THỦY

כפל

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

Apollo 16 trên đường về.

Phi thuyền Apollo 16 đã trở về bình an với rất nhiều tặng vật mà người ta đã trông chờ ở nó. Hơn 100 kí-lô đất đá, hàng chục cuộn phim, hàng ngàn tài liệu đủ làm hài lòng các nhà bác học tò mò. Nói theo kiểu Mỹ thì Apollo 16 là một chuyến bay rất đáng giá 375 triệu đô la !

Điều mà các nhà thiên văn địa-chất-học mong muốn là chứng minh được sự có mặt của các núi lửa ở vùng núi Descartes xưa kia. Cuộc đào xới và nhận xét sơ khởi trực tiếp của hai phi hành gia Young và Duke đã không tìm thấy dấu vết của nham thạch. Họ đã không dấu nổi sự thất vọng ngay khi đó (Các phi hành gia đều là những nhà địa-chất-học rất có khả năng). Những phân tích tinh vi ở phòng thí nghiệm chắc chắn sẽ cho nhiều câu trả lời hơn là nhận xét của Young và Duke.

Sự ngạc nhiên lớn lao nhất của Apollo 16 là sự kiện hai phi hành gia đã khám phá ra một từ-lực trên vòng đất họ đổ bộ. Từ lực này tuy yếu nhưng không thể nhầm lẫn. Và điều này đi ngược lại điều tin tưởng của đa số giới khoa học cho rằng mặt trăng được cấu tạo từ một khối nóng chảy quay xung quanh trục của nó với một vận tốc giảm dần. Giả thuyết về sự cấu tạo mặt trăng vốn chưa được minh chứng, nay lại càng trở nên mơ hồ hơn bao giờ hết. Người ta có thể nghĩ rằng khi tổng hợp được hết các yếu tố sau 5 chuyến

đổ bộ lên tận nơi, một giả thuyết táo bạo nhất sẽ được đưa ra về nguồn gốc cấu tạo của Nguyệt cầu.

Trái với chuyến đi đầy bất trắc, nhiều khi tưởng đã phải hủy bỏ, cuộc hành trình trở về của Apollo 16 là một chuyến bay đầy êm ả. Chỉ có một thất bại lúc đầu : tầng bỏ của phi thuyền mẹ đã không phóng xuống được mặt nguyệt cầu, làm hỏng một số các thí nghiệm nhằm phân tích làn sóng chấn động khi truyền qua mặt đất để hiểu được cách cấu tạo địa chất của vùng núi Descartes.

Khi còn cách trái đất chừng 200.000 dặm, Mattingly đã đi ra ngoài phi thuyền để thực hiện những thí nghiệm đặc biệt của ông. Dưới những tia sáng của mặt trời, những tia sáng nguyên vẹn chưa bị lọc bởi lớp khí quyển như ánh sáng ở nơi chúng ta sống, Mattingly đã đề ra đây một chiếc lọ con chứa đựng 60 triệu con vi trùng và một số phim ảnh mà ông đã chụp được khi bay một mình trên quỹ đạo nguyệt cầu. Cuộc thí nghiệm có mục đích xác định ảnh hưởng của phóng xạ mặt trời trên sự phát triển đời sống sinh vật và trên một số phản ứng hóa học. Mattingly đã ở bên ngoài phi thuyền hơn một tiếng đồng hồ.

Phần còn lại của cuộc hành trình thật tốt đẹp. Mọi việc xảy ra như ý muốn và Apollo 16 chỉ trễ có 1 phút trong chuyến bay dài 11 ngày. Chuyến bay chót của chương trình Apollo là Apollo 17 sẽ khởi hành vào khoảng tháng 12 năm nay.

Phi hành đoàn sẽ gồm có một nhà địa-chất-học, ông Harrison H. Schmitt là phi hành gia dân sự đầu tiên sẽ đặt chân lên mặt trăng. Apollo 17 sẽ là chuyến bay vĩ đại nhất, hy vọng thỏa mãn mọi thiếu sót còn lại của các chuyến bay trước nó.

Hội Terre des hommes và Việt nam.

Được thành lập ở Việt-nam cách đây khá lâu, hội Terre des hommes, một tổ chức y tế của Thụy sĩ đã giúp ích rất nhiều cho trẻ em bệnh tật của chúng ta. Các tổ chức y-tế này chuyên môn về bệnh tim và sau này còn nhận chữa trị thêm về các bệnh tê liệt và các tai nạn gây ra do chiến tranh. Các em bé bị bệnh tim, phần lớn là các bệnh tim bẩm sinh được sự giới thiệu của các bác sĩ với hội đồng giám định tại bệnh viện Nhi đồng và hội đồng này sẽ quyết định việc gởi em đi ra nước ngoài. Chủ tịch hội Terre des hommes ở Việt-nam là bác sĩ Trịnh thị Minh Hà, một bác sĩ chuyên môn về Nhi khoa và đặc biệt là chuyên môn về bệnh tim trẻ em.

Bà và các bác sĩ trong hội đồng sẽ chẩn bệnh, thiết lập hồ sơ trước khi gởi bệnh nhân qua Thụy-sĩ hoặc một nước nào khác có chân trong tổ chức «Terre des hommes» để giải phẫu.

Em bé sẽ được giới thiệu với gia đình cha mẹ nuôi ở nước em tá túc và gia đình này sẽ chăm sóc, an ủi em khi em mồ xong và rời nhà thương. Thời gian ở lại nước ngoài có thể thay đổi, từ 6 tháng đến 2-3 năm,

cho đến khi em lành hẳn bệnh để trở về với cha mẹ.

Sau gần 5 năm hoạt động, tổ chức Terre des hommes đang dự tính thành-lập một trung tâm giải phẫu tim ngay tại Việt nam. Các bác sĩ trong tổ chức này sẽ qua làm việc tại đây trong 15 ngày cùng với các bác sĩ Việt nam và sau đó sẽ nhường lại trung tâm này cho các bác sĩ nơi đây đảm trách. Một nhóm bác sĩ Việt-nam đã được thành lập gồm các bác sĩ giải phẫu, các bác sĩ nội khoa, chuyên môn về tim đã được thành lập để đón nhận nhiệm vụ này. Đứng đầu các bác sĩ giải phẫu là Giáo sư Trần-Ngọc-Ninh tác giả nhiều bài đăng trên Bách-Khoa, một bậc thầy về khoa giải phẫu chỉnh trục và giải phẫu tiểu nhi. Ông đã nổi tiếng trên thế giới về hai ngành này và trong một công trình khảo cứu của ông về ống dẫn mật ở trẻ em, đã làm giới chuyên môn trên thế giới biết tiếng khu giải-phẫu tiểu-nhi nhỏ bé của ông ở lầu IB Bệnh viện nhi đồng. Bên phía các bác sĩ Nội khoa, đứng đầu là Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy và Giáo sư Trịnh thị Minh Hà, các chuyên viên về tim có bằng cấp nhất ở Việt nam. Ngoài các giáo sư bác sĩ trên đây, nhóm này còn gồm nhiều bác sĩ khác, cả bên giải phẫu lẫn bên nội khoa.

Việc thành hình nhóm này là một luồng gió mới đầy khích lệ vào y-giới Việt-nam.

TỬ-DIỆP

Sau khi phe Cộng-sản quyết định tấn công Nam Việt-nam, sự sống chung hòa bình tại Á-châu đột nhiên trở thành khó khăn. Người ta có cảm tưởng rằng tình trạng hòa dịu quốc tế đang dần dần bị thay thế bằng một tình trạng căng thẳng trở lại. Với những hành động mới của phe Cộng-sản tại Á-châu các quốc gia Âu-châu đã tỏ vẻ ngại ngùng trước thiện chí hòa bình của phe Cộng sản. Sự hoài nghi này được cụ thể hóa bằng những khó khăn hiện tại của Thủ-tướng Tây-Đức Willy Brandt. Trong những tuần vừa qua ông Brandt đã suýt nữa bị Quốc hội Đức lật đổ, và chỉ ngồi lại được chức Thủ-tướng nhờ có 3 phiếu đa số.

Tại Pháp, Tổng-thống Georges Pompidou đã không mấy hài lòng về kết quả cuộc trưng cầu dân ý tổ chức ngày 4-1972 vừa qua.

Tại Hoa-kỳ trong khi Tổng-thống Nixon lúng túng trước viễn tượng bầu cử vào mùa thu tới thì 2 ông Mc. Govern và Humphrey đã dần dần xuất hiện như hai chuẩn ứng-cử-viên quan trọng nhất của đảng Dân-chủ để đương đầu lại với ông Nixon.

Những khó khăn của Thủ-tướng Tây-Đức W. Brandt

Sau hai năm rưỡi trời cầm quyền, chiếc ghế Thủ-tướng của ông Willy Brandt đang bị lung lay trước các cuộc tấn công liên tiếp của đảng đối lập Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo. Thật ra thì chính-phủ của ông Willy Brandt, từ mùa thu 1969

tới nay luôn luôn dựa trên một thế quân bình bấp bênh. Đảng Xã hội mà ông làm lãnh tụ không những không chiếm được đa số ở Quốc-hội mà chỉ chiếm được địa vị số hai tại cơ quan này.

Thật vậy, trong cuộc bầu-cử Quốc-hội Tây-Đức vào cuối năm 1969, đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo đã về đầu với nhiều ghế nhất tại Quốc-hội. Đảng Xã-hội về thứ hai và Đảng Dân-chủ Tự-do về thứ 3. Nếu lúc đó ông Willy Brandt chịu thỏa hiệp với đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo để tiếp tục một Chính-phủ liên-hiệp Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo — Xã-hội thì Tây-Đức đã có một chính phủ vững chắc. Nhưng ông Brandt không chịu nhận chức vụ Phó Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng Ngoại-giao trong Chính-phủ liên-hiệp này. Để nắm chức vụ Thủ-tướng ông Willy Brandt đã cộng tác với đảng Dân chủ Tự-do. Một chính phủ liên hiệp Xã-hội. Dân-chủ Tự-do với Willy Brandt làm Thủ-tướng đã ra đời. Nhưng chính phủ Willy Brandt là một chính-phủ yếu vì chính phủ này chỉ có một đa số gồm có vài ba phiếu tại Quốc-hội. Vì vậy mà Đảng Dân-chủ Tự-do đã đóng vai trò trọng tài trong đời sống chính trị Tây-Đức.

Trong hai năm rưỡi vừa qua ông Willy Brandt đã lượm được những thành quả vượt bậc trong ngành ngoại giao. Chưa đầy một năm trong chức vụ Thủ-tướng ông Willy Brandt đã ký một lúc hai hiệp-ước bất-tương-xâm với Nga và

với Balan. Và năm 1971 ông Brandt đã đoạt giải Nobel về Hòa bình.

Nhưng đến năm nay trong khi ông Willy Brandt sửa soạn đưa hai bản hiệp-ước đã ký với Nga và Balan ra trước Quốc-hội để xin duyệt y thì đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo đã đặt vấn đề tín nhiệm hầu lật đổ ông và cử ông Rainer Barzel, lãnh tụ đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo, làm Thủ-tướng.

Lần này đảng Dân chủ Thiên-Chúa-giáo đã tấn công mạnh mẽ hơn vì một số dân biểu thuộc đảng Dân-chủ Tự-do như ông Helms đã hứa sẽ rời bỏ ông Willy Brandt. Chính ông Brandt cũng đã tưởng mình bị lật đổ nên các Tổng-trưởng của ông, thuộc đảng Xã-hội đã nhận được chỉ thị chuyển các tài liệu mật về trụ sở của đảng. Trong khi đó ông Barzel đã chuẩn bị diễn-văn tấn phong và ông Karl-Heinz Narjes, người được ông Barzel cử làm Tổng trưởng Kinh tế, cũng sửa soạn lễ bàn giao.

Nhưng rút cục với 3 phiếu đa số ông Brandt đã thắng. Các dân biểu Xã-hội và các dân biểu Dân chủ Tự do đã hò reo khiêng ông Brandt lên vai để bìn tỏ nỗi vui mừng. Tuy ông Brandt đã thắng nhưng những biến chuyển vừa qua tại Quốc-hội vẫn còn có những hậu quả tai hại cho nội-các của ông. Thật vậy đây là lần đầu tiên từ 23 năm qua mà Quốc-hội tìm cách bỏ phiếu bất tín nhiệm Thủ-tướng. Và đây là một tiền-lệ nguy hiểm mở màn cho một giai đoạn bất ổn chính trị ở Tây Đức trong dài hạn và đe dọa chính sách Đông phương của ông Brandt trong ngắn hạn.

Nếu ông Brandt bị lật đổ, liệu có thể

xảy ra trong những tháng tới, thì tình trạng hòa dịu ở Trung và Đông-Âu sẽ chấm dứt. Vì hai hiệp-ước bất-tương-xâm mà ông Brandt đã ký với Nga và Balan sẽ không được Quốc-hội duyệt y. Nếu hai hiệp-ước này bị Quốc-hội bác bỏ thì Nga sẽ phản ứng lại bằng cách ngăn cản không cho dân Tây-Đức đi tới Bá-linh và sẽ không cho phép dân chúng Tây-Đức được sang thăm bà con tại Đông-Đức.

Không những vậy các nỗ lực hòa giải Đông-Tây như giảm quân của hai Minh-ước Bắc Đại-tây-dương và Varsovie, như hợp tác kinh tế giữa các quốc gia Tây-Âu và Đông-Âu, sẽ thất bại.

Như vậy tình hình chính trị Âu châu đang tùy thuộc rất nhiều vào tình hình chính trị nội bộ của Tây-Đức nhưng ngược lại tình hình chính trị quốc tế cũng có những ảnh hưởng không nhỏ đối với đời sống chính trị Tây-Đức. Thật vậy, người ta cho rằng dù đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo đã có tinh thần chống Cộng cực đoan tới đâu đi nữa thì cũng phải chấp nhận hai hiệp-ước mà ông Brandt đã ký với Nga và Ba-lan vì hai hiệp-ước này không những được dân chúng Đức ủng hộ mà còn được các cường quốc Tây-phương tán thưởng. Nếu chưa lật đổ được ông Brandt ông Barzel cũng sẽ bằng lòng để cho các dân biểu thuộc đảng Dân-chủ Tự-do đi theo ông biểu quyết chuẩn y hai hiệp-ước. Nhưng trước khi làm như vậy ông Barzel sẽ cố gắng trả giá với ông Brandt. Ông Barzel có thể sẽ để cho Quốc-hội duyệt y hai hiệp-ước với điều kiện là ông Brandt phải đòi

Nga ký một phụ-khoản để bảo đảm rằng các hiệp-ước này sẽ không ngăn trở việc thống nhất nước Đức.

Dù ông Brandt có bị ông Barzel thay thế chăng nữa thì có lẽ dưới áp lực của Anh, Mỹ, và Pháp, tân chính-phủ Tây-Đức cũng bất huộc phải tiếp tục chính sách xích lại phe Cộng-sản Đông-Au. Nhưng các biến cố hiện thời tại Á-châu khiến cho ông Barzel sẽ tỏ ra hết sức cứng rắn đối với phe Cộng sản. Một chính phủ do đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo lãnh đạo sẽ là một giai đoạn mới của bang giao Đông-Tây, căng thẳng hơn và bớt thân hữu hơn.

Trung-cầu dân-ý tại Pháp.

Ngày 23 tháng 4 vừa qua cử tri Pháp đã trả lời câu hỏi của Tổng-thống Georges Pompidou về vấn đề có nên cho Anh-quốc gia nhập khối Thị-trường chung Âu-châu hay không? Thật ra thì hiệp-ước mà Pháp ký với Anh, Đan - Mạch, Ái - nhĩ - Lan và Na-uy chỉ cần đưa qua Quốc-hội duyệt y là đủ. Nhưng Tổng thống Pháp cho rằng nếu nhân dịp này ông hỏi ý kiến quốc dân luôn mà quốc dân lại trả lời thuận thì địa vị của ông được củng cố hơn trước. Làm như vậy là ông đã theo đúng quan niệm của Tướng De Gaulle. Thỉnh thoảng lại hỏi ý kiến dân chúng để cho dân chúng được dịp phát biểu ý kiến. Nhưng ông Pompidou dùng phương pháp của De Gaulle để phát huy một chính sách mà lúc sinh thời De Gaulle đã hết sức chống đối. Đó là vấn đề cho Anh gia nhập Thị trường chung. Trong khi De Gaulle cho rằng Anh quốc không thuộc về Âu châu mà chỉ là một hải đảo

ở gần Âu châu, có một chính sách quá thân với Mỹ nên không thể chấp nhận được trong cộng đồng Âu châu, thì Pompidou lại muốn cho Anh gia nhập để tăng cường cộng đồng Âu châu. Trong cộng đồng Âu châu tăng cường này, Pháp sẽ đóng vai trò lãnh tụ.

Như vậy khi tổ chức trưng cầu dân ý ông Pompidou đã muốn tỏ rằng sở dĩ ông đi ngược lại tư tưởng của ông thầy cũ De Gaulle cũng chỉ vì quốc dân muốn như vậy. Ngoài ra nếu ông đưa nước Pháp đến địa vị lãnh tụ Âu châu thì ông sẽ không làm gì khác hơn là tỏ ra trung thành với tư tưởng của De Gaulle, tức là trao cho Pháp một sứ mạng cao cả, một địa vị đầy uy tín trên trường quốc tế.

Vì vậy mà ông Pompidou đã kêu gọi dân Pháp «lớn tiếng và thẳng thắn nói lên sự chấp thuận của họ». Biết rõ ý định của ông Pompidou, đảng Cộng sản Pháp kêu gọi dân chúng bỏ phiếu không thuận để bác bỏ quyền hành của giới tư bản Âu châu. Đảng Xã hội, từ trước tới nay luôn luôn đòi cho Anh gia nhập Thị trường chung, và tổ chức này lại cũng là công trình của ông Guy Mollet, lãnh tụ đảng Xã hội, khi ông cầm quyền vào các năm 1956, 1957, thì lại tỏ ra hết sức bối rối. Nếu bỏ phiếu thuận thì hóa ra ủng hộ Pompidou. Nếu bỏ phiếu chống thì lại đi ngược đường lối của chính mình. Đảng Xã hội do đó kêu gọi cử tri không đi bầu.

Kết quả cuộc trưng cầu dân ý là 30% cử tri đã không đi bầu. Và trong số những người đi bầu thì 68% bỏ phiếu thuận và 32% chống. Như vậy, tuy rằng đa số cử tri đi bỏ phiếu ủng hộ ông Pompidou, nhưng thật ra cái cơ

47.6% cử tri đoàn toàn quốc ủng hộ ông mà thôi. Thay vì lớn tiếng "trả lời", dân Pháp chỉ thăm trả lời ông là họ chấp nhận mà thôi. Thất vọng, Jang Pompidou đã nói rằng: "Người dân Pháp không còn muốn có sự mạng cao cả nữa".

Các cuộc bầu cử sơ khởi tại Hoa-kỳ

Các cuộc bầu cử sơ khởi mới nhất tại Hoa-kỳ đã loại dần dần các ứng cử viên kém khả năng. Tại hai cuộc bầu cử ở các tiểu bang Pennsylvania và Massachusetts người ta thấy hai ông G. McGovern và Hubert Humphrey đã xuất hiện như hai chuẩn ứng cử viên có nhiều uy tín nhất. Ông Muskie, mà từ trước người ta coi là có nhiều hy vọng, đã bị lu mờ và phải tự ý rút lui khỏi vòng chiến.

Như vậy người ta nhận thấy rằng đến tháng 8 tới khi đại hội đảng Dân-chủ nhóm họp để bầu ứng cử viên chính

thì một trong hai ông sẽ đắc cử, trừ trường hợp người ta có thể đưa ông Edward Kennedy nhảy vào vòng chiến vào phút chót.

Cả 3 ứng cử viên này đều khó có thể cạnh tranh được với ông Nixon trừ khi tình hình chiến sự ở Việt-nam biến chuyển một cách bất lợi cho ông. Để ngăn chặn sự bất lợi này, Tổng-thống Nixon, ngày 9-5 vừa qua đã quyết định phong tỏa Bắc-Việt bằng cách thả thủy lôi trên các bờ biển Bắc-Việt. Theo ông Nixon, biện pháp này sẽ chặn con đường tiếp tế vũ khí của Nga-sô vào Bắc-Việt.

Nếu từ nay đến cuối năm ông Nixon lấy lại được phần chủ động trên chiến trường mà không phải gửi quân trở lại Việt-nam, thì cả 3 ông Humphrey, McGovern và Kennedy đều không thể tính chuyện thắng cử vị đương kim Tổng-thống được.

TỪ MINH

Thương tiếc

Nhà văn **DOÃN DÂN**, tức Đại úy **TRẦN DOÃN DÂN**, đã
đền nợ nước ngày 29-4-1972.

Xin chân thành chia buồn cùng chị Doãn-Dân và tang quyến.

Minh Quân, Nhật Tiến, Phương Khanh, Lê Tất Điều, Đặng Trần Huân, Doãn Quốc Sỹ, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Anh Tuấn, Xuân Hiến, Lê Ngộ Châu.

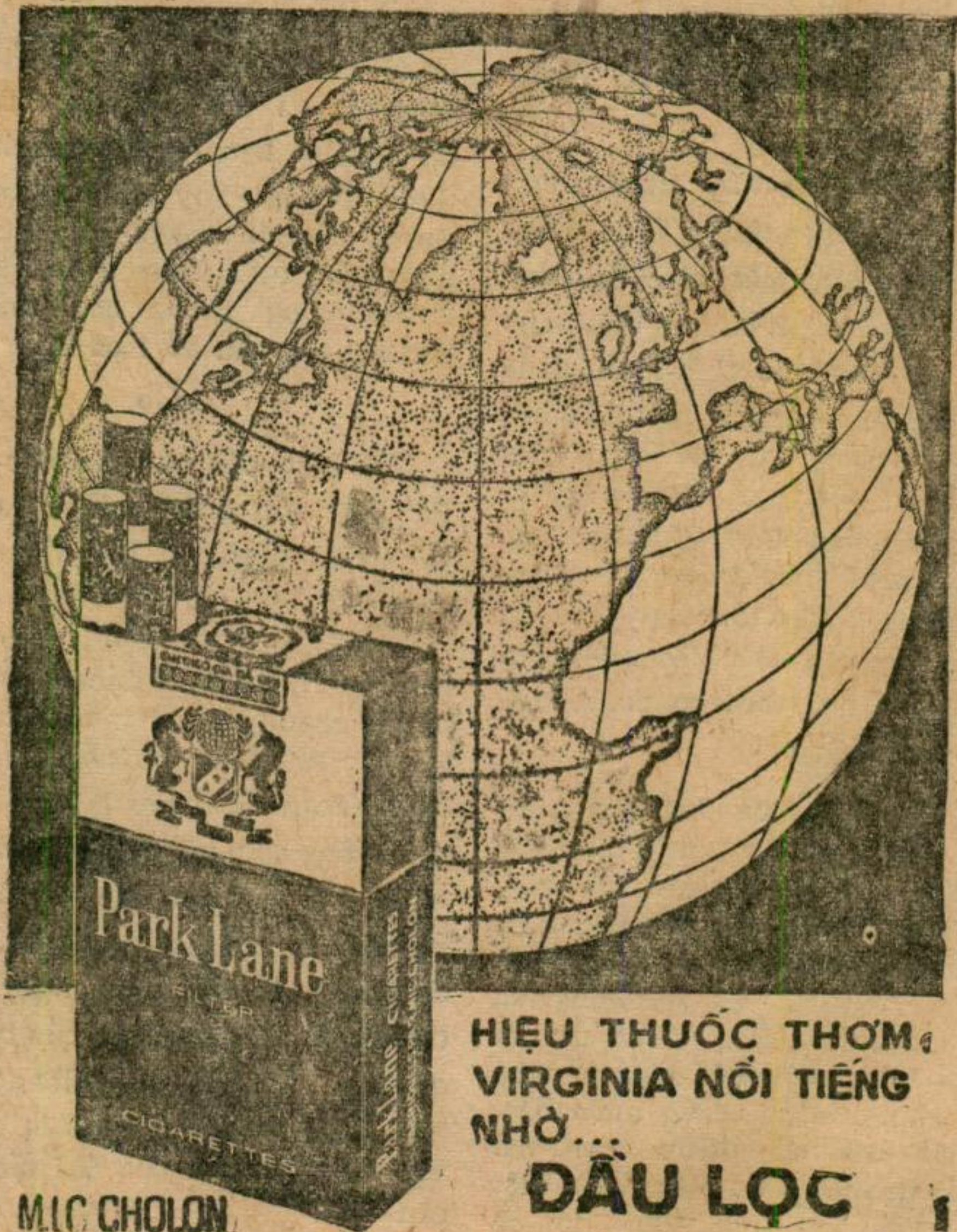
TIN BUỒN

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng các bạn thuộc khóa 7
Sư Phạm Qui Nhơn.

Bạn PHAN MINH TỔNG

Phục vụ tại Quảng-nam đã từ trần tại Đà Nẵng ngày 11 tháng 4
năm 1972.

Một nhóm bạn đồng khóa
tại HÒA VANG — Quảng-nam



MIC CHOLON

Hồ sơ Nga-du của Tổng-thống Hoa-kỳ...

(tiếp theo trang 15)

Làm như vậy mà Bình đã xen vào nội bộ của Hoa-kỳ khiến nhiều phân-tử chủ-hòa phản ứng lại bằng cách tránh không làm điều gì có thể cản trở hoạt động của ông Nixon. Ngoài ra, tại Hoa-kỳ, người ta chỉ phản đối chính phủ khi quốc-gia không bị lâm nguy. Nhưng nếu các cuộc tấn-công của Cộng-sản làm thương tổn uy tín của Hoa-kỳ trên thế giới thì dân chúng sẽ, muôn người như một, xiết chặt hàng ngũ sau vị nguyên-thủ của họ và tạm gác các bất-đồng ý-kiến sang một bên.

Trong bài diễn-văn truyền-hình ngày 26.4 người ta thấy Tổng-thống Nixon đã đưa ra một hình ảnh hết sức lạc quan về tình hình ở Việt-nam. Lạc-quan trong lúc tình-hình đang cực kỳ nghiêm trọng là một điều hơi lạ lùng. Nhưng sự lạc quan này không hoàn toàn giả tạo để tuyên-truyền như nhiều người đã lầm tưởng. Là một người thận trọng và mưu-mô, nếu ông Nixon tỏ ra lạc quan thì chắc hẳn ông còn có nhiều «chường» trong tay chỉ đợi thời cơ thuận-tiện là tung ra mà thôi.

Ngày 8-1 vừa qua ông Nixon đã lại đột ngột tung ra một chương quyết liệt nhất từ trước tới giờ. Trong một bài diễn-văn trên vô-tuyến truyền-hình ông loan báo quyết định của chính-phủ Hoa-kỳ là phong-tỏa hải-phận của Bắc-Việt và cho các tàu bè ngoại quốc một thời hạn 3 ngày để rời khỏi các hải cảng miền Bắc. Hải quân Mỹ đã được lệnh thả thủy lôi quanh bờ biển Bắc-Việt và sau thời hạn trên, thủy lôi sẽ nổ nếu có tàu va chạm tới. Dư

luận quốc-tế đã hồi-hợp đợi-chờ phản ứng của phe Cộng-sản. Ngày 11-5 chính phủ Nga-xô đã đưa ra một bản tuyên bố đòi Mỹ bỏ phong tỏa, ngưng oanh kích Bắc Việt và trở lại bàn hội nghị ở Paris, nhưng không hề nói đến cuộc Nga du của T.T. Nixon. Trung Cộng cũng ra một tuyên bố lên án Mỹ mở rộng chiến tranh và hứa ủng hộ Bắc Việt đến cùng. Tuy nhiên 4 tàu Nga vẫn rời Hải-phòng trước giờ hệ thống mìn tác động. Trong khi đó cùng một lúc với những cuộc biểu tình lẻ tẻ đề chống ông, người ta thấy các điện-văn và thư của dân-chúng tới-tấp gởi tới Bạch-Ốc đề ủng-hộ Tổng-thống Nixon. Tuy không được dân-chúng triệt-đề ủng-hộ như ông Kennedy năm 1962, nhưng hiện thời ông Nixon cũng được hậu thuẫn của khoảng 3/4 dân số Hoa-kỳ.

oOo

Nga ồ-ạt viện trợ cho Bắc-Việt để Bắc-Việt tấn công miền Nam. Mỹ mãnh-liệt oanh-tạc Bắc-Việt để bảo vệ Nam-Việt... Tiếng súng vẫn nổ, máu người Việt vẫn chảy, nhưng hai ông Nixon và Brejnev vẫn chuẩn bị gặp nhau. Người ta tiên đoán rằng tại Mạc-tư-khoa, vào cuối tháng 5 này, ông Nixon sẽ được đón tiếp trọng thể không kém khi ông sang Bắc-kinh. Nhân loại đã bước vào giai-đoạn mới với những phong tục mới. Chính sách vừa đả vừa đàm ngày nay đã trở thành một thông-lệ của bang-giao quốc tế. Và chiến tranh giữa đại cường qua trung-gian tiểu-nhược cũng là một dữ-kiện mới của đời sống hoàn-cầu.

TỪ-MINH